FDVN LAWFIRM

TỔNG HỢP 10 BẢN ÁN VỀ
TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN CÓ TÌNH TIẾT
"PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP"

Email: fdvnlawfirm@gmail.com
Web: fdvn.vn---fdvnlawfirm.vn---diendannghelut.vn

TỔNG HỢP 10 BẢN ÁN VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN CÓ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI CÓ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGHIỆP"

STT	Nội dung	Trang
1	**Bản án số: 105/2019/HS-PT ngày 30-10-2019 TAND tỉnh Đăk Nông** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Quách Hữu T và Lê Tiến Th có quan hệ bạn bè, do muốn có tiền tiêu xài nên Quách Hữu T và Lê Tiến Th rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền. Từ ngày 12-12-2018 đến ngày 27-12-2018, Quách Hữu T và Lê Tiến Th đã cùng nhau trộm cắp 06 chiếc xe mô tô trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tổng giá trị tài sản bị cáo Th và T chiếm đoạt là 105.250.000 đồng. Tổng số tiền bán xe là 12.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí đi lại, cả hai chia đôi và tiêu xài hết. **Toà án sơ thẩm tuyên** Tuyên bố bị cáo Quách Hữu T và bị cáo Lê Tiến Th phạm tội "Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Lê Tiến Th 03 năm 06 tháng tù. Ngày 19-8-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp quyết định kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 06-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp về phần hình phạt đối với bị cáo Quách Hữu T và Lê Tiến Th. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Quách Hữu T và Lê Tiến Th. **Toà án phúc thẩm nhận định** Tại bản án sơ thẩm Toà án đã kết án 2 bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Quách Hữu T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự *"chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*; bị cáo Lê Tiến Th về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự *"Có tính chất chuyên nghiệp";"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng";"Tái phạm nguy hiểm"* là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát: Đối với bị cáo Quách Hữu T là người rủ rê, khởi xướng để bị cáo Th cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân xấu đã 02 lần bị Tòa án kết án cùng về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Đối với bị cáo Th phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm, thể hiện bản chất xem thường pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Lê Tiến Th cung cấp bằng huy chương kháng chiến hạng nhất, được Nhà nước tặng cho mẹ bị cáo bà Phạm Thị V, HĐXX sẽ xem xét khi quyết	1-6

	định hình phạt đối với bị cáo Th theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, xử phạt bị cáo Quách Hữu T 02 năm 06 tháng tù trên mức đầu của khung hình phạt và xử phạt bị cáo Lê Tiến Th 03 năm 06 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với hai bị cáo, chưa đảm bảo được tính răn đe, giáo dục cũng như mục đích của hình phạt và nguyên tắc xử lý tội phạm. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. **Toà án phúc thẩm tuyên** Tuyên bố bị cáo Quách Hữu T và bị cáo Lê Tiến Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Lê Tiến Th 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.	
2	**Bản án số: 05/2022/HS-ST ngày 28/01/2022 TAND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2021, Vũ Văn T (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản) đã thực hiện trộm cắp tài sản 06 lần trong đó có 04 lần tài sản trộm cắp tài sản có giá trị tài sản mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên và 02 lần bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp dưới 2.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Vũ Văn T trộm cắp được đều sử dụng cho mục đích chi tiêu cá nhân. Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp được là 40.464.882 đồng. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. **Toà án sơ thẩm nhận định** Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, 02 lần bị xử phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bị cáo còn cố ý tiếp tục các hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn là do lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường, bất chấp các quy định của pháp luật. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; trong vụ án này bị cáo 04 lần trộm cắp tài sản từ 2.000.000 đồng trở lên, 02 lần trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.	**7-17**

	Toà án sơ thẩm tuyên Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội *Trộm cắp tài sản.* Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **02** *(Hai)* năm **06** *(Sáu)* tháng tù	
3	**Bản án số: 221/2022/HS-PT ngày 17/9/2022 TAND tỉnh Bình Dương** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2020 đến ngày 05/9/2020 trên địa bàn thuộc các phường T, T, T, V, thị xã T, tỉnh Bình Dương các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Như T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản là những con bò của các bị hại để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài Tổng cộng Nguyễn Văn H và Trần Như T đã thực hiện 06 vụ trộm bò của các bị hại là ông H1, S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 299.600.000 đồng. Ông Trần Mạnh H biết rõ các con bò do bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Như T trộm cắp nhưng vẫn giúp sức tích cực trong việc mua, giết mổ để bán nhằm mục đích tư lợi bất chính. **Toà án sơ thẩm tuyên** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Mạnh H và Trần Như T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù; buộc bị cáo Trần Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 05 (năm) tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù. Ngày 25 tháng 7 năm 2022, bị cáo Trần Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. **Toà án phúc thẩm nhận định** Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, trong toàn bộ hồ sơ vụ án, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa chứng minh được bị cáo lấy nguồn thu lợi bất chính từ việc trộm cắp làm nguồn sống chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đúng với quy định của pháp luật. **Toà án phúc thẩm tuyên** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H.	**18-25**
4	**Bản án số: 402/2023/HS-PT ngày 23/6/2023 TAND Cấp cao Tại TP Hồ Chí Minh** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Đặng Hồng H và Trần Hồng S không có nghề nghiệp ổn định, lười lao	

	động, đam mê cờ bạc, ăn chơi dẫn đến nợ nần, để có tiền tiêu xài và trả nợ từ tháng 10/2018 đến ngày 28/09/2020, lợi dụng đêm khuya, vắng người, sự sơ hở của chủ sở hữu, Đặng Hồng H thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản và cùng với Trần Hồng S thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện T2, tỉnh Ninh Thuận. **Toà án sơ thẩm tuyên** Bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý), Đặng Hồng H phạm tội "Trộm cắp tài sản. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Đặng Hồng H 15 (Mười lăm) năm tù; bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý) 14 (Mười bốn) năm tù. Bị hại bà Lê Thị Ngọc O có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. **Toà án phúc thẩm nhận định** Hành vi nêu trên của các bị cáo Đặng Hồng H và Trần Hồng S đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tục trong một thời gian ngắn, lấy đó nguồn sống chính của bản thân, khi thực hiện hành vi trộm cắp có sự khảo sát địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội thuộc trường hợp "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp. **Toà án phúc thẩm tuyên** Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại – bà Lê Thị Ngọc O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.	**26-36**
5	**Bản án số: 98/2019/HS-PT ngày: 24/10/2019 TAND tỉnh Bình Thuận** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung:** Trong khoảng thời gian từ ngày 16/10/2018 đến ngày 23/02/2019, trên địa bàn thành phố Phan Thiết, Bùi Duy T đã lợi dụng lúc đêm khuya, hoặc nhà vắng chủ nhiều lần thực hiện hành vi cậy phá khóa cửa nhà người khác, đột nhập để trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: ***Vụ thứ nhất:*** Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo lời bị cáo khai là khoảng 15.500.000 đồng. ***Vụ thứ hai:*** Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt theo lời khai bị cáo là 123.300.000đ. ***Vụ thứ ba:*** tổng giá trị tài sản mà bị can chiếm đoạt của ông Nguyễn Lê U trong lần phạm tội này là 39.600.000 đồng ***Vụ thứ tư:*** tổng giá trị tài sản mà bị can chiếm đoạt của bà Trần Nguyệt Minh trong lần phạm tội này là 122.427.583 đồng.	**37-46**

	Vụ thứ năm: Tổng giá trị tài sản Tài chiếm đoạt của anh Trần Minh Vũ trong vụ trộm này là ***53.552.943 đồng.*** **Toà án sơ thẩm tuyên:** Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 03 Điều 173, điểm b, s khoản 01 Điều 51, điểm g, h khoản 01 Điều 52 Bộ luật hình sự. ***Tuyên bố:*** Bị cáo Bùi Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản". ***Xử phạt:*** Bị cáo Bùi Duy T 09 (chín) năm tù. Ông Phan Lê T kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án số 97/2019/HS-ST, theo hướng tuyên bị cáo Bùi Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hình sự, theo điểm b, điểm s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tài. **Toà án phúc thẩm nhận định** Hành vi của bị cáo đã đủ để cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy sau khi trộm cắp, bị cáo không tẩu tán tài sản do phạm tội mà có để lấy tiền phục vụ cho nhu cầu cuộc sống gia đình, lấy việc trộm cắp tài sản của người khác làm nguồn thu nhập của bản thân, chính vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng tình tiết "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12/5/2006, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. **Toà án phúc thẩm tuyên** **C**hấp nhận một kháng cáo của ông Phan Lê T, là bị hại tăng trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với ông Phan Lê T. Xử phạt Bị cáo Bùi Duy T 09 (chín) năm tù.	
6	**Bản án số: 121/2019/HS-PT ngày: 01/10/2019 TAND Tỉnh Khánh Hòa** *Về tội tộm cắp tài sản* **Nội dung** Phạm Anh L và Võ Thúy H là người không có nghề nghiệp. Từ ngày 28/02/2018 đến ngày 07/4/2018, L và H đã thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cam Ranh để làm nguồn sống chính. Phạm Anh L, Võ Thúy H khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cam Ranh đã thông báo đến Cơ quan Công an có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. **Toà án sơ thẩm tuyên** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, Điều 105 Bộ luật	**47-52**

	Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thúy H 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 22/4/2019, bị cáo Võ Thúy H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. **Toà án phúc thẩm nhận định** Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng quy định về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 1 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết để giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. **Toà án phúc thẩm tuyên** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thúy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo **VÕ THÚY H** 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".	
7	**Bản án 75/2020/HS-PT ngày 25/02/2020 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Ngày 24/8/2018, Nguyễn Trung BC1 rủ Đặng Lê Phương BC2, Nguyễn Võ Khắc BC4 thuê xe ô tô đi trộm tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và mua ma túy cùng sử dụng. Trong quá trình điều tra, BC1, BC2, BC4, BC3 khai nhận ngoài lần trộm tài sản tại tiệm bạc Việt Hà, cả nhóm còn thực hiện 13 lần trộm cắp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. **Toà án sơ thẩm tuyên** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm b, s khoản 1, 2, Điều 51; điểm b, h, khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung BC1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung BC1 14 (mười bốn) năm tù. Xử phạt bị cáo Đặng Lê Phương BC2 10 (mười) năm tù. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 09 (chín) năm tù. Ngày 23/9/2019 bị cáo Đặng Lê Phương BC2 có đơn kháng cáo; cùng ngày 25/9/2019, bị cáo Nguyễn Trung BC1, bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 đều có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. **Toà án phúc thẩm nhận định**	**53-75**

	Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 như: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả, tự thú và tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là chị Dương Thị Ái N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, r, khoản 1, 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo BC3 theo quy định của pháp luật hình sự. **Toà án phúc tuyên** Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r, khoản 1, 2, Điều 51; điểm b, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 08 (tám) năm tù	
8	**Bản án 76/2018/HS-PT ngày 29/05/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2017 đến ngày 3/8/2017, Trần Anh T và Lê Văn T1 đã lén lút thực hiện 7 vụ trộmcắp, chiếm đoạt 7 chiếc xe mô tô, cụ thể: chiếm đoạt xe môtô của chị Nguyễn Thị D có giá trị là 13.000.000 đồng; chiếm đoạt xe Honda Wave biển số 75L2-6243 của chị Cao Thị Ngọc H có giá trị là 9.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade màu đen-bạc biển kiểm soát 75L2-1828 của anh Nguyễn Minh B có giá trị là 25.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade biển số 79S2-0674 của anh Nguyễn Phước Q có giá trị là 26.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô của chị Nguyễn Thị Quỳnh T có giá trị là 20.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô của anh Châu Văn V có giá trị là 37.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô của chị Nguyễn Thị Minh T có giá trị là 25.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản hai bị cáo đã chiếm đoạt là 155.000.000đồng. Ngoài ra, bị cáo Trần Anh T còn tự mình thực hiện 3 vụ trộm, chiếm đoạt 3 chiếc xe mô tô có giá trị 78.000.000 đồng. **Toà án sơ thẩm tuyên** Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản", Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 8 năm tù. Bị cáo Lê Văn T1 4 năm tù. Ngày 12/3/2018, các bị cáo Trần Anh T và Lê Văn T1 đều có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt. **Toà án phúc thẩm nhận định**	**76-84**

	Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Trần Anh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo liên tục thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị 233.000.000 đồng nên đã phạm vào điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự; lấy đó làm nguồn sống chính nên phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. **Toà án phúc thẩm tuyên** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Anh T, giữ nguyên bảnán sơ thẩm.	
9	**Bản án 31/2021/HSST ngày 14/04/2021 của TAND huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Bị cáo Cấn Xuân Th có chuồng trại và có nghề chăn nuôi, buôn bán trâu bò nhưng là đối tượng lười lao động, vì vụ lợi cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của người dân trong quá trình chăn nuôi động vật để trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2020 Cấn Xuân Th đã thực hiện 09 vụ trộm cắp trâu, bò. **Toà án sơ thẩm nhận định** Hành vi trên của bị cáo Cấn Xuân Th đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về tính tiết tăng nặng: Tuy bị cáo có đi thuê chuồng trại để chăn nuôi trâu bò, nhưng bị cáo lại lợi dụng việc mình có chuồng trại để đi trộm trâu, bò mang về chuồng trại nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan pháp luật và người dân, làm cho nhưng người mua trâu, bò trộm cắp của bị cáo không nghi ngờ về nguồn gốc tài sản khi mua của bị cáo. nên bị cáo Thủy phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" theo Điểm b Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tính tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. **Toà án sơ thẩm tuyên** Tuyên bố bị cáo Cấn Xuân Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 173; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; các điểm b, g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Cấn Xuân Th** 12 (Mười hai) năm tù.	**85-98**
10	**Bản án số 221/2022/HS-PT của TAND tỉnh Bình Dương** *Về tội trộm cắp tài sản* **Nội dung** Nguyễn Văn H làm nghề lái xe thuê từ đầu năm 2000. Trong quá trình lái xe thuê, Nguyễn Văn H thường xuyên đi ngang các tuyến đường trên	

	địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương và nhìn thấy bò của người dân chăn thả ở các bãi đất trống không có người trông coi nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định trộm cắp bò mang bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Nguyễn Văn H rủ Trần Như T (là con riêng của bà Nguyễn Ngọc D, sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn H) cùng tham gia thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H gặp Trần Mạnh H là người chuyên mua trâu, bò sống để làm thịt rồi dùng xe ba gác bán dạo ở địa bàn thị xã T, Nguyễn Văn H hỏi Trần Mạnh H có mua bò sống rồi làm thịt bán không thì Trần Mạnh H đồng ý mua. Tổng cộng Nguyễn Văn H và Trần Như T đã thực hiện 06 vụ trộm bò trên địa bàn thị xã T, Bình Dương và mang bán cho Trần Mạnh H **Toà án sơ thẩm tuyên** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Mạnh H và Trần Như T phạm tội "Trộm cắp tài sản Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù. Ngày 25 tháng 7 năm 2022, bị cáo Trần Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. **Toà án phúc thẩm nhận định** Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, trong toàn bộ hồ sơ vụ án, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa chứng minh được bị cáo lấy nguồn thu lợi bất chính từ việc trộm cắp làm nguồn sống chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đúng với quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, căn cứ các chứng cứ tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và việc đối chất trực tiếp đã chứng minh được hành vi này của bị cáo Trần Mạnh H; xét thấy mức hình phạt 08 (tám) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận. **Toà án phúc thẩm tuyên** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.	**99-106**

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 105/2019/HS-PT
Ngày 30-10-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Phạm Văn Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Vân Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 92/2019/HSPT ngày 12/9/2019 đối với bị cáo: Quách Hữu T và Lê Tiến T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 06-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đăk Nông.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Quách Hữu T, sinh ngày 02-4-1982, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Hữu T1 (đã chết) và bà Lê Thị U; có vợ là Nguyễn Thị M và 01 con sinh năm 2009; nhân thân: Bản án số 15/2005/HSST ngày 31-01-2005 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt ngày 01-01-2006; bản án số 24/2007/HS-ST ngày 29-02-2007 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 18 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt ngày 02-02-2008; bị bắt tạm giam từ ngày 29-12-2018, đang bị tạm giam – có mặt.

2. Lê Tiến Th, sinh ngày 12-01-1991, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 13, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12;

LUẬT SƯ FDVN

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tiến P và bà Phạm Thị V (đều đã chết); tiền án: Bản án số 128/2014/HSST ngày 03-10-2014 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 10-8-2015, Bản án số 04/2016/HSST ngày 28-01-2016 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 15-01-2017; Bị bắt tạm giam từ ngày 03-01-2019 – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quách Hữu T và Lê Tiến Th có quan hệ bạn bè, do muốn có tiền tiêu xài nên Quách Hữu T và Lê Tiến Th rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền. Cả hai bàn bạc, thống nhất Quách Hữu T là người điều khiển xe mô tô chở Lê Tiến Th đi các tuyến đường trên địa bàn huyện Đ, khi phát hiện có xe mô tô không có người trông coi thì Quách Hữu T dừng xe lại đứng cảnh giới, Lê Tiến Th dùng vam phá khóa mở khóa lấy xe, sau đó đưa về Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Từ ngày 12-12-2018 đến ngày 27-12-2018, Quách Hữu T và Lê Tiến Th đã cùng nhau trộm cắp 06 chiếc xe mô tô trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 15 giờ ngày 12-12-2018, Quách Hữu T điều khiển xe biển kiểm soát 93M1-220.39 chở Lê Tiến Th từ xã K vào xã Đ theo đường liên xã. Khi đến rẫy của chị Võ Thị Yến N thuộc thôn 12, xã Đăk Sin thì phát hiện có xe mô tô biển kiểm soát 48 B1-225.72 đang dựng lề đường (xe của anh Nguyễn Minh P). Quan sát thấy không có người trông coi, T dừng xe lại đứng cảnh giới, Th dùng vam mở khóa. Sau đó, T và Th mỗi người một xe điều khiển về khu vực ngã tư A, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người thanh niên tên U không rõ nhân thân với giá 2.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 17 giờ ngày 18-12-2018, Quách Hữu T điều khiển xe chở Lê Tiến Th đi từ xã K hướng về tỉnh Bình Phước theo Quốc lộ 14. Khi đến trước trường Trung học cơ sở L thuộc thôn 10, xã Q, huyện Đ phát hiện xe mô tô BKS 48B1-162.53 của anh Nguyễn Minh P đang dựng bên lề đường không có người trông coi, T dừng lại cảnh giới, Th đến chỗ xe dùng vam mở khóa rồi điều khiển xe về phòng trọ.

Vụ thứ 3: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18-12-2018 Th điều khiển xe BKS 48B1-162.53 vừa trộm được chở T đi từ phòng trọ hướng về Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ. Khi đến trước nhà nghỉ B thuộc thôn 3, xã Q thì phát hiện xe mô tô BKS 48D1-104.61 của chị Nguyễn Thị Phương L dựng trong sân không có người trông coi, Th dừng xe, T đứng cảnh giới, Th đến chỗ xe dùng vam mở

LUẬT SƯ FDVN

khóa. Sau đó, Th và T mỗi người điều khiển một xe đến khu vực ngã tư A, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho U. Xe mô tô BKS 48B1-162.53 bán với giá 3.400.000 đồng, xe mô tô BKS 48D1-104.61 bán với giá 4.100.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 20 giờ ngày 19-12-2018, T điều khiển xe mô tô BKS 93M1-220.39 chở thực từ phòng trọ hướng về thị xã G theo Quốc lộ 14. Khi đến trước nhà anh Võ Văn T thuộc thôn 9, xã N phát hiện xe mô tô BKS 48H1-037.15 của chị Nguyễn Thị Linh Q trong sân không có ai trông coi, T đứng cảnh giới, Th dùng vam mở khóa. T và Th khởi động xe nhưng xe không nổ máy, do đó cả hai đẩy xe về gửi nhà ông Nguyễn Vũ Q, thôn 14, xã Đăk Wer rồi về phòng trọ và không quay lại lấy. Ông Q đã liên hệ và trả chiếc xe này cho bà Lê Thị Minh T mẹ chị Q.

Vụ thứ 5: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23-12-2018, T điều khiển xe mô tô BKS 93M1-220.39 chở Th từ phòng trọ hướng về tỉnh Bình Phước theo Quốc lộ 14. Khi đến trước nhà anh Trần Trí H thuộc thôn 1, xã Q phát hiện xe mô tô BKS 48H1-167.43 của anh Phạm Ngọc Đ không có ai trông coi, T đứng cảnh giới, Th dùng vam mở khóa. Sau đó, Th một mình điều khiển xe đến khu vực ngã tư A bán cho U với số tiền 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 19 giờ 30 ngày 27-12-2018, T điều khiển xe mô tô BKS 93M1-220.39 chở Th đi từ phòng trọ hường về tỉnh Bình Phước theo Quốc lộ 14. Khi đến thôn 3, xã Q, phát hiện trong sân chị Đặng Thị L dựng xe mô tô BKS 48H1-012.94 không có người trông coi. T dừng xe cảnh giới, Th đi đến dùng vam mở khóa xe. Sau đó, T quay về phòng trọ còn Th một mình điều khiển xe vừa trộm hướng về Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ. Th chạy được khoảng 1km thì tự té xe và bị thương, sau đó được người dân đưa đi cấp cứu. Từ vụ tai nạn giao thông này, hành vi trộm cắp tài sản của T và Th bị cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện.

Kết luận định giá tài sản ngày 02-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: xe mô tô BKS 48B1-225.72 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 12.600.000 đồng; xe mô tô BKS 48B1-162.53 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 16.650.000 đồng; xe mô tô BKS 48H1-037.15 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 18.600.000 đồng; xe mô tô BKS 48H1-012.94 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 26.600.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản ngày 02-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 48D1-104.61 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 9.900.000 đồng; xe mô tô BKS 48H1-167.43 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 20.900.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Th và T chiếm đoạt là 105.250.000 đồng. Tổng số tiền bán xe là 12.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí đi lại, cả hai chia đôi và tiêu xài hết.

LUẬT SƯ FDVN

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 06-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Quách Hữu T và bị cáo Lê Tiến Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Quách Hữu T 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-12-2018.

- Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Tiến Th 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03-01-2019.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 19-8-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp quyết định kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 06-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp về phần hình phạt đối với bị cáo Quách Hữu T và Lê Tiến Th. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Quách Hữu T và Lê Tiến Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Quách Hữu T và bị cáo Lê Tiến Th đều thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'lâp về tăng hình phạt đối với 02 bị cáo, cụ thể bị cáo Quách Hữu T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù, bị cáo Lê Tiến Th từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vì mục đích có tiền tiêu xài nên từ ngày 12-12-2018 đến ngày 27-12-2018, bị cáo Quách Hữu T và Lê Tiến Th đã thực hiện 06 vụ trộm cắp xe mô tô tổng giá trị tài sản là 105.250.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 06-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã kết án bị cáo Quách Hữu T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Tiến Th về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

LUẬT SƯ FDVN

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

g) Tái phạm nguy hiểm".

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Quách Hữu T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự *"chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*; bị cáo Lê Tiến Th về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự *"Có tính chất chuyên nghiệp";"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng";"Tái phạm nguy hiểm"* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo Th, thấy rằng:

Đối với bị cáo Quách Hữu T là người rủ rê, khởi xướng để bị cáo Th cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân xấu đã 02 lần bị Tòa án kết án cùng về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích nhưng bị cáo không ăn năn hối cải sau khi đã được cải tạo mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp và lôi kéo thêm bị cáo Th cùng thực hiện. Bị cáo T thể hiện bản chất bất chấp và coi thường pháp luật.

Đối với bị cáo Th là người không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo cũng đã 02 lần bị Tòa án kết án về tội *"Trộm cắp tài sản"* và chưa được xóa án tích. Khi thực hiện hành vi (06 lần) trộm cắp lần này thì bị cáo là người có vai trò tích cực trực tiếp thực hiện việc trộm cắp. Bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm, thể hiện bản chất xem thường pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Lê Tiến Th cung cấp bằng huy chương kháng chiến hạng nhất, được Nhà nước tặng cho mẹ bị cáo bà Phạm Thị V, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Th theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T và Th trong thời gian ngắn đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Đ, gây ảnh hưởng xấu và làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang, lo sợ.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, xử phạt bị cáo Quách Hữu T 02 năm 06 tháng tù trên mức đầu của khung hình phạt và xử phạt bị cáo Lê Tiến Th 03 năm 06 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với hai bị cáo, chưa đảm bảo được tính răn đe, giáo dục cũng như mục đích của hình phạt và nguyên tắc xử lý tội phạm.

LUẬT SƯ FDVN

Vì vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông, tăng hình phạt đối với bị cáo Quách Hữu T và Lê Tiến Th.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Quách Hữu T và bị cáo Lê Tiến Th.

Tuyên bố bị cáo Quách Hữu T và bị cáo Lê Tiến Th phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Quách Hữu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29-12-2018.

- Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Tiến Th 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03-01-2019.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đăk Nông;
- CA huyện Đ;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Tổ HCTP, lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Thuyên

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2022/HS-ST. Ngày 28/01/2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG.

- *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Q Luân
2. Bà Dương Thị Ninh

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký Toà án nhân dân huyện H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Q mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh ngày 04/8/1985;
Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ dân phố Cầu Mới, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;
Dân tộc: Dao; quốc tịch: V Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị L (đã chết); anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ 02; vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1983; con: Có 01 con, sinh năm 2015;

Tiền án: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 59/2018/HSST ngày 26/12/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2021

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 26/HSST ngày 02/09/2004.

Năm 2013 bị Công an phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng, tại Quyết định xử phạt hành chính số 16 ngày 03/11/2013

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 16/09/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

LUẬT SƯ FDVN

** Những người bị hại:*

- Bà Nguyễn Thảo V; sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 2 Minh Thái, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Minh Q; sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đồng Danh, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Lương Q T; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn km 65, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Lù Quốc V; sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Cốc Độ, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang; hiện đang làm thuê cho ông Lê Công Q, địa chỉ; Thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Hứa Thị T; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Công ty TNHH H; người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trọng H - chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, nhân viên công ty; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa)

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Ngọc N; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nghiêm Văn T; sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Phạm Xuân M; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thịnh, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Vũ Thị V; sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Yên, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Phạm Thị H; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Cầu Mới, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố Cầu Mới, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 26/12/2018 bị Tòa án nhân dân huyện H áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tính chất chuyên nghiệp xử phạt T 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 30/01/2021, T chấp hành án trở về địa phương, do không có việc làm, không có tiền chi tiêu, thường này T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22k5 - 7075 (của Phạm Thị H sinh năm 1983 vợ Tuấn) đi dọc các tuyến đường trên

LUẬT SƯ FDVN

địa bàn huyện H mục đích thấy gia đình nào sơ hở thì trộm cắp và trong khoảng thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 9/2021, T đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; trong đó có 04 lần trộm cắp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên; 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng.

04 lần bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị tài sản mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên, cụ thể như sau.

Lần 01: Khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021, T điều khiển xe mô tô trên đến km 34 đường Quốc lộ 2 Tuyên Q - Hà Giang, T nhìn thấy nhà bà Nguyễn Thảo V sinh năm 1978, trú tại thôn 2 Minh Thái, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Q đang xây, bên cạnh có một dựng một lán để trông coi vật liệu xây dựng, T điều khiển xe đi qua nhà bà V một đoạn rồi quay xe lại H về Thị trấn T. Khi đến gần lán, T dựng xe ở ven đường rồi đi bộ vào, khi vào lán phát hiện có hai người đang ngủ say trên giường, đầu giường để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại máy J4, vỏ màu tím của bà Nguyễn Thảo V, T đến gần dùng tay phải cầm chiếc điện thoại để vào túi quần bên phải rồi quay lại nơi để xe mô tô, điều khiển xe đi H Thị trấn T. Đi được một đoạn khoảng 01 km T dừng lại tháo ốp và sim đang lắp ở điện thoại ra rồi ném vào lề đường bên phải sau đó đi về nhà. Khoảng 05 ngày sau, T lấy chiếc điện thoại trên đến một cửa hàng điện thoại không xác định được tại km 7 đường Quốc lộ 2 Tuyên Q - Hà Giang bán chiếc điện thoại trên được 250.000 đồng, số tiền này T chi tiêu cá nhân hết.

Lần 02: Khoảng 02 giờ ngày 31/8/2021, T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến nhà ông Cao Văn H sinh năm 1990, trú tại thôn 1 V Thành, xã Tân Thành đang xây dựng, T dựng xe ngoài đường sau đó đi bộ vào trong rồi đi ra phía sau nhà thì thấy có nhiều cần khoan và mũi khoan của ông Nguyên Minh Q sinh năm 1987, trú tại thôn Đồng Danh, xã Đ, huyện H khoan giếng thuê cho H đang được để ở góc tường phía sau nhà để hôm sau tiếp tục khoan (Q không gửi H trông coi). T dùng hai tay mỗi tai cầm một cần khoan rồi đưa ra gần nơi T để xe mô tô đặt xuống đất, sau đó tiếp tục quay lại lấy trộm các cần khoan và mũi khoan còn lại tổng cộng T lấy được 09 cần khoan bằng kim loại có kích thước dài 2,03m, đường kính đầu to 5,6cm đường kính đầu nhỏ 4cm; 01 cần khoan có gắn mũi bằng kim loại , có kích thước dài 2,3m, đường kính đầu to 5,6cm chiều rộng mũi khoan 0,8cm và 01 mũi khoan bằng kim loại, dài 35cm, đường kính 07cm trị giá 13.559.200 đồng. Khi đã chuyển hết các cần khoan và mũi khoan ra nơi để xe mô tô, T dùng dây cao su đã chuẩn bị từ trước ròi buộc vào giá chở hàng phía sau yên xe. Sau đó, điều khiển xe mô tô đi xuống Km24 và bán toàn bộ cần khoan và mũi khoan cho ông Trần Ngọc N sinh năm 1990 trú tại Thôn Tân Lập, xã Đ, huyện H là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn được 1.270.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết (ông N khi mua không biết là tài sản do T trộm cắp mà có).

Lần 03: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 09/9/2021, T điều khiển xe mô tô trên đi đến nhà ông Lương Q T sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn km 65, xã Y, huyện H thì nhìn thấy có thiết bị tháo lắp nhanh gầu máy cuốc, nhãn hiệu DOOSAN, loại máy DX55 trị giá 15.923.200 đồng để ở sân. T đi bộ đến dùng hai tay bê thiết bị ra nơi để xe mô tô, rồi đặt lên phía sau yên xe, sau đó điều khiển xe đi về H Thị trấn T. Khi đi đến

LUẬT SƯ FDVN

cổng chợ xã Y, T nhặt 01 bao tải màu vàng ở cạnh đường để đựng thiết bị trên, sau đó, T tiếp tục điều khiển xe về thành phố T. Khoảng 06 giờ ngày 10/9/2021, T điều khiển xe mô tô chở thiết bị trên đến cửa hàng mua bán sắt vụn của ông Nghiêm Văn T sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Q bán được số tiền là 690.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết (Quá trình bán T không cho ông Ngiêm Văn T biết tài sản trên do trộm cắp mà có).

Lần 04: Khoảng 01 giờ ngày 16/9/2021, T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đu từ nhà đến quán bán hàng của gia đình ông Lê Công Q sinh năm 1987, trú tại Thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, T dừng xe cách nhà khoảng 30m rồi dừng lại, sau đó T đi bộ vào nhà thấy có Lù Quốc V sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Cốc Độ, xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang (là người làm thuê cho ông Quyền) đang ngủ trong nhà. T phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, loại máy iPhone XS 64GB, màu đen của V để trên đầu giường đang cắm dây sạc. T cúi xuống dùng 1 tay cầm điện thoại, tay còn lại rút dây sạc ra khỏi điện thoại rồi đút điện thoại vào túi quần bên phải. Sau đó, quay lại xe mô tô sau đi về H Thị trấn T, khi đi đến cầu 31 thuộc xã T, huyện H, T dừng xe lại tháo ốp điện thoại và sim đang lắp trong điện thoại vứt xuống suối rồi đi về nhà. Đến trưa ngày 16/9/2021, T đem chiếc điện thoại trên đi cầm cố cho ông Phạm Xuân M sinh năm 1983 trú tại Tổ dân phố Tân Thịnh, Thị trấn T, huyện H là chủ cửa hàng điện thoại với giá 2.500.000 đồng. Khi T vừa nhận đủ số tiền 2.500.000 đồng thì bị Công an huyện H phát hiện (Quá trình T cầm cố ông M không biết điện thoại do T trộm cắp).

02 lần bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, cụ thể như sau.

Lần 01: Khoảng 18 giờ (Không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021, Vũ Văn T đi xe mô tô trên từ thành phố T về, trên đường về, T vào quán của bà Hứa Thị T sinh năm 1990 trú tại Thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H. Vào trong quán không thấy có người, T gọi không thấy ai trả lời. Lúc này, T nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy F1s, vỏ màu trắng của bà Trang trị giá 1.416.000 đồng để trên nóc tủ lạnh, T cầm lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần rồi đi xe mô tô về nhà. Vài ngày sau (không xác định được ngày cụ thể), T đem bán cho quán điện thoại (không xác định được) ở thành phố T được 150.000 đồng, số tiền này T chi tiêu cá nhân hết.

Lần 02: Khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) cuối tháng 7/2021, T điều khiển xe mô tô trên đi từ nhà đến ngôi nhà tại thôn Thọ Bình 2, xã B, huyện H đang được Công ty TNHH H địa chỉ Tổ dân phố 10, phường T, thành phố T thuê làm nơi cho công nhân. T dừng xe ở ngoài đường đi bộ vào trong nhà lấy trộm 01 bao tải trắng bên trong đựng 05 chiếc răng gầu máy cuốc của Công ty TNHH H trị giá 748.000 đồng ở nền nhà, sau khi lấy trộm được đã đem cất giấu ở đồi keo trên đường về rồi về nhà ngủ. Ngày hôm sau, sau khi ăn cơm trưa xong, T điều khiển xe mô tô trên lấy 05 răng gầu đã trộm hôm trước đem đến bán cho bà Vũ Thị V sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Yên, Thị trấn T chủ cửa hàng thu mua phế liệu được 210.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết (Quá trình bán T không cho bà V biết tài sản do

LUẬT SƯ FDVN

trộm cắp mà có).

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐGTS ngày 17/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, loại máy iPhone XS 64GB, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 sim của mạng Viettel, số thuê bao 0983.920.994, tổng trị giá 6.438.410 đ (*Sáu triệu bốn trăm tam mươi ba nghìn bốn trăm linh một đồng*).

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐGTS ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 09 cần khoan bằng kim loại, 01 cần khoan có gắn mũi bằng kim loại và 01 mũi khoan bằng kim loại tại thời điểm ngày 31/8/2021 trị giá 13.559.200 đ (*Mười ba triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng*); 01 thiết bị tháo lắp nhanh gầu máy cuốc nhãn hiệu DOOSAN loại máy DX55 tại thời điểm ngày 10/9/2021 trị giá 15.923.200 (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng*), 05 chiếc răng gầu máy cuốc, tại thời điểm tháng 7/2021 trị giá: 748.500 (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại máy F1s vỏ màu trắng cũ đã qua sử dụng; 01 sim của nhà mạng Viettel số 0394.576.522 tại thời điểm cuối tháng 7/2021 trị giá: 1.416.000 (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J4 vỏ màu tím, 01 ốp điện thoại di động SAMSUNG J4 nhựa màu đen đã qua sử dụng và 01 sim của nhà mạng Viettel số 0399.077.824 tại thời điểm giữa tháng 7/2021 trị giá 2.244.761 đ (*Hai triệu hai trăm bốn mươi bốn ngìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng*); 01 ốp điện thoại iPhone XS nhựa màu xanh đã qua sử dụng thời điểm tháng 9/2021 trị giá 89.820 đ (*Tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp được là 40.464.882 đ (*Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn tăm trăm tám mươi hai đồng*).

Tại cáo trạng số 03/CT-VKSTP, ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Vũ Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với những người bị hại có yêu cầu bồi thường, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị

LUẬT SƯ FDVN

cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của ông Lương Q T, Công ty TNHH H, chị Hứa Thị T và hoàn trả tiền cho ông Phạm Xuân M. Nhưng do chưa có điều kiện để bồi thường nên bị cáo chưa bồi thường.

Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên những nội dung đã khai tại Cơ quan điều tra; bà Nguyễn Thảo V rút yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; ông Lương Q T giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 15.923.200 200 (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng*); bà Hứa Thị T giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.416.000 (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*); Công ty TNHH H giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 748.500 (*Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên nội dung đã khai báo tại Cơ quan điều tra; ông Phạm Xuân M giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) mà ông M đã trả cho bị cáo khi nhận cầm cố điện thoại di động bị cáo trộm cắp được. Riêng bà Phạm Thị H (vợ của bị cáo) có mặt tại phiên tòa, bà H trình bày bà không biết bị cáo dùng xe mô tô của bà làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp; bà không liên quan gì đến việc bị cáo trộm cắp cũng không được nhận tiền hay tài sản gì từ bị cáo. Xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp là xe của bà, là phương tiện đi lại hàng ngày của bà. Do vậy, bà đề nghị được xin lại xe mô tô đang bị tạm giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, ý kiến của nguyên đơn dân sự, lời khai của bị cáo, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cở sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2021, Vũ Văn T (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản) đã thực hiện trộm cắp tài sản 06 lần; trong đó có 04 lần tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng, cụ thể: Lần 01, khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021 tại thôn 2 Minh Thái, xã T, huyện H, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động SamSung J4 trị giá 2.244.761 đồng của bà Nguyễn Thảo V. Khoảng 05

LUẬT SƯ FDVN

ngày sau T bán chiếc điện thoại trên cho quán điện thoại (không xác định) ở thành phố T được 250.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Lần 02, khoảng 02 giờ ngày 31/8/2021, tại thôn 1 V Thành, xã Tân Thành, huyện H, T có hành vi trộm cắp 9 cần khoan bằng kim loại; 01 cần khoan có gắn mũi khoan bằng kim loại; 01 mũi khoan bằng kim loại trị giá 13.559.200 đồng của ông Nguyễn Minh Q. Sau đó T bán cho ông Trần Ngọc N được số tiền 1.270.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Lần 03. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/9/2021, tại thôn Km 65, xã Y, huyện H, T có hành vi trộm cắp 01 thiết bị tháo lắp nhanh gầu máy cuốc, nhãn hiệu DOOSAN, loại máy DX55 trị giá 15.923.000 đồng của ông Lương Q T. Sau đó T bán cho ông Nghiêm Văn T được số tiền là 690.000 đồng dùng chi tiêu cá nhân hết. Lần 4, khoảng 01 giờ ngày 16/9/2021 tại thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone trị giá 6.573.221 đ của ông Lù Quốc V. Sau đó, T cầm cô chiếc điện thoại cho Phạm Xuân M được 2.500.000. Khi T vừa nhận đủ số tiền 2.500.000 đồng thì bị Công an phát hiện. Ngoài ra, T còn thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản khác, trị giá mỗi lần trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, cụ thể: Lần 01. Khoảng 18 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021, tại quán của chị Hứa Thị T tại thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H, T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động OPPO trị giá 1.416.000 đồng của chị Trang. Vài ngày sau, T bán chiếc điện thoại trên cho quán điện thoại (không xác định) ở thành phố T được 150.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Lần 02, Khoảng 01 giờ (không xác định ngày cụ thể) giữa tháng 7/2021 tại thôn Thọ Bình 2, xã B, huyện H, T có hành vi trộm cắp 05 chiếc răng gầu máy cuốc trị giá 748.500 đồng của Công ty TNHH H. Sau đó bán cho bà Vũ Thị V được số tiền 210.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản của họ mà bị cáo đã thực hiện đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản; bị cáo đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo 06 lần thực hiện hành vi phạm tội, tại thời điểm phạm tội bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, số tiền thu được từ bán tài sản trộm cắp bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân, có thể coi tài sản có được từ việc trộm cắp là nguồn thu nhập của bị cáo; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Hành vi phạm tội của bị cáo, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đầu đủ năng lực nhận thức, có trình độ học vấn, nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp. Nên bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi trái với các quy định của pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, 02 lần bị xử phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bị cáo còn cố ý tiếp tục các hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn là do lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường, bất chấp các quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; trong vụ án này bị cáo 04 lần trộm cắp tài sản từ

LUẬT SƯ FDVN

2.000.000 đồng trở lên, 02 lần trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự: Những người bị hại, ông Lương Q T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.923.200đ *(Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng)*, tương đương với giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của ông Thanh; bà Hứa Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.416.000đ *(Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng)* tương đương với giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của bà; Công ty TNHH H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 748.500đ *(Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng)* tương đương với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp của Công ty. Yêu cầu bồi thường của ông Thanh, bà Trang, Công ty TNHH H phù hợp với thiệt hại xảy ra và phù hợp với quy định; tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại nhưng chưa bồi thường được. Nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người bị hại theo yêu cầu của họ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Xuân M yêu cầu bị cáo bồi hoàn khoản tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, là số tiền ông đã trả cho bị cáo khi bị cáo đến cửa hàng của ông để bán tài sản trộm cắp. Xét thấy, khi mua điện thoại di động của bị cáo, ông M không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; số tiền 2.500.000 đồng bị cáo nhận của ông M Cơ quan điều tra đã tạm giữ; điện thoại di động đã thu hồi và trả cho người bị hại. Nên hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ cho ông Phạm Xuân M.

[7] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ: số tiền 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động iPhone XS, màu đen cũ, đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu sơn đỏ, đen, biển số 22K5-7075 cũ đã qua sử dụng; 09 cần khoan bằng kim loại; 01 cần khoan có gắn mũi khoan đều bằng kim loại; mũi khoan cũ, đã qua sử dụng.

Ngày 14/12/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lù Quốc V 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS; trả lại cho Nguyễn Minh Q 09 cần khoan, 01 cần khoan có gắn mũi khoan và 01 mũi khoan. Việc Cơ quan điều tra trả lại tài sản bị trộm cắp thu hồi được cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã tạm giữ và gửi vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho ông Phạm Xuân M.

LUẬT SƯ FDVN

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu sơn đỏ, đen, biển số 22K5-7075, là xe của bà Phạm Thị H, vợ bị cáo. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi lại để đi trộm cắp tài sản bà H không biết, bà H cũng không được hưởng lợi từ việc bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Nên trả lại xe mô tô biển kiểm soát 22K5-7075 cho bà H theo quy định.

Đối với 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen, là mũ của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị lấy lại nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với các ông Trần Ngọc N, Nghiêm Văn T, Phạm Xuân M, bà Vũ Thị V khi mua tài sản của T bán không biết, T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với các cửa hàng điện thoại T khai bán tại thành phố T, Cơ quan điều tra không xác định được cửa hàng, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Thị H không biết T sử dụng xe vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường; bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội *Trộm cắp tài sản.*

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **02** *(Hai)* năm **06** *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, ngày 16/9/2021.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho ông Lương Q T số tiền 15.923.200đ *(Mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng)*.

Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho bà Hứa Thị T số tiền 1.416.000đ *(Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng)*.

Buộc Vũ Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH H số tiền 748.500đ *(Bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).*

" Đối với khoản tiền chưa bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự."

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Phạm Xuân M số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

LUẬT SƯ FDVN

Trả lại cho bà Phạm Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu ELEGANT, màu sơn đỏ, đen, biển số 22K5-7075 cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 10/01/2022; số tiền 2.500.000 đồng Cơ quan điều tra Công an huyện H đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H mở tại Kho bạc Nhà nước huyện H theo Ủy nhiệm chi số 01, ngày 12/01/2022).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn T phải nộp 904.385đ *(Chín trăm linh tư nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng)* án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Vũ Văn T, bà Phạm Thị H, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Q Luân – Dương Thị Ninh	**Lương Thanh Huyền**

LUẬT SƯ FDVN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;
- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam;
- UBND Thị trấn T;
- Bị cáo;
- Những người bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2022/HS-PT
Ngày 17 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Bà Nguyễn Thị Sang

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 220/2022/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Trần Mạnh H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Mạnh H sinh năm 1984 tại tỉnh V; nơi đăng ký thường trú: thôn 1 P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký tạm trú: khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Phan Thị T; có vợ và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 16/4/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 54/2021/HS-ST. Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Bản án phúc thẩm số 20/2022/HS-PT ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện T.

- Ngày 25/5/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 63/2021/HS-ST. Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Bản án phúc thẩm số 262/2021/HS-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện X.

LUẬT SƯ FDVN

Từ tháng 6/2020 đến ngày 13/9/2020 có hành vi "Trộm cắp tài sản", ngày 05/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X, tỉnh Đồng Nai bắt giữ người trong T hợp khẩn cấp và tạm giam từ ngày 11/9/2020.

Bị cáo đang chấp hành các bản án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5) đến ngày 21/6/2022 Cơ quan quản lý tạm giữ tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 553/QĐ-CAT-CQQLTG,TG điều chuyển bị cáo đến Nhà tạm giữ Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo; 06 bị hại; 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H làm nghề lái xe thuê từ đầu năm 2000. Trong quá trình lái xe thuê, Nguyễn Văn H thường xuyên đi ngang các tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương và nhìn thấy bò của người dân chăn thả ở các bãi đất trống không có người trông coi nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định trộm cắp bò mang bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Nguyễn Văn H rủ Trần Như T (là con riêng của bà Nguyễn Ngọc D, sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn H) cùng tham gia thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H gặp Trần Mạnh H là người chuyên mua trâu, bò sống để làm thịt rồi dùng xe ba gác bán dạo ở địa bàn thị xã T, Nguyễn Văn H hỏi Trần Mạnh H có mua bò sống rồi làm thịt bán không thì Trần Mạnh H đồng ý mua.

Tổng cộng Nguyễn Văn H và Trần Như T đã thực hiện 06 vụ trộm bò trên địa bàn thị xã T, Bình Dương và mang bán cho Trần Mạnh H, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng 11 giờ ngày 11/6/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô sirius biển số 93C1 – 341.79 đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, Bình Dương với mục đích tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến khu vực bãi đất trống gần cầu K thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, Nguyễn Văn H nhìn thấy đàn bò của ông Nguyễn Thanh H (H1) đang chăn thả không người trông coi. Lúc này, Nguyễn Văn H nhìn thấy tờ giấy ghi số điện thoại xe chở thuê của ông Trần Thế T dán trên cột điện nên Nguyễn Văn H gọi điện cho ông T1 kêu đến địa điểm thuộc khu phố K, phường T để chở bò về địa bàn thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì ông T1 đồng ý. Sau đó ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 đến địa điểm gần khu vực cầu K. Lúc này Nguyễn Văn H đi đến dắt trộm con bò giống cái, lông màu đỏ vàng, khoảng 02 năm tuổi, có 2 sừng dài 04cm, cao khoảng 1,3 mét, nặng khoảng 150 kg của ông H1 dẫn đến vị trí xe ô tô của ông T1 đang đậu cách đó khoảng 61 mét. Sau đó, Nguyễn Văn H cùng ông T1 đưa con bò lên xe ô tô rồi dẫn đường cho ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chở bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán bò cho Trần Mạnh H. Sau đó, Nguyễn Văn H trả tiền công vận chuyển cho ông T1 với số tiền 1.500.000 đồng rồi ông T1 điều khiển đi đâu thì Nguyễn Văn H không rõ. Sau đó, Nguyễn Văn H bán con bò vừa lấy trộm được của ông H1 cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng.

LUẬT SƯ FDVN

Ngày 11/6/2021, ông H1 đến công an phường Khánh Bình, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường Khánh Bình, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 341/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu đỏ vàng, khoảng 02 năm tuổi, có 2 sừng dài 04cm, cao khoảng 1,3 mét, nặng khoảng 150 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 34.340.000 đồng.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 10 giờ ngày 13/8/2020, Nguyễn Văn H rủ T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô sirius biển số 93C1 – 341.79 chở T đi từ phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương đến khu vực gần vườn tràm trên đường T 36 thuộc khu phố K, phường T, thị xã T thì Nguyễn Văn H nhìn thấy có đàn bò của ông Tống Văn S đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này Nguyễn Văn H gọi điện thoại cho ông T1 kêu ông T1 điều khiển xe tải chở bò về B thì ông T1 đồng ý. Sau đó theo sự chỉ dẫn của Nguyễn Văn H, ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chạy đến đường T 36 thuộc khu phố S, phường T. Khi xe của ông T1 đến nơi, bị cáo T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến khu vực đàn bò của ông S đang ăn cỏ dắt 01 con bò giống đực, lông màu vàng, khoảng 05 năm tuổi, có 2 sừng dài 20cm, cao khoảng 1,75 mét, nặng khoảng 500 kg lên xe của ông T1. Sau đó Nguyễn Văn H dẫn đường cho ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chở bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán bò cho Trần Mạnh H còn T điều khiển xe mô tô biển số 93C1 – 341.79 đi về nhà. Sau đó, Nguyễn Văn H trả tiền công vận chuyển cho ông T1 với số tiền 1.500.000 đồng rồi ông T1 điều khiển đi đâu thì Nguyễn Văn H không rõ. Sau đó Nguyễn Văn H bán con bò vừa lấy trộm được của ông S cho Trần Mạnh H với giá 15.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại thì Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/8/2021, ông S đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 342/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống đực, lông màu vàng, khoảng 05 năm tuổi, có 02 sừng dài 20cm, cao khoảng 1,75 mét, nặng khoảng 500 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 66.900.000 đồng.

3. Vụ thứ ba:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/8/2020, Nguyễn Văn H rủ T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô sirius biển số 93C1 - 341.79 chở T đi từ khu phố P đến khu phố B thuộc phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy 01 con bò giống cái, lông màu đỏ, 03 con bò khoảng năm tuổi, có 02 sừng dài 15cm, cao khoảng 1,5 mét, nặng khoảng 200kg của ông Đỗ Văn Q đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi.

LUẬT SƯ FDVN

Lúc này Nguyễn Văn H gọi điện thoại cho ông T1 kêu ông T1 điều khiển xe tải chở bò về B thì ông T1 đồng ý. Sau đó theo sự chỉ dẫn của Nguyễn Văn H, ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chạy đến khu phố B thuộc phường T. Khi xe của ông T1 đến nơi, bị cáo T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, lông màu đỏ, 03 khoảng năm tuổi, có 2 sừng dài 15cm, cao khoảng 1,5 mét, nặng khoảng 200kg lên xe của ông T1. Sau đó Nguyễn Văn H dẫn đường cho ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chở bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán bò cho Trần Mạnh H còn T điều khiển xe mô tô biển số 93C1 - 341.79 đi về nhà. Sau đó, Nguyễn Văn H trả tiền công vận chuyển cho ông T1 với số tiền 1.500.000 đồng rồi ông T1 điều khiển đi đâu thì Nguyễn Văn H không rõ. Sau đó Nguyễn Văn H bán con bò vừa lấy trộm được của ông Quí cho Trần Mạnh H với giá 11.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 23/8/2021, ông Quí đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 346/KLTS-TTHS ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu đỏ, 03 khoảng năm tuổi, có 2 sừng dài 15cm, cao khoảng 1,5 mét, nặng khoảng 200kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 41.100.000 đồng.

4. Vụ thứ tư:

Khoảng 10 giờ ngày 25/8/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô tải biển số 62C - 028.97 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến bãi đất trống thuộc khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy đàn bò của ông Phan H1 An đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này, T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, lông màu vàng đậm, khoảng 4 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,4 mét, cân nặng khoảng 250kg lên xe ôtô biển số 62C - 028.97. Sau đó Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô biển số 62C - 028.97chở T và con bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu H, tỉnh Đồng Nai để bán cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại thì Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/9/2021, ông An đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 340/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu vàng đậm, khoảng 4 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,4 mét, cân nặng khoảng 250kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 47.900.000 đồng.

5. Vụ thứ năm:

LUẬT SƯ FDVN

Khoảng 10 giờ ngày 03/9/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô tải biển số 62C - 028.97 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến bãi đất trống thuộc khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy đàn bò của ông Nguyễn Phạm Thái H2 đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này, T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, lông màu vàng trắng (bò đạm), khoảng 03 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,2 mét, cân nặng khoảng 300 kg lên xe ôtô biển số 62C - 028.97. Sau đó Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô biển số 62C - 028.97chở T và con bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/9/2021, ông H2 đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 340/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu vàng trắng (bò đạm), khoảng 03 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,2 mét, cân nặng khoảng 300 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 54.680.000 đồng.

6. Vụ thứ sáu:

Khoảng 10 giờ ngày 05/9/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô tải biển số 62C - 028.97 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến bãi đất trống thuộc khu phố 2, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy đàn bò của ông Nguyễn Văn T2 đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này, T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, giống cái, lông màu vàng sậm, khoảng 06 năm tuổi, có 2 sừng dài 05cm, cao khoảng 1,2 mét, nặng khoảng 300 kg lên xe ôtô biển số 62C - 028.97. Sau đó Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô biển số 62C - 028.97chở T và con bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu H, tỉnh Đồng Nai để bán cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 05/9/2021, ông T2 đến Công an phường V, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường V, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 345/KLTS-TTHS ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, giống cái, lông màu vàng sậm, khoảng 06 năm tuổi, có 2 sừng dài 05cm, cao khoảng 1,2 mét, nặng khoảng 300 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 54.680.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn H cùng đồng phạm đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tổng cộng 06 con bò của các bị hại là ông H1, S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 299.600.000 đồng. Bị cáo Trần Như T cùng đồng phạm đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tổng cộng 05 con bò của các ông S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 265.260.000 đồng. Bị cáo Trần Mạnh H biết rõ 06

LUẬT SƯ FDVN

con bò của bị cáo Nguyễn Văn H mang đến bán cho bị cáo là tài sản trộm cắp nhưng đã hứa hẹn và đồng ý mua tổng cộng 06 con bò mà bị cáo Nguyễn Văn H trộm cắp của ông H1, S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 299.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 152/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Mạnh H và Trần Như T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù; tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 262/2021/HS-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/2021/HS-PT ngày 12/1/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo Trần Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù; tổng hợp với hình phạt 08 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 63/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai; 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 54/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai; 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 22 (Hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020; xử phạt bị cáo Trần Như T 05 (năm) năm tù; tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 63/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai; 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 54/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai; 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; buộc bị cáo Trần Như T phải chấp hành hình phạt chung là 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, bị cáo Trần Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhưng trong hồ sơ vụ án không chứng minh được tính chuyên nghiệp nên việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự của cấp sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

LUẬT SƯ FDVN

Bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2020 đến ngày 05/9/2020 trên địa bàn thuộc các phường T, T, T, V, thị xã T, tỉnh Bình Dương các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Như T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản là những con bò của các bị hại để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài; bị cáo Trần Mạnh H biết rõ các con bò do bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Như T trộm cắp nhưng vẫn giúp sức tích cực trong việc mua, giết mổ để bán nhằm mục đích tư lợi bất chính.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương; bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện; 06 vụ trộm bò mà các bị cáo thực hiện có tổng giá trị là 299.600.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, trong toàn bộ hồ sơ vụ án, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa chứng minh được bị cáo lấy nguồn thu lợi bất chính từ việc trộm cắp làm nguồn sống chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đúng với quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Mạnh H quanh co không thừa nhận hành vi đồng phạm trong việc mua 01 con bò đực của bị hại Tống Văn S bị trộm cắp ngày 13/8/2020. Tuy nhiên, căn cứ các chứng cứ tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và việc đối chất trực tiếp đã chứng minh được hành vi này của bị cáo Trần Mạnh H; xét thấy mức hình phạt 08 (tám) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

LUẬT SƯ FDVN

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Trần Mạnh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù; tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 262/2021/HS-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/2022/HS-PT ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo Trần Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Mạnh H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (1),
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NMT, 19.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Lộc

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 402/2023/HS-PT
Ngày: 23 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự xét xử phúc thẩm thụ lý số: 891/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Trần Hồng S, Đặng Hồng H. Do có kháng cáo của bị hại bà Lê Thị Ngọc O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2022/HS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu, điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần là phòng xử của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu, Kiểm sát viên.

LUẬT SƯ FDVN

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Hồng S:* Luật sư Nguyễn Quốc T – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hồng H:* Luật sư Đoàn Trọng N – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- *Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý), sinh năm: 1989, tại tỉnh Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 8, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận;

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T3; Vợ là: Nguyễn Thị Thảo T4 và 02 người con; Tiền sự: Không.

Tiền án: tại bản án số 02/2020/HSST ngày 08/01/2020 Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt bị cáo 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày 8/01/2020 về tội: "Đánh bạc" (Hành vi đánh bạc thực hiện ngày 29/9/2019). Chưa chấp hành xong.

Nhân thân:

- Tại bản án số 05/2008/HSST ngày 26/03/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt 9 tháng tù về tội: " Trộm cắp tài sản".

- Tại Bản án số 11/2017/HSST ngày 04/05/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: " Đánh bạc".

- Tại quyết định số 1516/QĐ-XPVPHC ngày 04/09/2015 bị Công an thị trấn T1 xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau, đã nộp phạt.

- Tại quyết định số 47/QĐ-XPVPHC ngày 18/8/2017 bị Công an thị trấn T1 xử phạt 1.000.000đ về hành vi gây mất trật tự công cộng, đã nộp phạt.

Tạm giữ: 08/10/2020, Tạm giam: 14/10/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Đặng Hồng H, sinh năm: 1991, tại tỉnh Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận;

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Ngọc

LUẬT SƯ FDVN

Sơn và bà: Trần Thị Kim Anh; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: 07/10/2020, Tạm giam: 14/10/2020.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Lê Thị Ngọc O, sinh năm: 1961 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị Thảo T4, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 8, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

(Trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hồng H và Trần Hồng S không có nghề nghiệp ổn định, lười lao động, đam mê cờ bạc, ăn chơi dẫn đến nợ nần, để có tiền tiêu xài và trả nợ từ tháng 10/2018 đến ngày 28/09/2020, lợi dụng đêm khuya, vắng người, sự sơ hở của chủ sở hữu, Đặng Hồng H thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản và cùng với Trần Hồng S thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện T2, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung vụ trộm cắp tài sản liên quan đến kháng cáo như sau:

Vào ngày 14/12/2019 sau khi nghiên cứu, bàn bạc, thống nhất trộm cắp tài sản tại tiệm vàng X và chuẩn bị xong công cụ, phương tiện, trang phục, vật dụng nhằm tránh để lại dấu vết. Khoảng 02 giờ 15 phút cùng ngày, H và S mặc áo mưa, găng tay, mũ trùm đầu, ba lô mang theo kìm cộng lực, đi đến tiệm vàng X do bà Lê Thị Ngọc O làm chủ. Khi vào được trong cửa tiệm, H mở cốp xe máy dựng ở hành lang tìm kiếm tài sản, nhưng không có gì. H tiếp tục đi vào bên trong quầy bán vàng mở các cánh cửa nhưng không được, H quay ra đi đến bàn bán hàng mà bà O hay ngồi để kiểm tra các hộc bàn, tìm tài sản nhưng cũng không tìm được gì. Lúc này H quay S quầy bán vàng để tìm cách mở ngăn cửa tủ trưng bày vàng, S cũng đi đến. H luồn tay kéo ra thì mở được cánh cửa ngăn tủ, H tiếp tục làm như vậy thì mở được hết tất cả các cánh cửa ngăn tủ bên cạnh. H và S lấy tất cả vàng trong ngăn tủ bỏ vào ba lô rồi cả hai đi đến ngã tư trước nhà của mẹ S ngồi nghỉ. Sau đó S rủ H vào lại nhưng do H mệt nên không đi,

LUẬT SƯ FDVN

một mình S vào lại chỗ bán vàng của tiệm X tiếp tục lấy trộm vàng, được khoảng 5 phút sau đi ra mang theo một số vàng nữa rồi cùng H đi đến bờ sông gần quán Thiên Vương Tửu, vứt bỏ kìm cộng lực, quần áo bên ngoài, mũ, găng tay, rồi S mang ba lô đựng vàng về nhà mình cất giấu.

Sau khi trộm được vàng S lên mạng tìm người mua vàng và liên hệ bán hết số vàng trộm cắp được với tổng số tiền 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng). S đưa cho H số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) trước tết, và 145.000.000đ (một trăm bốn mươi năm triệu đồng) sau tết, còn lại S giữ tổng số tiền là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Ngoài ra, S giữ lại 01 lắc tay, 01 nhẫn vàng và đưa cho Nguyễn Thị Thảo T4 (vợ S) cất giữ. Cơ quan điều tra đã khám xét nhà và thu hồi số vàng này.

Đối với số vàng bị mất trộm tại tiệm vàng X, sau khi vụ trộm cắp trên xảy ra thì bà Lê Thị Ngọc O đã cung cấp cho CQCSĐT đoạn video quay cụ thể hành vi trộm cắp vàng của các bị cáo tại các khay đựng vàng trong tủ kính của cửa tiệm và hình ảnh số lượng vàng khi chưa bị các bị cáo trộm cắp được camera ghi lại nên có thể đối cH xác định được số lượng vàng bị trộm cắp. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 794/KLĐGTS-TTHS ngày 17/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Thuận kết luận: Tổng giá trị tài sản vàng bị mất tại cửa hàng X là: 2.757.420.000đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Bị cáo Trần Hồng S và Đặng Hồng H khai nhận: Sau khi lấy trộm vàng tại tiệm vàng X thì đã phân loại các loại vàng và qua tìm kiếm "mua bán vàng chợ đen" trên mạng Internet, đã liên hệ với một người tên Nam không rõ nhân thân lai lịch để hẹn bán số vàng trên. Sau đó S đã mang số vàng trộm cắp được bán cho Nam với giá "chợ đen" là 2.900.000/1 chỉ đối với loại vàng 9999 và 2.000.000đ/1 chỉ đối với loại vàng 18k, riêng vàng trắng thì bằng với giá tiền vàng 18k tại khu vực xã V1, huyện V2, tỉnh Bình Thuận. Tổng cộng số tiền bán vàng được là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó: Vàng 9999 là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng); Vàng 18k, vàng trắng là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Quá trình bán vàng thì đối tượng Nam có cân vàng nhưng không nói trọng lượng cho S biết mà chỉ nói số tiền mua, S đồng ý bán và nhận tiền đi về.

Quá trình điều tra, các Bị cáo S và H không xác định được cụ thể số lượng, trọng lượng vàng đã lấy trộm của tiệm vàng X. Bản thân S cũng thừa nhận giá bán vàng "chợ đen" thấp hơn nhiều so với giá vàng trên thị trường và cũng không đưa ra được căn cứ cụ thể để xác định trọng lượng số vàng mà S và H đã lấy trộm nên không có cơ sở để định giá theo lời khai của Bị cáo.

LUẬT SƯ FDVN

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được trong vụ án xác định tài sản mà H và S trộm cắp được trong vụ án này là: 2.757.420.000đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Bà O yêu cầu H và S bồi thường số tiền trên.

Về tang vật thu giữ tại hiện trường tiệm vàng X gồm:

01 cây sắt KT: dài 0,31 m, đường kính 0,01 m, đầu có hàn 01 miếng sắt tròn 0,03 m, có lỗ ở giữa; 01 đoạn cây có vỏ màu nâu, dài 1,76 m, đầu lớn 0,05 m, đầu nhỏ 0,025 m;

01 cây sắt KT dài 0,31 m, đường kính 0,01 m, đầu có hàn 01 miếng sắt tròn 0,03 m, có lỗ ở giữa; 02 chìa khóa hiệu Việt Tiệp, màu trắng bạc, loại chìa khóa răng cưa, dài 06 cm và 02 chìa khóa hiệu Việt Tiệp, màu trắng bạc, loại chìa khóa răng cưa, dài 5,5 cm; đựng trong 01 túi niêm phong có mã số PS2A 030100, bên ngoài có chữ ký điều tra viên Hồ Xuân Chung và dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra.

01 ổ khóa màu trắng bạc hiệu Huy hoàng TITANIOM móc kìm đã bị cắt rời kích thước 9,5x6x18cm; 02 chìa khóa màu trắng hiệu Huy Hoàng dài 5,5cm.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 27/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Trần Hồng S, Đặng Hồng H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý), Đặng Hồng H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đặng Hồng H 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 07/10/2020.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm b , h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý) 14 (Mười bốn) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù tại bản án số 02/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

Buộc bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 08/10/2020.

LUẬT SƯ FDVN

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2022, ngày 02/11/2022 và ngày 24/11/2022, bị hại bà Lê Thị Ngọc O có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng các qui định pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố đối với bà Nguyễn Thị Thảo T4 (vợ của bị cáo S) về "Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" hoặc "Không tố giác tội phạm" là bỏ lọt tội phạm. Quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo còn nhiều mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ, chưa cho tiến hành đối chất, thực nghiệm điều tra, nhận dạng. Việc không áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức và việc áp dụng tình tiết thật thà khai báo ăn năn hối cải cho các bị cáo là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại bà Lê Thị Ngọc O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, do cấp sơ thẩm có nhiều tH sót trong việc điều tra, truy tố, xét xử. Bà Nguyễn Thị Thảo T4 (vợ của bị cáo S) có chứng kiến biết việc bị cáo S trộm, có tiêu thụ vàng mà không khởi tố, là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đặng Hồng H và Trần Hồng S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Sau khi áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, mức hình phạt của cấp sơ thẩm là phù hợp.

Xét kháng cáo của bị hại là Lê Thị Ngọc O, kết quả điều tra cho thấy, vợ của bị cáo S không biết về hành vi phạm tội của S trước và sau khi phạm tội, đồng thời cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên không thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Không tố giác tội phạm" đối với Nguyễn Thị Thảo T4 - vợ của bị cáo S. Đối với việc điều tra mua bán vàng giữa bị cáo S và người tên Nam: quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng mua vàng của hai bị cáo, chưa xác định được nơi thực hiện mua bán, trao đổi nên yêu cầu của bị hại Lê Thị Ngọc O xin điều tra lại sự việc trên là không có cơ sở để xác minh, làm rõ thêm. Tại cấp sơ thẩm, bà O đồng ý Bản kết luận định giá tài sản, để 2 bị cáo liên đới bồi thường số tiền 2.757.420.000 đồng. Do đó, kháng cáo của bà O về việc hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo S, Luật sư Nguyễn Quốc T trình bày:

LUẬT SƯ FDVN

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Trần Hồng S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú khai báo những lần phạm tội, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo S không kháng cáo, đồng ý mức hình phạt của bản án sơ thẩm. Hai bị cáo khai nhận bán số vàng trộm cắp tại tiệm X với số tiền 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng) nhưng hai bị cáo vẫn đồng ý Bản kết luận định giá tài sản và đồng ý bồi thường cho bà O số tiền 2.757.420.000đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo H, Luật sư Đoàn Trọng N trình bày:

Thống nhất tội danh và hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Quá trình điều tra ngoài một lời khai duy nhất của Trâm, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc Trâm biết rõ H và S đã thực hiện vụ trộm cắp tại tiệm vàng X. Đối với đối tượng mua vàng của hai bị cáo, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ xử lý sau. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc O về việc hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Hồng S, Đặng Hồng H thống nhất ý kiến của các Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đặng Hồng H và Trần Hồng S không có nghề nghiệp ổn định, lười lao động, đam mê cờ bạc, ăn chơi dẫn đến nợ nần, để có tiền tiêu xài và trả nợ từ tháng 10/2018 đến ngày 28/09/2020, lợi dụng đêm khuya, vắng người, sự sơ hở của chủ sở hữu, Đặng Hồng H thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 489.246.500 đồng, đồng thời Đặng Hồng H cùng với Trần Hồng S thực hiện 06 vụ trộm cắp khác, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 3.158.346.597 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đặng Hồng H và Trần Hồng S đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại bà Lê Thị Ngọc O kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm đề điều tra truy tố xét xử lại. Hội đồng xét xử xét thấy:

LUẬT SƯ FDVN

Đối với kháng cáo cho rằng cơ quan điều tra chưa điều tra đầy đủ, chưa cho đối chất, thực nghiệm điều tra …: Trong vụ trộm vàng tại cửa tiệm vào ngày 14/12/2019 thì bà Lê Thị Ngọc O đã cung cấp cho Cơ quan cảnh sát điều tra đoạn video quay cụ thể hành vi trộm cắp vàng của các bị cáo tại các khay đựng vàng trong tủ kính của cửa tiệm, hình ảnh số lượng vàng khi chưa bị trộm cắp được camera ghi lại, nên có cơ sở đối cH xác định số lượng vàng bị mất. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 794/KLĐGTS-TTHS ngày 17/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Thuận kết luận: Tổng giá trị tài sản vàng bị mất tại cửa hàng X là: 2.757.420.000đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Các bị cáo khai nhận không xác định được cụ thể số vàng đã trộm nhưng đồng ý với kết luận của biên bản định giá tài sản. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền theo kết luận định giá tài sản. Do không có sự mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo và bị hại nên việc thực hiện đối chất hay thực nghiệm là không cần thiết. Đối với các vụ trộm không có kháng cáo do mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo và bị hại cơ quan điều tra đều có yêu cầu đối chất nhưng bị hại không đồng ý đối chất và giữ nguyên lời khai.

Đối với ý kiến cho rằng chưa làm rõ trong các bị cáo ai là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, các bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã làm rõ, bị cáo H xác nhận bị cáo là người chuẩn bị công cụ và rủ S cùng đi trộm cắp tài sản.

Do đó, không có căn cứ cho rằng Cơ quan điều tra đã không thực hiện đầy đủ các biện pháp điều tra.

Tại bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo như: Bị cáo H là người có vai trò tích cực trong việc quan sát tìm hiểu vị trí, điều kiện, hoàn cảnh của từng bị hại, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở liền rủ rê, bàn bạc cùng với Trần Hồng S lên kế hoạch đột nhập, trộm cắp tài sản còn bị cáo S là người chủ động gợi ý, rủ rê H cùng đi trộm nên phải đánh giá vai trò của bị cáo là người thực hành tích cực. Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên không xác định các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo là có căn cứ.

Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tục trong một thời gian ngắn, lấy đó nguồn sống chính của bản thân, khi thực hiện hành vi trộm cắp có sự khảo sát địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội thuộc trường hợp "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp.

LUẬT SƯ FDVN

Về tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú khai báo những lần phạm tội; bị cáo Trần Hồng S tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên đã áp dụng điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Việc bị hại cho rằng các bị cáo không khai báo thành khẩn là không phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của bà Nguyễn Thị Thảo T4 là vợ của Trần Hồng S. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra Trâm khai nhận: Thấy S và H ngồi đếm vàng và Trâm được S cho sử dụng lắc vàng và nhẫn vàng, đồng thời Trâm biết được tiệm vàng X bị mất trộm có nghi ngờ S và H trộm cắp tại tiệm vàng X nhưng Trâm đã không trình báo với Cơ quan Công an. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Trâm không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc Trâm biết rõ H và S đã thực hiện vụ trộm cắp tại tiệm vàng X. Nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự Nguyễn Thị Thảo T4 về tội "Không tố giác tội phạm" qui định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Về phần dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều đồng ý bồi thường cho bị hại Oanh số tiền theo kết luận định giá tài sản, bà O cũng không có ý kiến gì về vấn đề này nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường cho bà O số tiền 2.757.420.000đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

Từ các phân tích ở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại bà Lê Thị Ngọc O, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do các bị cáo không có kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm. Bị hại bà Lê Thị Ngọc O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

LUẬT SƯ FDVN

1/ Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại – bà Lê Thị Ngọc O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Đặng Hồng H 15 (Mười lăm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 07/10/2020.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm b , h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý) 14 (Mười bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù tại bản án số 02/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

Buộc bị cáo Trần Hồng S (tên gọi khác: Bi Quý) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 08/10/2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Đặng Hồng H, Trần Hồng S có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Ngọc O số tiền 2.757.420.000đ (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về án phí:

LUẬT SƯ FDVN

Các bị cáo Đặng Hồng H, Trần Hồng S không phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm. Bị hại bà Lê Thị Ngọc O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Nguyễn Thị Ngọc Hoa** **Trần Thị Hòa Hiệp**

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2019/HS-PT
Ngày: 24 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái và bà Lê Thị Thanh Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú, Thư ký TAND tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 86/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo Bùi Duy T, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* Bùi Duy T (tên gọi khác T đĩ), sinh năm: 1990 tại Bình Thuận, nơi cư trú: Khu phố X, phường P.T, thành phố P.T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là bà Lê Nguyễn Nhật L và 02 con tên Bùi Vĩ K, sinh năm: 2015, Bùi Linh Đ, sinh năm: 2018; tiền án: Tại Bản án số 91/2016/HS-ST, ngày 10/6/2016 của TAND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; nhân dân: Tại Bản án số 91/2006/HS-ST, ngày 20/7/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 09/12/2007; bị cáo bị bắt và tạm giữ từ ngày 17/11/2018, đến ngày 26/11/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú", đến ngày 23/02/2019, bị cáo bị bắt và tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo*:

Bị hại: Ông Phan Lê T, sinh năm: 1978, địa chỉ: Khu phố X, phường P.T, thành phố P.T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

LUẬT SƯ FDVN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/10/2018 đến ngày 23/02/2019, trên địa bàn thành phố Phan Thiết, Bùi Duy T đã lợi dụng lúc đêm khuya, hoặc nhà vắng chủ nhiều lần thực hiện hành vi cậy phá khóa cửa nhà người khác, đột nhập để trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 16/10/2018, Bùi Duy T đã dùng kềm cộng lực đem theo cắt khoen cửa, đột nhập vào nhà ông Phan Trọng T ở thôn Xuân Hòa, xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, chiếm đoạt tài sản.

Theo bị hại khai số tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đỏ, mua năm 2009, giá trị còn lại thời điểm bị chiếm đoạt khoảng 3.000.000đ, 01 máy tính xách tay hiệu Dell màu xám trị giá 4.500.000đ, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia trị giá 450.000đ, 05 chỉ vàng SJC trị giá 17.500.000đ và 5.000.000 tiền mặt. Tổng số tài sản bị Tài chiếm đoạt trị giá là ***30.450.000 đồng***. Tuy nhiên, anh Tín không còn lưu giữ những giấy tờ mua bán các tài sản trên. Tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản chiếm đoạt, nhưng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự đã xác định không có cơ sở để định giá tài sản.

Theo bị cáo Bùi Duy T khai nhận có chiếm đoạt 02 chiếc máy tính xách tay hiệu Dell như anh Tín khai, nhưng chỉ thừa nhận đã lấy 03 chỉ vàng SJC và 2.000.000đ tiền mặt. Đồng thời sau khi trộm cắp, Tài khai đã bán 02 chiếc máy tính xách tay trên với giá 03 triệu đồng, 03 chỉ vàng SJC với giá 10.500.000đ, điện thoại Nokia, bị cáo cho người quen nhưng không nhớ là ai; Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo lời bị cáo khai là khoảng ***15.500.000 đồng***.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ ngày 29/10/2018, Bùi Duy T dùng cây sắt cậy cửa đột nhập vào nhà vợ, chồng ông Phan Lê T và bà phạm Thị Hồng D ở khu phố 7, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, chiếm đoạt số tài sản.

Theo bị hại khai số tài sản bị chiếm đoạt gồm: 03 sợi dây chuyền và 01 bộ vừa dây chuyền, nhẫn hoa tai, tất cả đều bằng vàng 18K trị giá tổng cộng là: 38.500.000đ; 06 đôi hoa tai vàng 18K, trị giá là 14 triệu đồng; 09 chiếc nhẫn trị giá 21 triệu đồng; 02 vòng tay bạch kim trị giá 08 triệu đồng; một vòng tay ngọc trai trị giá 5.000.000đ; 04 đồng hồ đeo tay nam và nữ trị giá 7,3 triệu đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo trị giá 15 triệu đồng; 01 lồng và chim họa mi trị giá 4,6 triệu đồng; 01 điện thoại di động Iphone 5S mua năm 2016 trị giá 6,9 triệu đồng; 01 điện thoại di động hiệu Philip (được bạn tặng) không rõ giá trị. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là ***120.300.000 đồng***. Bị hại khai, không mất 02 thẻ vàng SJC như đã khai tại cơ quan điều tra.

Bị cáo Bùi Duy T xác nhận có lấy số tài sản như bị hại khai báo, sau khi trộm được tài sản trên Tài khai đã bán nhiều nơi và không nhớ cụ thể nơi bán. Số tiền bán tài sản của ông Tuấn, bà Duyên bị cáo khai: Bán máy tính xách tay hiệu Lenovo với giá 2,5 triệu đồng; lồng và chim họa mi bán 800.000đ; số vàng nữ

LUẬT SƯ FDVN

trang bán nhiều nơi được số tiền khoảng 27 triệu đồng; điện thoại Iphone 5S bán 500.000đ; Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt theo lời khai bị cáo là ***30.800.000đ.***

Theo yêu cầu điều tra bổ sung số 01 ngày 06/8/2019, của Tòa án thành phố Phan Thiết cơ quan điều tra đã cho ông Tuấn, bà Duyên nhận dạng trong số 38 chiếc đồng hồ thu giữ từ bị cáo Tài, có 02 chiếc đồng hồ hiệu Michael Kors và Pintime. Tại kết luận định giá tài sản số 159, ngày 09/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự đã xác định: *Đồng hồ hiệu Michael Kors đơn giá 2, 2 triệu đồng , tỷ lệ sử dụng còn lại 50% trị giá 1,1 triệu đồng, đồng hồ hiệu Pintime đơn giá 1,8 triệu đồng, tỷ lệ sử dụng còn lại 50% trị giá 900.000đồng*; Cơ quan điều tra hiện đã giao trả hai chiếc đồng này cho ông Tuấn, bà Duyên.

Ông Tuấn, bà Duyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ thiệt hại tài sản là 118.300.000 đồng (đã trừ trị giá 02 đồng hồ thu hồi được) và 05 triệu đồng tiền chi phí sửa chữa cửa nhà bị hư hỏng do hành vi cậy phá khóa để trộm cắp tài sản của bị cáo Tài, tổng cộng ***123.300.000đ***.

Vụ thứ 3: Khoảng 03 giờ sáng, ngày 14/11/2018, Bùi Duy T dùng tay giật cửa đột nhập vào nhà ông Nguyễn Lê U, tọa lạc tại khu phố 2, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, chiếm đoạt số tài sản gồm: 01 máy máy tính xách tay hiệu HP; 01 tượng gỗ hình Gia Cát Lượng cao 60cm và 8.000.000 đồng tiền mặt; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 8800 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310.

Sau khi lấy trộm được tài sản Tài đưa tài sản về cất giấu tại phòng trọ của mình ở khu phố 3, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết. Đối với máy tính xách tay, Tài khai đã bán cho cửa hàng sửa chữa điện thoại trên đường Phạm Ngọc Thạch do Nguyễn Thành Phúc làm chủ, với giá 3.500.000 đồng. Cơ quan điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã thu hồi chiếc máy tính xách tay nói trên từ Nguyễn Thành Phúc và những tài sản khác trong vụ trộm này, riêng số tiền 8.000.000 đồng Tài đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 220/KL-HĐĐG, ngày 23/11/2018, của Hội đồng định giá thành phố Phan Thiết trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 điện thoại di động Nokia 8800 trị giá 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310 trị giá 500.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu HP trị giá 12.600.000 đồng; 01 tượng gỗ hình Gia Cát Lượng bằng gỗ cẩm lai trị giá 8.500.000 đồng. Tổng giá giá trị: 31.600.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị can chiếm đoạt của ông Nguyễn Lê U trong lần phạm tội này là **39.600.000 đồng.**

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Lê U. Bùi Duy T cũng đã bồi thường lại số tiền 8.000.000 đồng đã chiếm đoạt của ông Uyên nên ông Uyên không có yêu cầu gì về dân sự.

Ông Nguyễn Thành Phúc yêu cầu Tài phải trả lại số tiền 3.500.000 đồng mà Phúc đã bỏ ra để mua chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP, hiện Tài chưa trả lại cho số tiền trên cho ông Phúc.

LUẬT SƯ FDVN

Vụ thứ 4: Khoảng 11 giờ ngày 15/11/2018, Bùi Duy T đã dùng kềm cộng lực và 01 cây xà beng, cạy khóa cửa, lén lút đột nhập vào nhà bà Trần Nguyệt Minh, ở khu phố 2, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, lấy trộm các tài sản gồm: 01 máy máy tính xách tay hiệu Acer ; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy TabS , 01 chai nước hoa hiệu Chanel; 01 chai nước hoa hiệu CK Summer; một chiếc hộp bên trong có: 02 nhẫn nữ bằng kim loại màu vàng; 05 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (có trong lượng 01 cây vàng); 01 mặt dây chuyền hình Phật bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 02 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 02 dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 03 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 01 nhẫn nữ bằng kim loại màu trắng; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 02 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng và số tiền 2.500.000 đồng.

Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, Tài bỏ tất cả vào ba lô đựng máy tính xách tay hiệu Acer đã chiếm đoạt của bà Minh, rồi điều khiển xe mô tô về phòng trọ tại khu phố 3, phường Phú Trinh cất giấu. Riêng chiếc kềm cộng lực và cây xà beng dùng để phá khóa trên đường về phòng trọ Tài đã ném mất.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Tài đem máy máy tính xách tay hiệu Acer đến nhà của ông Vương Nhật Anh Khoa bán với giá 2.500.000 đồng. Đồng thời cầm cố tại tiệm cầm đồ số 8 cho bà Thái Đức Liên Chi, số tài sản gồm: 03 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng với giá 7.000.000 đồng.

Bà Trần Nguyệt Minh sau khi về nhà, phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo Công an phường Phú Hài. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 01 máy tính xách tay hiệu Acer từ ông Vương Nhật Anh Khoa và 03 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, cùng 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng từ bà Thái Đức Liên Chi. Đồng thời tiến hành khám xét cấp nơi ở của Tài và thu giữ được một số nữ trang mà Tài đã chiếm đoạt của chị Minh

Tại Kết luận định giá tài sản số 219/KL-HĐĐG ngày 23/11/2018 của Hội đồng định giá thành phố Phan Thiết trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspise V13; Model: MS2392, số hiệu: V3-371-303J có trị giá: 5.000.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy TabS có giá trị: 3.000.000 đồng; 01 chai nước hoa hiệu Chanel có giá trị: 2.850.000 đồng; 01 chai nước hoa hiệu CK Summer có giá trị: 900.000 đồng. Tổng giá giá trị: **11.750.000 đồng.**

- Tại kết quả thử nghiệm của Công ty TNHH một thành viên giám định PNJ, ngày 11/01/2019 và Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 25/01/2019 của Hội đồng định giá thành phố Phan Thiết trong tố tụng hình sự, đã kết luận: Số nữ trang Tài chiếm đoạt của chị Minh được cơ quan điều tra thu giữ và gửi giám định đều là vàng, tổng khối lượng là 33,895 chỉ, và có tổng giá trị ***108.177.583 đồng.***

LUẬT SƯ FDVN

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị can chiếm đoạt của bà Trần Nguyệt Minh trong lần phạm tội này là **122.427.583 đồng.**

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã thu hồi và trả lại các tài sản trên cho bà Trần Nguyệt Minh. Sau khi nhận lại tài sản bà Minh không có yêu cầu gì về dân sự.

Ông Vương Nhật Anh Khoa yêu cầu Tài trả lại số tiền 2.500.000 đồng, mua chiếc máy tính xách tay hiệu Acer, hiện Tài chưa trả lại số tiền trên.

Bà Thái Đức Liên Chi đã được chị Lê Nguyễn Nhật Linh (vợ Tài) trả lại 07 triệu đồng tiền cầm cố nữ trang trộm cắp trong vụ án, hiện không yêu cầu bồi thường dân sự.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 07 giờ ngày 23/02/2019, Bùi Duy T dùng kềm mang theo cắt ổ khóa cửa chính đột nhập vào trong nhà ông Trần Minh Vũ, ở đường Lê Thị Hồng Gấm, thuộc khu phố 10, phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vaio; 01 hộp đựng nhiều loại nữ trang bằng vàng. Sau khi lấy trộm Tài mang số tài sản này ra cất vào cốp xe máy của bị cáo để trước sân, rồi tiếp tục quay vào nhà để tiếp tục lục soát trộm cắp tài sản .

Khi Tài đang lục soát thì anh Vũ về và phát hiện cửa bị phá khóa và đang khép hờ, nghi ngờ trộm còn trong nhà nên tri hô người dân xung quanh tới giúp đồng thời khóa cửa chính lại. Lúc này, Tài đi từ trong nhà ra và giả vờ nói với ông Vũ "Em vừa vào đánh nó xong, anh mở cửa cho em", ông Vũ không mở cửa nên Tài lấy bình xịt hơi cay mang theo trong người xịt vào mặt ông Vũ, đạp cửa chính chạy ra đồng thời rồi ném lại bình xịt hơi cay rồi nhanh chân lên xe mô tô biển số 86C1-226.39 chạy thoát.

Ông Trần Minh Vũ đã trình báo cho Công an phường Phú Trinh. Qua xem hành ảnh từ máy ghi hình, xác định đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp có đặc điểm nhận dạng giống Bùi Duy T nên Cơ quan điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã mời Tài về làm việc, qua đấu tranh Tài đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời chỉ nơi cất giữ tài sản để Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ toàn bộ tài sản Tài đã chiếm đoạt của anh Vũ.

Căn cứ vào kết quả thử nghiệm của Công ty TNHH một thành viên giám định PNJ, ngày 07/03/2019, và Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG, ngày 22/03/2019, của Hội đồng định giá thành phố Phan Thiết trong tố tụng hình sự đã kết luận: Số nữ trang Tài trộm cắp của anh Vũ gửi giám định đều ***là vàng, tổng khối lượng là 19,569 chỉ,*** có tổng giá trị 50.952.943 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Sony Vio giá trị: 2.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Tài chiếm đoạt của anh Trần Minh Vũ trong vụ trộm này là ***53.552.943 đồng.***

Căn cứ kết luận giám định số 380, ngày 03/5/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- Chất lỏng trong bình xịt gửi đến giám định chứa thành phần Capsaicin (8-methyl-N-vanillyl-6-nonenamide).

LUẬT SƯ FDVN

- Capsaicin (8-methyl-N-vanillyl-6-nonenamide) là chất gây cay, khi tiếp xúc gây ra cảm giác nóng, chảy nước mắt, chảy nước mũi, mất phương hướng.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã trả lại các tài sản cho ông Trần Minh Vũ, ông Vũ không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 03 Điều 173, điểm b, s khoản 01 Điều 51, điểm g, h khoản 01 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy T 09 (chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 23/02/2019. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 26/11/2018.

Bồi thường dân sự : Áp dụng điểm b khoản 01 điều 46, Điều 589 Bộ luật dân sự,

[1] Tuyên buộc Bùi Duy T phải bồi thiệt hại về tài sản cho ông Phan Trọng T là 20.750.000đ.

[2] Tuyên buộc Bùi Duy T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phan Lê T và bà Phạm Thị Hồng D số tiền là 49.500.000đ, gồm trị giá các tài sản sau: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo có giá trị 15 triệu đồng; 01 lồng chim và chim có giá trị 4,6 triệu đồng, số nữ trang vàng 18K có hóa đơn biên lai, có tổng trọng lượng 07 chỉ 06 phân 01 ly vàng 18K, với giá 3.000.000đ/chỉ là 23 triệu đồng (làm tròn số), điện thoại Iphone 5S có giá trị là 6,9 triệu đồng; Tổng cộng là 49.500.000đ.

Ông Tuấn và bà Duyên được quyền khởi kiện riêng về dân sự đối với số tài sản còn lại mà bị hại đã yêu cầu trong vụ án.

[3] Áp dụng Điều 123, Điều 131 Bộ luật Dân sự :

Tuyên buộc Bùi Duy T phải hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Phúc số tiền 3.500.000đ, hoàn trả lại cho ông Vương Nhật Anh Khoa số tiền 2.500.000 đồng, mà bị cáo Bùi Duy T đã nhận thông qua giao dịch mua bán máy tính xách tay đã trộm cắp trong vụ án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 01 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận được lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

LUẬT SƯ FDVN

Xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 01 Điều 46 Bộ luật Hình sự và điểm a, điểm c khoản 02 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[1] Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước ½ trị giá thành tiền xe mô tô hiệu Yamaha Luvias; Số khung: RICL44S10AX012467; Số máy:44S1-012449, giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị Giàu (sinh năm 1982; HKTT:Thôn Hiệp Đức 2, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) để sung công quỹ nhà nước; Giao trả lại trị giá ½ chiếc xe cho bà Lê Nguyễn Nhật Linh, bà Linh được quyền ưu tiên mua lại 1/2 chiếc xe máy trên (nếu có yêu cầu).

[2] Tuyên tịch thu tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội gồm: 02 cây sắt, 01 cây cưa, 01 bình xịt hơi cay, 01 cây kềm, 01 túi xách.

[3] Tuyên giao trả lại điện thoại Iphone 7 plus màu bạc; Số Sêri: F2LSK2JAHG01 cho bị cáo do không liên quan đến việc phạm tội.

[4] Giao lại máy máy tính xách tay hiệu Macbook Air hãng Apple cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định chủ sở hữu tài sản để xử lý theo quy định pháp luật.

(Tài sản vật chứng được bàn giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết theo biên bản số 130 ngày 08/8/2019)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại là ông Phan Lê T kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án số 97/2019/HS-ST, theo hướng tuyên bị cáo Bùi Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hình sự, theo điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tài. Buộc bị cáo Tài phải bồi thường cho ông Tuấn giá trị tài sản đã trộm cắp là 120.300.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là ông Phan Lê T trình bày:Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vấn đề áp dụng bộ luật hình sự năm 2015 để tôi xem lại vì đã được sửa đổi năm 2017. Tôi yêu cầu Tòa xử cho công bằng tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và bồi thường tài sản cho tôi mà bị cáo đã thừa nhận lấy trộm.

Bị cáo Bùi Duy T trình bày:Tôi yêu cầu được bồi thường như Tòa Phan Thiết xử .Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguwoif bị hại đã đua ra thêm chứng cú mua vàng từ những năm 2018 trở về trước nên tôi đồng ý bồi thường số tiền như bị hại yêu cầu và xin giảm nhẹ án

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:Đề nghị tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

LUẬT SƯ FDVN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Bùi Duy T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính lười biếng, thích hưởng thụ nên Bùi Duy T đã lén lút, xâm nhập vào nhà ở của ông Phan Trọng T, ông Phan Lê T và bà Phạm Thị Hồng D, ông Nguyễn Lê U, bà Trần Nguyệt Minh, ông Trần Minh Vũ để trộm cắp tài sản, với tổng giá trị được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Phan Thiết và sự thừa nhận của bị cáo đối với các tài sản bị xâm phạm là **261.080.526** triệu đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ để cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Ông Phan Lê T kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án số 97/2019/HS-ST, ngày 12/8/2019, của TAND thành phố Phan Thiết, theo hướng tuyên bị cáo Bùi Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm b khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", theo điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tài. Buộc bị cáo Tài phải bồi thường cho ông Tuấn giá trị tài sản đã trộm cắp là 120.300.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Hội đồng xét xử sơ thẩm đã viện dẫn, và áp dụng mục 4 phần II của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP, ngày 25/12/2001, để xác định giá trị tài sản bị xâm phạm trường hợp tài sản bị xâm phạm không còn nữa là đúng với quy định. Đối với phần giá trị tài sản còn lại bị xâm phạm, mà ông Tuấn yêu cầu bị cáo phải bồi thường, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định ông Tuấn có thể thực hiện thông qua việc khởi kiện vụ án dân sự để được giải quyết. Trong vụ án này, không có cơ sở để xác định tài sản bị xâm phạm có giá trị như ông Tuấn yêu cầu, nên không có căn cứ để buộc bị cáo phải bồi thường.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Tuấn đã trưng ra môt số hóa đơn mua vàng từ những năm 2018 trở về trước chứng minh cho số tài sản mà bị cáo đx lấy đi.Mặt khác, tại phiên tòa qua xác minh lại thì những tài sản bị cáo lấy mà người bị hại khai bị cáo đều thừa nhận, cho nên bị cáo yêu cầu được bồi thường đủ như người bị hại yêu cầu.Vì thế nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy sau khi trộm cắp, bị cáo không tẩu tán tài sản do phạm tội mà có để lấy tiền phục vụ cho nhu cầu cuộc sống gia đình, lấy việc trộm cắp tài sản của người khác làm nguồn thu nhập của bản thân, chính vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng tình tiết "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12/5/2006, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cho xã hội. Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của ông

LUẬT SƯ FDVN

Phan Lê T là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, sửa phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một kháng cáo của ông Phan Lê T, là bị hại tăng trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với ông Phan Lê T, Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 03 Điều 173, điểm b, s khoản 01 Điều 51, điểm g, h khoản 01 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy T 09 (chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 23/02/2019. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 26/11/2018.

Bồi thường dân sự : Áp dụng điểm b khoản 01 điều 46 Bộ Luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự,

Tuyên buộc Bùi Duy T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phan Lê T và bà Phạm Thị Hồng D số tiền là 49.500.000đ, gồm trị giá các tài sản sau: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo có giá trị 15 triệu đồng; 01 lồng chim và chim có giá trị 4,6 triệu đồng, số nữ trang vàng 18K có hóa đơn biên lai, có tổng trọng lượng 07 chỉ 06 phân 01 ly vàng 18K, với giá 3.000.000đ/chỉ là 23 triệu đồng (làm tròn số), điện thoại Iphone 5S có giá trị là 6,9 triệu đồng; Tổng cộng là 49.500.000đ.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phan Lê T và bà Phạm Thị Hồng D số tiền là 73.800.000 (bảy mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 01 điều 468 Bộ

LUẬT SƯ FDVN

luật Dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận được lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Tuyên buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 6165.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, thời hạn kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;
- CQĐT Công an thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;
- UBND phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thiên Hương

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 121/2019/HSPT
Ngày: 01/10/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**
Các Thẩm phán: 1/ Bà **BÙI THỊ NGHĨA**
2/ Ông **VÕ ĐÌNH PHƯƠNG**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **VÕ VĂN THÀNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Võ Thúy H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

VÕ THÚY H - Sinh ngày: 13/01/2001 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Thôn Tân Hiệp, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Võ Văn S – sinh năm 1971 và bà Bùi Thị Trang P – sinh năm 1976.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ (bắt truy nã) từ ngày 28/6/2018 đến ngày 01/7/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Anh L và Võ Thúy H là người không có nghề nghiệp. Từ ngày 28/02/2018 đến ngày 07/4/2018, L và H đã thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cam Ranh để làm nguồn sống chính. Cụ thể:

Vụ 01: Phạm Anh L rủ Võ Thúy H cùng với người tên L1, H1, U, M (chưa rõ lai lịch) đi từ thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Cam Ranh để tìm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Cả nhóm đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/02/2018; L, H cùng với L1, H1, U, M ngồi uống nước ở vỉa hè ngã ba Mỹ Ca

LUẬT SƯ FDVN

thuộc phường Cam Nghĩa; L1 nói với cả nhóm đi tìm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Tất cả đồng ý. Sau đó, H, U, M ngồi tại quán nước chờ. L điều khiển xe mô tô hiệu Taurus chở H1, L1 đi đến đường vào mỏ đá Hàm Rồng ở thôn Quảng Phúc, xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh. Tại đây, L1 thấy xe mô tô biển số 79C1 - 151.87 của ông Trần Văn M1 (xe ông M1 mượn của con gái Trần Nguyên Lệ C) để ở ven đường. L dừng lại để L1, H1 đến rút dây bình điện xe của ông Minh. L1 điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được, L điều khiển xe chở H1 quay về quán nước. Sau đó, L và L1 mang xe mô tô 79C1 – 151.87 đi bán ở tiệm sửa xe thuộc quận Phú Nhuận được 800.000 đồng. Số tiền trên cả nhóm tiêu xài chung.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô hiệu WAND, biển số 79C1 - 151.87 trên, trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ 02: Khoảng 14 giờ ngày 06/3/2018, L và H quen biết với người tên T, B (chưa rõ lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh. L rủ cả nhóm đến thành phố Cam Ranh để tìm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Tất cả đồng ý và đón xe khách đi đến Cam Ranh. Khi đến ngã ba Mỹ Ca, cả nhóm đi đến khu vực bờ biển thuộc tổ dân phố Nghĩa Cam, phường Cam Nghĩa thì T và B thấy xe mô tô 79C1 - 044.20 của anh Trần Ngọc S1 để gần bờ biển, không có ai trông coi. T và B đến lấy trộm xe mô tô 79C1 – 044.20 và cả nhóm đi đến quán nước vỉa hè ở ngã ba Mỹ Ca, phường Cam Nghĩa.

Vụ 03: Sau khi lấy được xe trên, L nói H và B ngồi ở quán nước đợi còn L điều khiển xe mô tô 79C1 - 044.20 chở T tiếp tục đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến mỏ đá Hàm Rồng, L phát hiện xe mô tô 79U2 - 5338 của ông Trương Quang T1 dựng bên lề đường, không ai trông coi. L đến lấy trộm xe mô tô 79U2 - 5338 rồi điều khiển xe mô tô 79U2 - 5338, T điều khiển xe mô tô 79C1 - 044.20 quay lại quán nước. Sau đó, T và B lấy hai xe mô tô 79C1 - 044.20 và xe mô tô 79U2 - 5338 đi đâu không rõ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79C1 - 044.20 nhãn hiệu SOEM trên, trị giá 2.800.000 đồng (bút lục số 325, 326).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79U2 - 5338 nhãn hiệu MAXTHAI trên, trị giá 2.450.000 đồng.

Vụ 04: Khoảng 07 giờ ngày 01/4/2018, L điều khiển xe mô tô 53Y6 - 4149 chở H đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến khu vực đồng muối ở thôn Hòa Diêm, xã Cam Thịnh Đông; L thấy xe mô tô 79U2 - 8564, có gắn chìa khóa xe của anh Nguyễn Văn S2 để ở lề đường. L đến lấy xe mô tô 79U2 - 8564. L điều khiển xe mô tô 79U2 - 8564, còn H điều khiển xe mô tô 53Y6 - 4149 đi vào thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. L và H nhờ một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) dẫn đi bán xe mô tô 79U2 - 8564 cho ông Hồ Xuân Đ được 1.900.000 đồng. L cho người đàn ông giúp bán xe 300.000 đồng. Số tiền còn lại 1.600.000 đồng cả hai tiêu xài cá nhân.

LUẬT SƯ FDVN

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 10/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79U2 - 8564 nhãn hiệu Yamaha Sirius trên, trị giá 11.500.000 đồng.

Vụ 05: Khoảng 11 giờ ngày 01/4/2018, L điều khiển xe mô tô 53Y6 - 4149 chở H đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến đường thuộc thôn Nước Ngọt, xã Cam Lập; L thấy xe mô tô 79N6 - 8616 của anh Nguyễn Đức H2 để ở nhà bỏ hoang gần đường. L đến lấy xe mô tô 79N6 - 8616. Sau đó, L và H đến tiệm thu mua phế liệu của ông Trần Nhất S3 ở thôn Hòa Sơn, xã Cam Thịnh Đông bán xe mô tô 79N6 - 8616 cho ông Sơn được 450.000 đồng. Số tiền trên L và H tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 76 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79N6 - 8616 nhãn hiệu WAND trên, trị giá 2.100.000 đồng.

Vụ 06: Khoảng 17 giờ ngày 03/4/2018, L điều khiển xe mô tô 53Y6 - 4149 chở H đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến khu vực bờ biển gần nhà máy xi măng Hà Tiên thuộc thôn Hòa Diêm, xã Cam Thịnh Đông; L thấy xe mô tô 79C1 - 03798 của anh Mang C1 để ở khu vực bờ biển. L lấy trộm xe mô tô 79C1 - 03798 rồi L, H đến tiệm thu mua phế liệu của bà Bùi Thị T2 ở thôn Giải Phóng, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh bán cho bà T2 được 400.000 đồng. Số tiền trên L và H tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 79 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu SOEM, biển số 79C1 - 03798 trên, trị giá 2.800.000 đồng.

Vụ 07: Khoảng 17 giờ ngày 04/4/2018, L điều khiển xe mô tô 53Y6 - 4149 chở H đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến khu vực bờ biển gần trường mẫu giáo Cam Thịnh Đông ở xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh; L thấy xe mô tô 79L7 - 5197 của ông Võ Thành L2 để trên bờ biển, không ai trông coi. L đến rút dây bình điện, cùng H mang đến tiệm thu mua phế liệu của bà Bùi Thị T2 bán cho bà T2 được 400.000 đồng. Số tiền trên cả hai tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 77 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79L7 - 5197 nhãn hiệu FUSKI trên, trị giá 2.100.000 đồng.

Vụ 08: Khoảng 11 giờ ngày 05/4/2018, L điều khiển xe mô tô biển số 53Y6 - 4149 chở Võ Thúy H đi tìm xe mô tô trộm cắp. Khi đến khu vực nhà máy xi măng Hà Tiên ở thôn Hòn Quy, xã Cam Thịnh Đông; L thấy xe mô tô 79Z1 - 086.16 của ông Hoàng Ngọc M2 để sát tường nhà máy xi măng, không ai trông coi. L đến thấy chìa khóa gắn trên xe nên lấy xe mô tô 79Z1 - 086.16 rồi điều khiển đi trước, còn H điều khiển xe mô tô 53Y6 - 4149 đi theo sau. Cả hai đi đến huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận bán cho anh Lê Xuân Đ1 được 1.500.000 đồng. Số tiền trên L và H tiêu xài cá nhân.

LUẬT SƯ FDVN

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 10/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79Z1 - 086.16 nhãn hiệu Honda Wave S trên, trị giá 14.700.000 đồng.

Vụ 09: Khoảng 09 giờ ngày 07/4/2018, L điều khiển xe mô tô 53Y6-4149 chở H đi tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến khu vực ruộng muối gần cầu Long Hồ thuộc tổ dân phố Mỹ Ca, phường Cam Nghĩa; L thấy xe mô tô 79F9-5192 của bà Trần Thị V để trên bờ ruộng, trên xe có gắn chìa khóa. L đến lấy xe rồi cùng H mang đến bán cho anh Lê Văn Bình T3 ở thôn Tân Hiệp, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh được 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 05/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79F9-5192 nhãn hiệu Wave trên trị giá 1.200.000đ.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/4/2018, L rủ bạn là Nguyễn Thị Thu H3 đi uống nước ở quán nước vỉa hè thuộc phường Cam Phúc Bắc. L và H đến chỗ hẹn trước. Sau đó, H3 điều khiển xe mô tô 79C1- 420.04 hiệu Sirius đến quán nước. Lúc này, L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của H3 nên nói dối nhờ H3 chở về nhà L để lấy giấy tờ. H3 tưởng thật nên đồng ý. L điều khiển xe mô tô 79C1-420.04 chở H3 đi đến trước quán cà phê Đá Cuội ở tổ dân phố Hòa Thuận, phường Cam Nghĩa thì dừng lại nói H3 xuống xe, đợi L vào nhà lấy giấy tờ. H3 tin tưởng L nói thật nên xuống xe đợi. Sau đó, L đến nhà H3 gặp Nguyễn Thị Bích T4 (em gái Hương) nói dối với T4 là H3 nhờ L về lấy giấy tờ xe. T4 lấy giấy đăng ký xe mô tô 79C1- 420.04 và giấy chứng minh nhân dân của H3 đưa cho L. Sau đó, L quay lại quán nước chở H đi vào hướng thành phố Hồ Chí Minh. L nói với H là mượn xe của H3. Trên đường đi L điều khiển xe đến tiệm sửa xe không rõ trên đường Quốc lộ 1A. L nói H đứng ngoài đợi còn L vào thế xe mô tô 79C1- 420.04 cho chủ tiệm được 6.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 80 ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: Xe mô tô biển số 79C1-420.04 trên trị giá 21.850.000 đồng.

Phạm Anh L, Võ Thúy H còn khai nhận cùng với L1, H1, U, M thực hiện trộm cắp 02 xe mô tô tại khu vực bãi tắm số 4 ở phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cam Ranh chưa xác minh được người bị hại nên tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Phạm Anh L, Võ Thúy H khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cam Ranh đã thông báo đến Cơ quan Công an có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Hồ Xuân Đ, Lê Xuân Đ1, Lê Văn Bình T3, Trần Nhất S3, Bùi Thị T2 có hành vi mua xe mô tô do Phạm Anh L bán nhưng Đ, Đ1, T3, S3, T2 không biết tài sản do L trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người tên L1, H1, U, M, T, B hiện chưa xác định rõ lai lịch. Khi nào xác minh làm rõ, xử lý sau.

LUẬT SƯ FDVN

Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 18/4/2019 của Tòa án thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thúy H 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến 01/7/2018 được trừ vào thời hạn phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với Phạm Anh L, về trách nhiệm dân sự, về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/4/2019, bị cáo Võ Thúy H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thúy H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung yêu cầu xin được hưởng án treo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Võ Thúy H xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thúy H đề ngày 22/4/2019, được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh vào ngày 23/4/2019. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thúy H thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của Phạm Anh L, của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để xác định rằng, trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2018 đến ngày 07/4/2018, bị cáo Võ Thúy H cùng với Phạm Anh L đã thực hiện 9 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cam Ranh với tổng giá trị số tài sản bị cáo chiếm đoạt được của những người bị hại là 43.150.000 đồng. Bị cáo Võ Thúy H không có nghề nghiệp, bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo Võ Thúy H:

LUẬT SƯ FDVN

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã nhiều lần xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị cáo phạm tội nhiều lần, có tính chất chuyên nghiệp nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng quy định về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 1 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết để giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Thúy H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thúy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **VÕ THÚY H** 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 01/7/2018.

2/ ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Võ Thúy H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (Phòng hồ sơ)
- Chi cục THA dân sự thành phố Cam Ranh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT BC2 Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 75/2020/HS-PT
Ngày: 25 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 668/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Trung BC1 và đồng phạm.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2, Lê Nguyễn Trung BC3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 17-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1/ - Họ và tên: **Nguyễn Trung BC1**, sinh năm 1989.

- Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đăng ký HKTT: Số 995, Quốc lộ 30, ấp 1, xã C1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Trình độ học vấn: 9/12.

- Quốc tịch: Việt BC2; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không

- Nghề nghiệp: Không.

- Cha: Nguyễn Trung T1, sinh năm 1961.

LUẬT SƯ FDVN

- Mẹ: Võ Thị Mỹ L1, sinh năm 1963 (chết).

- Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 01.

- Vợ, con: Không.

- Tiền án: 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản:

+ Ngày 20/8/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/4/2015.

+ Ngày 10/5/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 14/6/2016; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/6/2017.

- Tiền sự: Không.

- Tạm giữ: Ngày 25/8/2018 (khẩn cấp)

- Tạm giam: Ngày 03/9/2018.

- Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ - Họ và tên: **Đặng Lê Phương BC2,** sinh năm 1992.

- Nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa.

- Nơi đăng ký HKTT: Tổ 56, khóm 4, phường 2, TP C, tỉnh Đồng Tháp.

- Trình độ học vấn: 12/12.

- Quốc tịch: Việt BC2; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không

- Nghề nghiệp: Sinh viên (Trường Cao đẳng Việt Xô - liên kết với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp, tại thành phố C, đang thực tập)

- Cha: Đặng Thế B, sinh năm 1966 (còn sống); thương binh hạng 4/4.

- Mẹ: Lê Thị L2, sinh năm 1965.

- Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02

- Vợ, con: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Tạm giữ: Ngày 25/8/2018 (khẩn cấp)

- Tạm giam: Ngày 03/9/2018.

- Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

LUẬT SƯ FDVN

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2: là Luật sư Nguyễn Bá T2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3/ - Họ và tên: **Lê Nguyễn Trung BC3**, sinh ngày 01/02/2000

- Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đăng ký HKTT: Số 212, tổ 63, khóm 5, phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Trình độ học vấn: 11/12.

- Quốc tịch: Việt BC2; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không

- Nghề nghiệp: chăn nuôi.

- Cha: Lê Văn T3, sinh năm 1973 (còn sống).

- Mẹ: Nguyễn Thị Ánh C3, sinh năm 1974 (còn sống).

- Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02

- Vợ, con: Không.

- Tiền án: Không; Tiền sự: 02 lần:

+ Ngày 23/7/2018 bị Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố C áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 11/7/2018 bị Công an phường 11, thành phố C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

- Tạm giữ: Ngày 20/8/2018 (khẩn cấp)

- Tạm giam: Ngày 28/8/2018.

- Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Võ Khắc BC4, Nguyễn Đinh Trà BC5, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

LUẬT SƯ FDVN

Ngày 24/8/2018, Nguyễn Trung BC1 rủ Đặng Lê Phương BC2, Nguyễn Võ Khắc BC4 thuê xe ô tô đi trộm tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và mua ma túy cùng sử dụng. Khoảng 23 giờ ngày 24/8/2018, BC2 thuê xe ô tô Toyota Fotuner, biển số 66A-023.55 của Đặng Thành S1 ở phường 4, thành phố C chở BC1 và BC4 cùng đi đến nhà lồng chợ Bách hóa A2 thuộc khóm 2, thị trấn A1, Huyện A2, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 01 giờ ngày 25/8/2018, BC4 xuống xe dùng kiềm cộng lực mang theo cắt khóa cửa sắt bên hông nhà lồng chợ, cắt xong lên xe ôtô lái đến phía trước chợ hướng ra đường chính để cảnh giới. BC1 và BC2 mở cửa vào bên trong nhà lồng chợ, phát hiện tiệm bạc Việt Hà tại kios số 06 do anh Nguyễn Ngọc S2 sinh năm 1977 làm chủ, khóa ngoài bằng 03 khóa (01 ổ khóa và 02 khóa vòng), BC1 nâng ổ khóa lên cho BC2 dùng kiềm cộng lực và kéo cắt tol để cắt mở cửa vào. Bên trong có 04 tủ trưng bày bằng nhôm - kính, cửa tủ không khóa, trong tủ có nhiều nữ trang bạc. BC1 và BC2 kéo các ngăn cửa ra, lấy toàn bộ nữ trang trong 04 ngăn tủ cho vào 02 ba lô (01 ba lô dùng để đựng công cụ cắt khóa mang theo và 01 ba lô lấy trong nhà lồng chợ), BC1 lấy thêm 04 chiếc khay màu trắng đựng nhẫn rồi quấn vào cái mền có sẵn trong tiệm mang ra trước cửa, điện BC1 cho BC4 lái xe vào. BC1 ra xe ngồi, bảo BC4 và BC2 cùng mang tài sản trộm được ra xe.

Trên đường về, BC1 và BC4 gỡ số nhẫn bạc trong 04 khay nhựa cho hết vào trong ba lô. Đến nhà trọ của BC1, BC4 xuống xe về nhà của BC4, BC1 kêu Nguyễn Đinh Trà BC5 mở cửa, BC1 mang 01 ba lô nữ trang, BC5 mang 01 ba lô nữ trang vào phòng ngủ, BC1 và BC5 đổ ra tấm nệm trong phòng, BC2 mang 04 khay nhựa cùng vào phòng đóng cửa lại. BC5 hỏi BC1 "Ở đâu mà có nhiều vậy", BC1 nói "Hỏi chi nhiều vậy". BC5 biết rõ đây không phải là tài sản của BC1, BC2 mà đây là tài sản do phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác mà có. BC1 và BC5 kiểm đếm và phân loại ra theo từng loại nữ trang cho vào từng bọc riêng rồi để lại vào ba lô cất giấu trong phòng ngủ. BC1 kêu Nguyễn Đinh Tiến S3 (em ruột của BC5) thức dậy nấu mì cho BC1 và BC2 ăn, sau đó bảo S3 lấy xe mô tô đưa BC2 về nhà. Trong lúc phân loại nữ trang, BC2, BC1 và BC5 bàn bạc với nhau ngày hôm sau đi Thành phố Hồ Chí Minh tìm chỗ để bán.

Khoảng 09 giờ ngày 25/8/2018, BC2 lái xe ô tô 66A-023.55 chở BC1 và BC5 đi Thành phố Hồ Chí Minh bán số nữ trang trộm được. Trước khi đi, BC1 đưa lại cho S3 một túi vải đựng nữ trang do BC1 giữ lại để nhờ S3 cất giữ giùm, không nói là tài sản do trộm mà có, S3 không kiểm tra tài sản bên trong mà để vào cốp xe mô tô của S3, toàn bộ số nữ trang còn lại BC1, BC2, BC5 mang lên xe đi Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ.

Đối với Nguyễn Ngọc S2 phát hiện mất trộm tài sản nên trình báo Công an. Khi BC1, BC2, BC5 đến Trạm thu phí cao tốc Tân An thuộc tỉnh Long An, thì

LUẬT SƯ FDVN

bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT - PC02) Công an tỉnh Đồng Tháp kiểm tra phương tiện xe ôtô biển số 66A-023.55 do Đặng Lê Phương BC2 đang điều khiển, trên xe có Nguyễn Trung BC1 và Nguyễn Đinh Trà BC5, phát hiện đang cất giấu số lượng nữ trang bạc là tang vật trong vụ trộm. Cơ quan điều tra đã bắt người bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 và Nguyễn Đinh Trà BC5, đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của BC1, BC5 và BC4, thu giữ các công cụ, phương tiện phạm tội và nhiều tài sản có liên quan trong các vụ án do BC1 và đồng phạm thực hiện, cùng 01 túi vải đựng nữ trang do BC1 gửi cho Nguyễn Đinh Tiến S3 cất giữ để điều tra làm rõ. Tổng số nữ trang bằng bạc thu giữ được định giá là 574.610.250 đồng, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho Nguyễn Ngọc S2 và không yêu cầu bồi thường thêm.

Đối với Đặng Thành S1 không biết các bị cáo thuê xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho anh Cường; đối với cái mền của tiệm bạc đã bị thất lạc không tìm được.

Đối với bị cáo Nguyễn Võ Khắc BC4, sau khi biết BC1, BC2, BC5 đã bị bắt, ngày 28/8/2018, BC4 đến Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Đồng Tháp đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Riêng bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 do trước đó đã bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố S khởi tố, tạm giam về tội Trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 23/4/2018 tại số 15/E, khu dân cư Rạch Rẫy, khóm B1, phường B2, thành phố S.

Trong quá trình điều tra, BC1, BC2, BC4, BC3 khai nhận ngoài lần trộm tài sản tại tiệm bạc Việt Hà, cả nhóm còn thực hiện 13 lần trộm cắp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, như sau:

*** Lần thứ 01:** *Xảy ra ngày 25/3/2018 tại tổ 22, khóm B3, phường B3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Trung BC1, Lê Nguyễn Trung BC3 và Đặng Lê Phương BC2 thực hiện.*

Bị hại:Dương Thị Ái N1, sinh năm 1997, ngụ số 270, tổ 9, ấp Đông Hòa, xã Tân Thuận Đông, thành phố C, Đồng Tháp.

BC1 rủ BC3 và BC2 đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, BC3 và BC2 đồng ý. Khoảng 23 giờ ngày 24/02/2018, BC1 lấy xe môtô loại Exciter biển số 78L1- 127.65 (do Nguyễn Đinh Trà BC5 là chủ sở hữu), chở BC3 đến đón BC2 tại nhà thuộc khu 500 căn, phường B3, thành phố C, sau cả ba chạy vào đường cặp bờ sông phía sau Công ty Domesco thì phát hiện nhà trọ Trương A thuộc khóm B3, phường B3, thành phố C có nhiều xe môtô. BC1 dừng xe lại, BC3 đi vào rút nguồn điện camera quan sát, BC1 dùng đoản mang

LUẬT SƯ FDVN

theo phá khóa xe mô tô Honda SH Mode màu trắng, biển số 66P1-589.60 của chị Dương Thị Ái N1. Do nhà trọ có người còn thức, không lấy xe được nên BC1 chở BC3 và BC2 về nhà của BC1.

Khoảng 03 giờ ngày 25/3/2018 BC3 đi về nhà. BC1 lấy xe chở BC2 trở lại nhà trọ Trương A thấy mọi người đã ngủ nên BC1 mở cửa rào (không có khóa) vào trong dẫn chiếc xe SH Mode của chị N1 ra ngoài khởi động nổ máy về nhà của BC3 cất giấu, BC2 điều khiển xe của BC1 phía sau rồi BC1 đưa BC2 về. Qua ngày hôm sau, BC1 điện BC1 cho một người đàn ông quen biết qua mạng xã hội tên Giang N2 ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ, năm sinh, địa chỉ) để bán xe, sau đó có một người đàn ông gọi lại cho BC1 nói là bạn của Giang N2 muốn mua và hẹn gặp nhau tại bến xe C, BC1 mang xe đến bến xe C bán cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ tên, địa chỉ) được 13.000.000 đồng. BC1 chia cho BC2 5.000.000 đồng, BC3 2.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng BC1 cất giữ tiêu xài và mua ma túy đá sử dụng. Chiếc xe này chưa thu hồi được. Kết quả định giá xe môtô Honda SH Mode 66P1-589.60 là 45.000.000 đồng. Hiện nay bị hại Dương Thị Ái N1 yêu cầu các bị cáo BC1, BC3 và BC2 bồi thường giá trị của chiếc xe là 45.000.000 đồng.

*** Lần thứ 02**: *Xảy ra ngày 23/4/2018 tại số 15/E, khu dân cư Rạch Rẫy, khóm B1, phường B2, thành phố S do Nguyễn Trung BC1 và Lê Nguyễn Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: 1/ Mai Hoàng D, sinh năm 1963;

2/ Mai Ngọc Gia K, sinh năm 1996;

Cùng ngụ số 15E, KDC Rạch Rẫy, khóm B1, phường B2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Vào đêm 23/4/2018, BC1 rủ BC3 đi trộm tài sản, BC1 điều khiển xe môtô Exciter biển số 78L1-127.65 của BC1 chở BC3 từ thành phố C đến thành phố S, phát hiện nhà của ông Mai Hoàng D đang khóa cửa ngoài nên dừng xe lại. BC3 lấy kiềm cộng lực mang theo đưa cho BC1 cắt khoen khóa cửa sắt của 02 ổ khóa rồi mở cửa sắt, phía trong cửa sắt có thêm 01 lớp cửa kính nên BC1 tiếp tục dùng tuốc-nơ-vít mang theo nạy chốt cửa dưới nền gạch cho BC3 đẩy vào mở được cửa kính. Cả 02 vào nhà, lên lầu lục soát trong hộc tủ đầu giường ngủ của Mai Ngọc Gia K là con của ông D, lấy một hộp nhựa hình vuông bên trong có nhiều nữ trang vàng các loại cho vào ba lô, xuống tầng trệt dẫn chiếc xe Honda SH màu trắng, biển số 66S1-218.49 ra ngoài. BC1 ngồi lên xe SH cho BC3 điều khiển xe Exciter đẩy phía sau, đi được một đoạn đến giữa một cây cầu BC3 không đẩy nổi nữa nên kêu BC1 bỏ xe lại. BC1 để xe lại giữa cầu rồi lên xe cho BC3 chở về nhà của BC3, kiểm tra hộp nữ trang có 01 sợi dây chuyền vàng, 02

LUẬT SƯ FDVN

chiếc lắc vàng, 01 vòng cổ tròn, 01 chiếc bông tai màu vàng và một sợi dây chuyền màu trắng. Sáng hôm sau, BC1 mang toàn bộ số nữ trang bán tại một tiệm vàng không nhớ rõ tên ở thị trấn Mỹ K2 được 41.500.000 đồng, còn sợi dây chuyền trắng tiệm không mua nên BC1 cất giữ, BC1 chia cho BC3 20.000.000 đồng, số tiền còn lại BC1 cất giữ, sau đó BC1 mang sợi dây chuyền trắng bán cho một tiệm vàng (không nhớ tên) ở chợ C được 13.000.000 đồng, tổng cộng BC1 được hưởng lợi 34.500.000 đồng tiêu xài hết.

Kết quả định giá tài sản: xe mô tô Honda SH biển số 66S1-218.49 trị giá 69.750.000 đồng, số nữ trang trị giá: 83.115.000 đồng, tổng cộng 152.865.000 đồng. Đối với ông D đã nhận lại được chiếc xe môtô không yêu cầu bồi thường thêm. Đối với số nữ trang của chị Khánh không thu hồi được, chị Khánh yêu cầu BC1 và BC3 bồi thường giá trị tài sản bị mất 83.115.000 đồng.

*** Lần thứ 03**: *Xảy ra ngày 03/5/2018 tại ấp Mỹ Tây 2, xã K3, Huyện M,tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Trung BC1 và Lê Nguyễn Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985, ngụ ấp Mỹ Tây 2, xã K3, Huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/5/2018, BC1 chở BC3 bằng xe mô tô Exciter biển số 78L1-127.65 của BC1 từ thành phố C đến Ngã 3 Đường K4 thuộc xã K3, Huyện M rồi rẽ vào khu dân cư, phát hiện nhà của anh Nguyễn Ngọc H ngụ ấp Mỹ Tây 2, xã K3, Huyện M đang khóa cửa ngoài bằng 02 ổ khóa (cửa rào và cửa chính bằng sắt). BC3 ngồi ngoài xe cảnh giới, BC1 dùng kìm cộng lực cắt khoen khóa cửa rào và cửa chính, vào trong nhà lấy 01 chiếc điện BC1 hiệu Samsung J7 prime màu đen đang sạc pin trên đầu tủ cây cho vào túi quần. Lúc này, BC3 thấy ánh đèn pin ngoài chợ Đường K4 rọi vào, sợ bị phát hiện nên kêu BC1 ra bỏ đi. Khoảng 15 phút sau, cả 02 trở lại nhà anh H lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH Mode màu trắng nâu, biển số 66M1-294.32 của anh H.

BC1 lấy cây vít bake trong hộc tủ nhà anh H mở mặt nạ phía trước để cạy khóa bảo vệ ra rồi dùng đoản phá khóa xe dẫn ra ngoài nổ máy chạy đi, BC3 điều khiển xe Exciter của BC1 cùng về nhà BC3 cất giấu. Qua ngày hôm sau, BC1 điện BC1 cho Giang N2 bán xe nhưng Giang N2 nói không có người xuống lấy được nên kêu BC1 chạy xe đến thành phố K5, tỉnh Đồng Nai và bán cho một người đàn ông không biết tên với giá 13.500.000 đồng. BC1 chia cho BC3 5.000.000 đồng, còn lại 8.500.000 đồng cất giữ và tiêu xài hết. Đối với điện BC1 di động Samsung J7 prime do bị hư màn hình và có mật khẩu nên không sử dụng được, BC1 mở ra để tự thay màn hình không được đã bỏ mất.

Kết quả định giá tài sản chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển số 66M1-

LUẬT SƯ FDVN

294.32 và điện BC1 tổng trị giá 45.500.000 đồng. Đối với xe mô tô 66M1-294.32 của anh H sau đó bị Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ và đã tiến hành trao trả lại cho anh H. Hiện nay Nguyễn Ngọc H không yêu cầu bồi thường về dân sự.

*** Lần thứ 04**: *Xảy ra ngày 10/5/2018 tại tổ 1, ấp L1, xã L2, thành phố C do Lê Nguyễn Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: Trương Thị N, sinh năm 1991, ngụ tổ 1, ấp L1, xã L2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 00 giờ, ngày 10/5/2018 Lê Nguyễn Trung BC3 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, biển số 66P1-736.18 (xe của mẹ ruột BC3) mang theo một ba lô đựng kiềm cộng lực và tuốc-nơ-vít đi tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, phát hiện tiệm uốn tóc Út N của chị Trương Thị N, ngụ tổ 1, ấp L1, xã L2, thành phố C làm chủ, cửa sắt đang khóa bên ngoài. BC3 dừng xe dùng kiềm cộng lực cắt khoen cửa vào nhà, lấy một con heo đất màu vàng trong ngăn tủ nhựa và tiền mặt trong túi xách để ở phòng khách (các loại tiền có mệnh giá từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng). BC3 về nhà kiểm tra số tiền vừa trộm được tổng cộng 2.400.000 đồng tiêu xài hết. Theo chị N khai tài sản bị thiệt hại là 3.600.000 đồng, yêu cầu BC3 bồi thường số tiền 3.600.000 đồng. BC3 đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị N.

*** Lần thứ 05**: *Xảy ra ngày 12/5/2018 tại khóm 2, thị trấn A1, Huyện A2, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Trung BC1 và Lê Nguyễn Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn Thị Tuyết X, sinh năm 1960, ngụ khóm 2, thị trấn A1, Huyện A2, tỉnh Đồng Tháp.

Vào khoảng 00 giờ, ngày 12/5/2018, BC1 điện BC1 rủ BC3 đi trộm. BC1 điều khiển xe Exciter, biển số 78L1-127.65 của BC1 chở BC3 đến khu dân cư ngang chợ A2 thuộc thị trấn A1, Huyện A2, tỉnh Đồng Tháp, phát hiện nhà của chị Nguyễn Thị Tuyết X có cửa rào và cửa chính đang khóa ngoài nên dừng xe lại. BC3 dùng kiềm cộng lực cắt khóa cửa rào vào trong sân, BC1 phát hiện cửa sổ bên hông nhà, loại cửa kính khung sắt không có song chắn, không khóa nên kéo sang một bên, cả 02 theo đường cửa sổ vào nhà, thấy trên kệ nhà bếp có nhiều chai rượu ngoại nên lấy tổng cộng 14 chai rượu (12 chai Chivas các loại, 02 chai Valentino) cho vào một thùng gỗ có sẵn trong nhà. BC1 điều khiển xe chở BC3 ôm thùng rượu về nhà BC3 cất giấu. Ngày hôm sau, BC1 để lại cho BC3 01 chai Valentino, lấy 13 chai rượu đem về nhà của Nguyễn Đinh Trà BC5 cho BC5 01 chai Valentino, không nói cho BC5 biết là tài sản do trộm cắp mà có. Còn lại 12 chai rượu hiệu Chivas, BC1 chở BC5 đi Thành phố Hồ Chí Minh để bán, BC1 điện BC1 cho Giang N2 hẹn gặp tại một khách sạn ở quận Bình

LUẬT SƯ FDVN

Thạnh giao 12 chai rượu. Giang N2 nói với BC1 để tìm người bán lại mới có tiền trả. Sau đó, BC1 điện BC1 cho Giang N2 nhiều lần nhưng không liên lạc được nên chưa lấy được tiền bán rượu. 02 chai rượu hiệu Valentino các bị cáo đã sử dụng trong tiệc sinh nhật của BC5. Kết quả định giá tài sản 14 chai rượu trị giá 29.220.000 đồng. Hiện nay chị X yêu cầu bồi thường số tiền 29.220.000 đồng.

*** Lần thứ 06**: *Xảy ra ngày 21/6/2018 tại tổ 11, ấp Tân Chủ, xã T1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do Lê Nguyễn Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn Thị X3, sinh năm 1993, ngụ tổ 11, ấp Tân Chủ, xã T1, thành phố C, Đồng Tháp.

Khoảng 00 giờ, ngày 21/6/2018, BC3 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter, biển số 66P1-736.18 (do Nguyễn Thị Ánh C3 mẹ ruột BC3 đứng tên) mang theo một ba lô đựng kiềm cộng lực và tuốc nơ vít đến xã T1, thành phố C, phát hiện tiệm thuốc tây của chị Nguyễn Thị X3 có cửa rào và cửa chính đang khóa ngoài bằng ổ khóa, BC3 dùng kiềm cộng lực cắt khoen cửa vào trong nhà tìm tài sản để trộm. BC3 vào phòng ngủ không có khóa lấy 01 máy tính xách tay màu đen hiệu Dell, 01 bao lì xì, một số tiền Việt BC2 trong hộc tủ gỗ và trong tủ có một số nữ trang màu trắng được để trong bọc nilon nên lấy bỏ vào túi quần lên xe chạy về nhà. BC3 kiểm tra tài sản trộm có 02 đôi bông tai màu trắng, một nhẫn màu trắng, một dây chuyền màu trắng và tiền Việt BC2 các loại khoảng 1.200.000 đồng. Toàn bộ số nữ trang BC3 đem đến một tiệm bạc ở chợ Trần Quốc Toản, phường 11, thành phố C bán nhưng tiệm không mua nên BC3 cho chị ruột là Lê Nguyễn Minh X1 01 đôi bông tai và 01 nhẫn màu trắng và nói với X1 là mình nhặt được, 01 đôi bông tai và sợi dây chuyền màu trắng thì BC3 giữ lại để sử dụng và đã làm mất, BC3 bán chiếc máy tính cho người thu mua ve chai với giá 60.000 đồng cùng với số tiền 1.200.000 đồng tiêu xài hết. Kết quả định giá tài sản: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, core 7, 15 inch, màu xám trị giá 5.500.000 đồng, các loại nữ trang bạc không thu hồi được nên không có căn cứ định giá. Lê Nguyễn Minh X1 đã giao nộp 01 đôi bông tai và 01 nhẫn màu trắng, kết quả định giá 300.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định trị giá tài sản thiệt hại lần trộm này là 5.800.000 đồng. Đối với bị hại Nguyễn Thị X3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

*** Lần thứ 07**: *Xảy ra ngày 29/7/2018 tại số 48A, Trần Thị X4, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Trung BC1 và Lê Nguyễn Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: 1/ Trần Thị P1, sinh năm 1987, ngụ ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, Huyện I, tỉnh Đồng Tháp.

LUẬT SƯ FDVN

2/ Trần Thị P2, sinh năm 1991, ngụ số 4, Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 23 giờ ngày 28/7/2018, BC1 điện BC1 rủ BC3 đi trộm. BC3 điều khiển mô tô Exciter biển số 66P1-736.18 đến nhà trọ của BC1, BC1 chở BC3 đến tiệm bán quần áo Na Shop, số 48A, đường Trần Thị X4, tổ 13, khóm 2, phường 4, thành phố C do chị Trần Thị P1 làm chủ có cửa sắt đang khóa ngoài bằng 02 ổ khóa. BC1 dừng xe trước cửa tiệm, BC3 dùng kiềm cộng lực cắt 02 khoen cửa vào trong tìm tài sản trộm. BC1 lấy 01 máy tính xách tay màu hồng của chị P1 và 01 điện BC1 di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng của chị Trần Thị P2 (là em ruột của chị P1) đang sạc pin để trên quầy trong tiệm cho vào ba lô, tiếp tục lấy khoảng 40 cái quần Jean nữ, khoảng 10 cái áo nữ cho vào trong một túi nilon màu xanh có sẵn trong tiệm rồi mang ra xe, BC1 chở BC3 về nhà trọ của BC1 cất giấu. Sáng hôm sau, BC1 bán số quần áo trên cho BC4 để mở shop, không nói rõ là do trộm cắp mà có *(lúc này BC4 chưa tham gia trộm cắp tài sản)* được 6.000.000 đồng, số tiền này chia cho BC3 3.000.000 đồng, BC1 3.000.000 đồng. Còn chiếc điện BC1 và máy tính xách tay do bị khóa mật khẩu không sử dụng được, BC1 mở ra để lấy phụ kiện, phần vỏ hiện đã bỏ không biết ở đâu.

Kết quả định giá tổng giá trị tài sản thiệt hại là 19.500.000 đồng. Hiện nay chị P1 đã nhận lại được 25 cái quần Jean nữ, 02 cái áo khoác nữ, 06 cái áo thun nữ và 40 cái móc quần áo, số quần áo không thu hồi được yêu cầu bồi thường số tiền 9.500.000 đồng. Đối với Trần Thị P2 yêu cầu bồi thường giá trị chiếc điện BC1 Iphone 6S Plus là 5.000.000 đồng. Các bị cáo BC1, BC3 đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

*** Lần thứ 08**: *Xảy ra ngày 31/7/2018 tại tổ 7, ấp 1, xã C1, thành phố C do Nguyễn Trung BC1 và Lê BC3 Trung BC3 thực hiện.*

Bị hại: Trần Thị Ngọc X5, sinh năm 1968, ngụ số 706A, tổ 7, ấp 1, xã C1, thành phố C, Đồng Tháp.

Khoảng 23 giờ ngày 30/7/2018, BC3 đến nhà trọ của BC1 sử dụng ma túy cùng nhau, BC1 rủ BC3 đi trộm. BC3 chở BC1 bằng xe Exciter biển số 66P1-736.18 của BC3 trên quốc lộ 30, phát hiện tiệm thuốc tây Khang Thịnh do chị Trần Thị Ngọc X5 làm chủ có cửa rào và cửa chính bằng sắt đang khóa bên ngoài bằng ổ khóa. BC3 xuống xe cắt khóa cửa rào vào trong cắt khoen khóa cửa chính, mở cửa vào trong tiệm, mở hộc tủ của quầy thuốc lấy tiền và thẻ cào điện BC1 cất vào người, BC1 dùng đoản bẻ khóa chiếc xe mô tô Piaggio Vespa màu xanh dẫn ra ngoài sân, nhưng không khởi động được nên kêu BC3 chạy xe Exciter đẩy cho BC1 mang xe của chị X5 về nhà trọ của BC1 cất giấu. BC3

LUẬT SƯ FDVN

kiểm tra lại được số tiền 600.000 đồng nên đưa cho BC1 350.000 đồng, còn lại 250.000 đồng cất giữ và tiêu xài hết, thẻ cào điện BC1 BC3 dùng để nạp thẻ chơi game, chiếc xe mô tô Vespa BC1 gửi lên Thành phố Hồ Chí Minh dán keo lại để thay đổi màu sơn, cà số khung, số máy gắn biển số 59Y2 - 233.99 và sử dụng giấy đăng ký xe biển số 59Y2 - 233.99 do Cao Thị Như X6 đứng tên sở hữu, đem về sử dụng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ xe mô tô cùng giấy đăng ký xe biển số 59Y2 - 233.99, qua làm việc Cao Thị Như X6 trình bày chỉ bị mất giấy đăng ký xe đã làm lại giấy mới. Kết quả định giá xe mô tô Piaggio Vespa trị giá 43.000.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản BC1 và BC3 trộm cắp của chị X5 là 43.600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trao trả lại xe mô tô cho chị X5 và không có yêu cầu bồi thường thêm.

*** Lần thứ 09**: *Xảy ra ngày 06/8/2018 tại tổ 9, khóm 1, phường 1, thành phố C do Nguyễn Trung BC1 và Đặng Lê Phương BC2 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn D1, sinh năm 1970, ngụ số 23, đường Hoàng Hoa Thám, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Vào khoảng 00 giờ ngày 06/8/2018, BC1 điều khiển xe mô tô Exciter 78L1-127.65 chở Đặng Lê Phương BC2 đi tìm tài sản trộm. BC1 phát hiện tiệm sửa xe Duy Tiến trên đường Nguyễn Thị Minh D2, tổ 9, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do anh Nguyễn D1 làm chủ, đang khóa bên ngoài bằng 02 ổ khóa. BC1 dùng kiềm bấm mang theo bẻ khoen khóa cửa, cùng với BC2 vào bên trong lấy trộm 03 thùng nhớt xe mô tô, 07 bộ nhông-sên-dĩa, 03 bình ắc quy xe mô tô, 01 vành xe, 01 đèn pin đem về nhà trọ của BC1 cất giấu. Số tài sản trộm được BC1 lấy sử dụng một phần, còn lại 60 chai nhớt để tại nhà trọ cho đến khi bị Cơ quan điều tra khám xét và thu giữ. Kết quả định giá tổng số tài sản bị thiệt hại là 11.395.000 đồng. Hiện nay, anh D1 đã nhận lại 60 chai nhớt trị giá 5.500.000 đồng, số tài sản chưa thu hồi được yêu cầu BC1 và BC2 bồi thường số tiền 5.895.000 đồng. BC1 và BC2 đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

*** Lần thứ 10**: *Xảy ra ngày 10/8/2018 tại tổ 9, ấp H1, xã L2, TP C do Nguyễn Trung BC1 và Đặng Lê Phương BC2 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn Như P4, sinh năm 1988, ngụ tổ 9, ấp H1, xã L2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 02 giờ ngày 10/8/2018, BC1 điều khiển xe mô tô Exciter 78L1-127.65 chở Đặng Lê Phương BC2 đi tìm tài sản để trộm, đến khu dân cư thuộc tổ 9, ấp H1, xã L2, thành phố C phát hiện căn nhà của chị Nguyễn Như P4 đang

LUẬT SƯ FDVN

khóa cửa rào và cửa chính bên ngoài nên dừng xe. BC2 dùng tay nhấc bản lề cửa rào ra khỏi cột, đẩy vào trong tạo thành khoảng trống đi vào trong sân, BC1 dùng kiềm cộng lực mang theo cắt khoen cửa rồi ra xe ngồi cảnh giới. BC2 vào trong nhà tìm tài sản, thấy có 02 cái ti vi màn hình phẳng màu đen, một cái bắt vào vách tường ở phòng khách, một cái để ở trong phòng ngủ, BC2 lấy 02 cái ti vi mang ra xe, ngồi ôm phía sau cho BC1 chở chạy về nhà trọ của BC1 cất giấu, sau đó BC1 để ở nhà trọ của mình 01 cái ti vi hiệu Samsung, gửi ở nhà của BC4 01 ti vi hiệu Sony để tìm nơi tiêu thụ, nhưng chưa tiêu thụ được thì bị Cơ quan điều tra khám xét và thu giữ. Kết quả định giá tổng tài sản thiệt hại là 8.300.000đồng. Bị hại Nguyễn Như P4 đã nhận lại tài sản và hiện không yêu cầu bồi thường.

*** Lần thứ 11**: *Xảy ra ngày 14/8/2018 tại khóm 2, thị trấn A1, Huyện A2 do Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 và Nguyễn Võ Khắc BC4 thực hiện.*

Bị hại: Trần Thái H2, sinh năm 1975, ngụ khóm 2, thị trấn A1, Huyện A2, tỉnh Đồng Tháp.

Do trước đó BC1 có bảo Đặng Lê Phương BC2 thuê xe ô tô để đi trộm tài sản nên khoảng 23 giờ ngày 13/8/2018, BC2 thuê của anh Cường 01 xe ôtô hiệu Toyota loại Innova biển số 66A-044.56 rước BC1 và BC4 ở nhà trọ của BC1 đến chợ Bách hóa A2 thuộc khóm 2, thị trấn A1, Huyện A2, thấy tiệm điện Thái Bảo tại kios số 3 trong nhà lồng chợ, do anh Trần Thái H2 làm chủ, đang khóa cửa ngoài không có người trông giữ nên dừng xe lại. Lúc này khoảng 00 giờ ngày 14/8/2018, BC4 xuống xe dùng kiềm cộng lực mang theo cắt khóa, mở cửa vào bên trong lấy khoảng 06 cái âm li, 05 cuộn dây điện, 01 cuộn dây loa, khoảng 07-08 cái micro cùng một số điều khiển từ xa của ti vi, mang ra xe ôtô về nhà trọ của BC1 cất giấu. Qua ngày hôm sau, cả nhóm đem 02 cuộn dây điện bán cho một tiệm điện (không nhớ tên) gần chợ H3, phường 1, thành phố C được 800.000đ đưa cho BC2 trả tiền thuê xe. Số tài sản còn lại, BC1 và BC2 thuê xe ô tô mang lên Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một tiệm điện tại chợ Nhật Tảo 01 cái âm li và 01 micro được 700.000 đồng, số âm li và micro còn lại bán cho tiệm sửa chữa điện tử Minh Loa tại xã H4 được 3.000.000 đồng, tổng cộng là 3.700.000 đồng, trả tiền thuê xe 1.100.000 đồng, chia BC2 500.000 đồng, BC4 1.000.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng, BC1 cất giữ tiêu xài.

Kết quả định giá tổng tài sản thiệt hại là 57.160.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi được 03 cái âm li do anh Lê Quang H5 giao nộp, thu giữ tại nhà trọ của BC1 50 cái điều khiển từ xa của tivi, 04 cuộn dây điện và 02 cuộn dây loa là tài sản bị mất trong vụ án, trao trả cho bị hại. Anh H2 đã nhận lại được số tài sản trị giá 9.500.000 đồng, yêu cầu bồi thường số tiền 47.660.000 đồng giá trị của

LUẬT SƯ FDVN

tài sản các bị cáo đã bán không thu hồi được. Các bị cáo BC1, BC2 và BC4 thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

*** Lần thứ 12**: *Xảy ra ngày 14/8/2018 tại khóm D2, thị trấn I, Huyện I, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 và Nguyễn Võ Khắc BC4 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn Thành U, sinh năm 1995, ngụ khóm D2, thị trấn I, Huyện I, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi trộm tài sản tại tiệm điện Thái Bảo, BC2 lái xe chở BC1 và BC4 đi ngang sân vận động I, BC1 thấy bên trái có một tiệm bán phụ tùng xe mô tô Nguyễn Thành U thuộc khóm D2, thị trấn I, Huyện I, Đồng Tháp nên kêu BC2 quay xe lại dừng trước cửa tiệm. BC4 dùng kiềm cộng lực cắt khóa cửa, cùng với BC2 vào trong tiệm lấy khoảng 04 cặp phuộc kiểu của xe mô tô màu vàng, 04 cặp mâm vành xe mô tô, 01 bọc tem dán và 01 thùng giấy đựng ốc kiểu các loại mang ra xe ô tô, BC2 lái xe về nhà trọ của BC1 cất giấu toàn bộ số tài sản vừa trộm được. Số phụ tùng xe này BC1 và BC2 lấy sử dụng, số còn lại để tại nhà trọ của BC1 cho đến khi Cơ quan điều tra khám xét nhà trọ thu giữ. Tài sản thu hồi được định giá 16.980.000 đồng, số tài sản các bị cáo đã sử dụng làm thất thoát không thu hồi được nên không định giá. Hiện nay bị hại Nguyễn Thành U yêu cầu bồi thường số tiền 21.010.000 đồng, BC1, BC2 và BC4 thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Như vậy, tổng trị giá tài sản thiệt hại trong lần trộm này là: 37.990.000đồng.

*** Lần thứ 13**: *Xảy ra ngày 16/8/2018 tại số 326, khóm 1, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2, Nguyễn Võ Khắc BC4 thực hiện.*

Bị hại: Nguyễn Thị Hồng D4, sinh năm 1996, ngụ khóm 1, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

BC1 bàn bạc trước với Đặng Lê Phương BC2, Nguyễn Võ Khắc BC4 thuê xe ôtô để đi trộm. Khoảng 23 giờ ngày 15/8/2018, BC2 thuê 01 xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Innova màu bạc (không nhớ biển số) của anh D3 ở phường 2, thành phố C rồi chạy lên nhà trọ rước BC1 và BC4. Lúc này, tại nhà trọ có Nguyễn Đinh Tiến S3 (em ruột của Nguyễn Đinh Trà BC5) nên BC1 rủ S3 đi thành phố S, tỉnh Đồng Tháp chơi, S3 đồng ý cùng lên xe không biết là đi trộm. Khoảng 02 giờ ngày 16/8/2018, BC1, BC2 và BC4 phát hiện shop quần áo Hồng D4 số 326, khóm 1, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Nguyễn Thị Hồng D4 làm chủ có cửa sắt đang khóa bên ngoài nên dừng xe trước tiệm. BC1 và BC4 xuống xe dùng kiềm cộng lực cắt ổ khóa, BC2 và S3 ngồi ngoài xe. Khi cắt khóa xong, BC1 ra xe ngồi, BC4 mở cửa tiệm, bật đèn sáng, lấy quần áo đang treo

LUẬT SƯ FDVN

trong tiệm mang ra xe. S3 hỏi BC1 "Làm gì vậy?", BC1 trả lời "sang shop" (mua lại shop) và bảo S3 phụ với BC4 chất đồ lên băng ghế sau, tổng cộng lấy khoảng 300 quần, áo nữ các loại, đem về nhà trọ của BC1 cất giấu. BC1 nói với BC5 số quần áo này mua của người khác để bán, BC5 bán livestream một số quần áo được số tiền 2.100.000 đồng và lấy một số quần áo để sử dụng, số còn lại BC4 mua lại với số tiền 11.000.000 đồng. BC1 lấy tiền trả tiền thuê xe 1.000.000đ, cho BC2 và BC4 mỗi người 2.500.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng BC1 tiêu xài hết.

Đối với Nguyễn Thị Hồng D4 khai bị mất 335 quần jean và áo nữ các loại, Cơ quan điều tra thu hồi được 151 quần jean, áo nữ và 110 cái móc. Kết quả định giá số tài sản thu hồi được là 13.245.000 đồng và đã trao trả lại cho bị hại. Số quần áo các bị cáo đã bán không thu hồi được nên không định giá. Chị D4 yêu cầu các bị cáo BC1, BC2 và BC4 bồi thường số tiền 24.370.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Như vậy, tổng trị giá tài sản thiệt hại trong lần trộm này là: 37.615.000đồng.

Đối với bị cáo BC5 không biết BC1, BC2, BC4 trộm cắp tài sản của chị D4 nên không xử lý về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo BC5 có trách nhiệm nộp lại 2.100.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Hiện nay, bà Đinh Thị Thanh Quyên (mẹ ruột bị cáo BC5) đã nộp 2.100.000 đồng thay bị cáo BC5 khắc phục hậu quả. Các bị cáo BC1, BC2 và BC4 còn phải bồi thường cho chị D4 số tiền 22.270.000 đồng. (Bút lục: 969-1042; 1549)

Hành vi phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy do Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 thực hiện:

Ngày 25/8/2018, trong quá trình khám xét phương tiện xe ôtô biển số 66A-023.55, nơi ở và trong người của các bị cáo, Cơ quan điều tra phát hiện: Trong ví da của Nguyễn Trung BC1 cất giấu 01 bọc nilon bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng; Trong ví da của Đặng Lê Phương BC2 cất giấu 01 bọc nilon bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng; Tại nơi ở của Nguyễn Võ Khắc BC4 phát hiện phía sau nhà bếp sát vách với nhà trọ của BC1 thu giữ 01 điện BC1 Nokia màu đen, mặt sau của điện BC1 có 01 bọc nilon bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng được dán dính vào điện BC1 bằng keo dính, nên đã tiến hành lập biên bản thu giữ và niêm phong các vật chứng trên để điều tra làm rõ.

Căn cứ Kết luận giám định số 773/KL-KTHS, ngày 22/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận:

- Tinh thể rắn chứa trong 01 bọc nilon hàn kín, được niêm phong trong phong bì, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Trung BC1 (ký hiệu M1) nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,273 gam, loại Methamphetamine (số

LUẬT SƯ FDVN

thứ tự 323, Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

- Tinh thể rắn chứa trong 01 bọc nilon hàn kín, được niêm phong trong phong bì, có chữ ký ghi họ tên Đặng Lê Phương BC2 (ký hiệu M2) nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,689 gam, loại Methamphetamine.

- Tinh thể rắn chứa trong 01 bọc nilon hàn kín, được niêm phong trong phong bì, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Hữu Lễ (ký hiệu M3) nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,131 gam, loại Methamphetamine.

Các bị cáo BC1, BC2, BC4 khai nhận: Do trước đó BC1 đã đi mua ma túy về sử dụng nhiều lần nên khoảng 14 giờ, ngày 23/8/2018 BC1 từ nhà ở xã C1 đi xe buýt xuống thành phố C, tiếp tục đi xe buýt đến Ngã 3 An Hữu thuộc Huyện D5, tỉnh Tiền Giang rồi đi xe ôm đến một địa điểm không nhớ gặp một người phụ nữ tên Thanh (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 1.000.000 đồng tiền ma túy và để trong bọc nilon giấu trong người rồi đi xe buýt về nhà. Khi về đến nhà trọ, BC1 mang ra sử dụng và cho BC2 một phần, còn lại BC1 tiếp tục cất giữ. Đến sáng ngày 25/8/2018, sau khi đã thực hiện vụ trộm tiệm bạc Việt Hà ở thị trấn A1, Huyện A2 thì BC1 cất giữ điện BC1 của BC4 (BC4 đưa điện BC1 cho BC1 để rọi đèn tìm tài sản trộm), BC4 nhắn tin cho BC1 xin ma túy để sử dụng, lúc này BC1 chuẩn bị đi Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ tài sản, nên lấy ma túy ra chia cho BC4 01 phần để trong bọc nilon, dùng keo dán vào điện BC1 rồi ra phía sau bếp của nhà trọ nhét qua nhà cho BC4 nhưng chưa nói cho BC4 biết địa điểm cất giấu ma túy (chỗ ở của BC4 và nhà trọ của BC1 liền vách với nhau). BC4 chưa lấy ma túy mà đi Kiên Giang để mua quần áo về bán lại, đến chiều cùng ngày mẹ của BC4 điện BC1 cho biết BC1 đã bị bắt, qua ngày hôm sau thì BC4 về và đến Công an đầu thú. Xét thấy gói ma túy này là của BC1 cho BC4 để sử dụng nhưng không đưa trực tiếp mà để ở nhà BC4, BC4 chưa lấy thì bị phát hiện và thu giữ, nên ma túy này thì vẫn là của BC1. Do vậy, Cơ quan điều tra không khởi tố BC4 về tội tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2, Nguyễn Võ Khắc BC4, Lê Nguyễn Trung BC3 và Nguyễn Đinh Trà BC5 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Đối với Nguyễn Đinh Tiến S3: Ngày 16/8/2018, S3 đi cùng BC1, BC2, BC4 trộm cắp tài sản tại shop Hồng D4 thuộc khóm 1, phường 1, thành phố S. Do S3 được rủ đi chơi và BC1 nói là "sang shop" quần áo, S3 không biết các bị cáo BC1, BC2, BC4 đang trộm cắp tài sản của người khác nên Cơ quan điều tra không khởi tố S3 với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Ngoài các tang vật thu giữ đã trao trả cho các bị hại trong 14 lần trộm cắp tài sản nêu trên, Cơ quan điều tra còn thu giữ:

LUẬT SƯ FDVN

+ 02 ổ khóa loại khóa vòng; 01 chiếc khăn vải hình vuông màu trắng;02 thanh nhôm màu trắng có dấu cắt 01 cân điện tử hiệu pocket scanle để cân vàng; 04 cái khay nhựa màu trắng trưng bày nữ trang *(trong vụ trộm tiệm bạc Việt Hà*);

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Ngọc H; 01 giấy đăng ký xe mô tô đứng tên Nguyễn Ngọc H *(vụ trộm Mỹ Tây 2, K3, M).*

+ 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67L1-069.12 do Trương Thị N đứng tên *(vụ trộm ở ấp L1, xã L2, thành phố C).*

+ Lê Nguyễn Minh X1, chị ruột của bị cáo BC3, giao nộp*:* 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng, có hột màu trắng; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng, có hột màu trắng *(trong vụ trộm tại ấp Tân Chủ, xã T1, thành phố C)*

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung BC1:

+ Công cụ, phương tiện phạm tội, gồm: 01 kéo cắt tol cán màu đen; 01 đầu đoản tự chế để phá khóa; 01 kiềm cộng lực màu vàng, hiệu HY 16 (cán vàng - lưỡi màu đen); 01 dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy đá; 01 bật lửa khè; 01 ba lô hiệu ZTE; 01 ba lô hiệu Jack Wolfskin; 01 giấy đăng ký xe mô tô 59Y2-233.99 tên chủ xe Cao Thị Như X6; 01 điện BC1 di động hiệu Samsung J2, màu đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 78L1-127.65. Kết quả giám định số khung, số máy xe bị tẩy xóa đóng lại dãy số, ký tự mới (số khung: RLCUG0610HY420182, số máy G3D4E440096) và không đọc lại được dãy số, ký tự bị tẩy xóa. Qua làm việc chủ sở hữu xe mô tô 78L1-127.65 là Nguyễn Thanh Tiến, sinh năm 1993, ngụ thôn BC3 An, xã Sơn BC3, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên không bị mất trộm xe và giấy đăng ký.

+ Đồ vật cá nhân của bị cáo Nguyễn Trung BC1: 01 máy in nhãn hiệu HP, màu trắng; 05 màn hình máy tính màu đen (01 hiệu Asus, 02 hiệu Samsung, 02 hiệu HP); 01 loa vi tính hiệu Sound max A - 920; 01 âm li màu đen hiệu PROTAPER; 01 ổn áp hiệu M và R, màu trắng; 01 ổn áp hiệu Robot màu trắng, xám; 01 (một) âm li hiệu Nanomax SA-999 x P; 01 CPU máy tính hiệu Casesd; 01 loa thùng hiệu Birici; 03 cái khoan điện cầm tay; 05 cái máy mài bằng điện, 01 bộ sửa khóa + máy cắt chìa khóa; 01 bộ cấp nguồn điện BC1; 01 máy khò; 16 cái main máy tính và 01 ổ cứng di động (tất cả đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng). *(Kết quả định giá tổng số tài sản cá nhân của BC1 trị giá là 13.150.000 đồng)*

- Thu giữ đồ vật cá nhân của bị cáo Nguyễn Đinh Trà BC5: Nữ trang bằng kim loại màu vàng gồm: 01 dây bi mặt liền; 01 vòng hột; 01 mặt hột; 01 nhẫn hột; 01 đôi bông tai hột; 01 đôi bông tai trái châu; 01 nhẫn trắng hột đá; 01 điện BC1 di động hiệu Samsung Note 2, màu trắng, 01 điện BC1 di động hiệu Iphone,

LUẬT SƯ FDVN

màu trắng ngà, 01 điện BC1 di động hiệu Iphone, màu vàng, 01 điện BC1 di động hiệu Nokia màu đen, 01 cục sạc dự phòng hiệu power bark, 01 cục sạc dự phòng hiệu Honda AirBlad (đã qua sử dụng); 25 tờ tiền Việt BC2 mệnh giá 500.000đồng; 01 dây tay nghe màu trắng; 02 đầu cục sạc điện BC1 (không có dây); 02 bật lửa; 02 kính mát màu đen; 02 cây kéo y tế; 01 laptop nhãn hiệu Dell, màu đen; 01 máy tính bảng màu đen, nhãn hiệu Samsung; 01 màn hình tivi màu đen, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số hiệu Model: UA32H4100AK, Type No UA32H4100; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias, biển số 59P2-172.83; số máy 1SK-027118, số khung RLC44SK10FY027103; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59P2- 172.83 do Mai Thị Hiền D6 đứng tên. Kết quả giám định số khung, số máy xe đã bị tẩy xóa không đóng lại số mới và không đọc lại được dãy số, ký tự bị tẩy xóa; Kết quả xác minh Mai Thị Hiền D6 sinh năm 1970 ngụ số 49/18 Nghĩa Phát, phường 6, quận B1, TP Hồ Chí Minh không có mặt tại địa phường từ tháng 6/2016 nên không làm việc được.

- Thu giữ của bị cáo Đặng Lê Phương BC2: 01 điện BC1 di động hiệu Iphone 5, màu trắng xám; 01 cái ví da bên trong có: 01 giấy CMND; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng B2; 01 thẻ ATM đều mang tên Đặng Lê Phương BC2; 05 (năm) tờ tiền Việt BC2 mệnh giá 500.000 đồng; 01 cái túi da màu đen bên trong có dụng cụ sửa chữa điện gồm: 01 kiềm; 01 vít bake; 01 nhíp kẹp; 01 kiềm cắt; 01 vít dẹp; 01 vít nhỏ mở ốc điện BC1; 01 laptop nhãn hiệu Epson màu đen; 01 máy in màu trắng, nhãn hiệu HP Laser Jet P1102.

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Võ Khắc BC4: 01 điện BC1 di động hiệu Nokia màu đen; 01 bộ máy tính để bàn, màu đen hiệu Jetex, màn hình hiệu Asus.

- Thu giữ của bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3: 01 điện BC1 di động hiệu Iphone 6, màu trắng - đen; 01 giấy CMND tên Lê Nguyễn Trung BC3; 01 đăng ký xe mô tô biển số 66P1-736.18 do Nguyễn Thị Anh Cúc đứng tên sở hữu.

- Trong qúa trình điều tra, ông Đặng Thế B (cha ruột bị cáo BC2) giao nộp số tiền 49.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho BC2.

- Trong quá trình truy tố, gia đình các bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả thay cho các bị cáo, gồm: bà Võ Thị Kim Minh (mẹ ruột BC4) nộp số tiền 25.000.000 đồng; ông Lê Văn T3 (cha ruột BC3) đã nộp số tiền 20.000.000 đồng, bà Đinh Thị Thanh Quyên (mẹ ruột BC5) đã nộp số tiền 2.100.000 đồng.

Tại cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 09-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ quyết định truy tố đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Trung BC1 và bị cáo Đặng Lê Phương BC2 về tội "Trộm

LUẬT SƯ FDVN

cắp tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 và điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

- Bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 về tội "Trộm cắp tài sản" Theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm b, s khoản 1, 2, Điều 51; điểm b, h, khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung BC1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung BC1 14 (mười bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 (một) năm tù về "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2018 (ngày tạm giữ);

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm b, s, r, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Lê Phương BC2 phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Đặng Lê Phương BC2 10 (mười) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2018 (ngày tạm giữ);

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r, khoản 1, 2, Điều 51; điểm b, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2018 (ngày bắt khẩn cấp);

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 và Lê Nguyễn Trung BC3 liên đới trách nhiệm bồi thường cho Dương Thị Ái N1 trị giá chiếc xe SH Mode là 45.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 bồi thường cho Trương Thị N số tiền

LUẬT SƯ FDVN

3.600.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Lê Nguyễn Trung BC3 liên đới trách nhiệm bồi thường cho Mai Ngọc Gia K số nữ trang trị giá 83.115.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết X trị giá 14 chai rượu ngoại là 29.220.000 đồng; Trần Thị P1 trị giá số quần áo bị mất là 9.500.000 đồng; Trần Thị P2 trị giá chiếc điện BC1 Iphone là 5.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trung BC1 và Đặng Lê Phương BC2 liên đới trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn D1 trị giá số nhớt và phụ tùng xe 5.895.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 và Nguyễn Võ Khắc BC4 liên đới trách nhiệm bồi thường cho Trần Thái H2 số đồ điện bị mất trị giá 47.660.000 đồng; Nguyễn Thành U số phuộc, mâm, vành xe môtô bị mất trị giá 21.010.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng D4 số quần áo bị mất trị giá 22.270.000 đồng.

Như vậy, trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo như sau:

1/ Nguyễn Trung BC1 phải bồi thường tổng cộng: 111.677.000 đồng.

2/ Đặng Lê Phương BC2 phải bồi thường tổng cộng: 48.259.500 đồng.

3/ Nguyễn Võ Khắc BC4 phải bồi thường tổng cộng: 30.312.000 đồng.

4/ Lê Nguyễn Trung BC3 phải bồi thường tổng cộng: 82.017.500 đồng.

7. Về số tiền hưởng lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo: Nguyễn Trung BC1 phải nộp lại 8.850.000 đồng, Lê Nguyễn Trung BC3 phải nộp 6.510.000 đồng tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Võ Khắc BC4, Nguyễn Đinh Trà BC5 về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2019 bị cáo Đặng Lê Phương BC2 có đơn kháng cáo; cùng ngày 25/9/2019, bị cáo Nguyễn Trung BC1, bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 đều có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Trung BC1 và bị cáo Đặng Lê Phương BC2 xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo BC1 và bị cáo BC2 là luật sư Nguyễn Bá T2 phát biểu ý kiến: Do các bị cáo BC1, BC2 đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo

LUẬT SƯ FDVN

nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 02 (hai) bị cáo này.

Bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do sau khi xét xử sơ thẩm đã tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường trách nhiệm dân sự thêm số tiền 62.017.500 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, nên xin Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc cho cha mẹ và bà nội đã già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Các bị cáo Nguyễn Trung BC1 và Đặng Lê Phương BC2 tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của 02 (hai) bị cáo BC1 và BC2.

Bị cáo BC3 thừa nhận hành vi phạm tội của mình chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã khắc phục hậu quả. Sau khi xét xử sơ thẩm nếu bị cáo BC3 đã khắc phục bồi thường trách nhiệm dân sự như bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo BC3 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trung BC1 và Đặng Lê Phương BC2 rút toàn bộ kháng cáo. Xét, việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo BC1, BC2 như đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo BC1, BC2, cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có có căn cứ chấp nhận.

[2] Bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 thừa nhận đã thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết luận giám định, định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định được hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2018 đến ngày 31/7/2018, bị cáo BC3 cùng với các bị cáo khác trong vụ án thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Trong vụ án này, bị cáo BC3 có vai trò trực tiếp thực hiện, BC3 cùng với BC1 thực hiện 06 lần trộm tài sản gây thiệt hại tài sản

LUẬT SƯ FDVN

335.685.000 đồng. Ngoài ra, BC3 còn một mình 02 lần trộm cắp tài sản gây thiệt hại tài sản 9.400.000 đồng. Tổng cộng, BC3 đã thực hiện 08 lần trộm cắp tài sản, gây thiệt hại tài sản tổng trị giá tài sản là 345.085.000 đồng, được hưởng lợi 33.910.000 đồng.

[3] Như vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét, kháng cáo của bị cáo BC3 xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại như bản án sơ thẩm đã quyết định.

[4.1] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất an cho người dân trong việc quản lý tài sản, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo BC3 có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[4.2] Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 như: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả, tự thú và tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là chị Dương Thị Ái N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, r, khoản 1, 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo BC3 theo quy định của pháp luật hình sự.

[4.3] Ngoài ra, bản án của Tòa án sơ thẩm quyết định trách nhiệm dân sự đối với bị cáo BC3 bồi thường cho bị hại tổng cộng là 82.017.500 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị cáo BC3 đã khắc phục được 20.000.000 đồng, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo BC3 đã nộp bổ sung thêm số tiền là 62.017.500 đồng [(biên lai thu số 06942 ngày 09/10/2019, có cha là Lê Văn T3 nộp thay) (BL 1891)]. Như vậy, bị cáo BC3 đã tự nguyện giao nộp đủ số tiền bồi thường trách nhiện dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm, xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo BC3 theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo BC3, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

LUẬT SƯ FDVN

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo BC1, BC2 và BC3 không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào, điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 17-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với phần hình phạt của bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r, khoản 1, 2, Điều 51; điểm b, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2018 (ngày bắt khẩn cấp);

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2.

Phần tội danh và hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung BC1, bị cáo Đặng Lê Phương BC2 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 17-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục giam các bị cáo BC1, BC2 và BC3 để đảm bảo thi hành án.

Số tiền của bị cáo Lê Nguyễn Trung BC3 (có cha là Lê Văn T3 nộp thay) đã nộp là 62.017.500 (sáu mươi hai triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 06942 ngày 09/10/2019 của Cục thi hành dân sự tỉnh Đồng Tháp sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Trung BC1, Đặng Lê Phương BC2 và Lê Nguyễn Trung BC3, không phải chịu.

LUẬT SƯ FDVN

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Tú Oanh **Phan Văn Yên** **Phan Nhựt Bình**

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76** /2018/HS-PT
Ngày: 29-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng và ông Trương Cao Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2018/TLPT-HS ngày 11/4/2018 đối với các bị cáo Trần Anh T và Lê Văn T1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HSST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Anh T** (tên gọi khác: T Còi); sinh ngày 01 tháng 8 năm 1992 tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn MH, xã MH, huyện QH, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: 38 TTM, phường AĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà Trần Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: không, tiền sự: không.

Quá trình nhân thân: ngày 7/11/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 2/8/2013, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 6/8/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T1 (tên gọi khác: Nhỏ, Gió); sinh ngày 5 tháng 5 năm 1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: tổ 9, khu vực 5, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị H; vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; tiền án: 1 tiền án.

Tại bản án số 11/2013/HSPT ngày 8/1/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 4 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 25/1/2016, chấp hành xong hình phạt tù.

Quá trình nhân thân:

Ngày 27/7/2007, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng, do nhiều lần có hành vi

LUẬT SƯ FDVN

"Trộm cắp tài sản" và "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 6/8/2017. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích trộm cắp xe môtô của người dân trên địa bàn thành phố Huế, trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2017 đến ngày 03/8/2017 Trần Anh T cùng với Lê Văn T1 đã chuẩn bị công cụ phá khóa xe, thực hiện các vụ trộm cắp xe môtô trên địa bàn thành phố Huế, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14h ngày 29/4/2017, Trần Anh T rủ Lê Văn T1 đi trộm xe môtô, T1 đồng ý. Cả hai đi bộ đến Điện thờ cúng Linh Sơn Điện ở Kiệt 47, đường MM, phường TX, thành phố H phát hiện thấy xe môtô hiệu Sirius biển kiểm soát 94C1-036.63 của chị Nguyễn Thị D đang dựng trên vỉa hè trước Điện thờ cúng. Quan sát xung quanh thấy vắng người, T1 đứng ngoài đường để cảnh giới, T đi bộ vào lén lút, bí mật dùng chìa khóa bằng kim loại tự chế mở khóa xe nổ máy chở T1 lái xe tẩu thoát về phòng trọ của T cất giấu. Sau đó, cả hai đón xe ôtô khách vận chuyển xe môtô trộm cắp được vào thành phố Hồ Chí Minh đến bến xe An Sương liên hệ bán xe một người tên Trung, không rõ, nhân thân lại lịch được 2.500.000 đồng, chia nhau T1 xài cá nhân. Xe môtô nói trên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã định giá qua hồ sơ xác định môtô hiệu Sirius biển kiểm soát 94C1-036.63 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị D yêu cầu Trần Anh T, Lê Văn T1 bồi thường số tiền 13.000.000 đồng. T, T1 chưa bồi thường.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13h00' ngày 29/5/2017, T cùng T1 đi bộ đến đường LNC, phường TX, thành phố H để trộm cắp xe môtô. Khi đến trước Chùa TST ở số 13/54 đường LNC, cả hai phát hiện thấy xe môtô hiệu Honda Wave biển số 75L2-6243 của chị Cao Thị Ngọc H đang để trong khuôn viên của nhà chùa. T1 đứng ngoài đường để cảnh giới, T đi bộ vào lén lút, bí mật dùng chìa khóa bằng kim loại tự chế mở khóa xe nổ máy chở T1 lái xe tẩu thoát về phòng trọ của T cất giấu. Sau đó, một mình Lê Văn T1 đón xe ôtô khách đưa xe môtô trộm cắp được vào thành phố Hồ Chí Minh liên hệ bán xe cho một người tên Trung, không rõ, nhân thân lại lịch được 4.800.000 đồng rồi quay trở lại thành phố Huế chia nhau T1 xài cá nhân. Xe môtô nói trên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã định giá qua hồ sơ xác định môtô hiệu Honda Wave biển số 75L2-6243 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 9.000.000 đồng.

Chị Cao Thị Ngọc H không yêu cầu Trần Anh T, Lê Văn T1 bồi thường.

LUẬT SƯ FDVN

Vụ thứ ba: Vào khoảng 12h ngày 06/6/2017, Lê Văn T1 đi đến phòng trọ của Trần Anh T rủ T đi trộm cắp xe môtô, T đồng ý. Cả hai đi bộ đến đường NKT, phường AC, thành phố H. Khi đến trước nhà số 52 đường NKT, cả hai phát hiện thấy xe môtô hiệu Airblade màu đen-bạc biển kiểm soát 75L2-1828 của anh Nguyễn Minh B đang để trước sân nhà, trên ổ khóa xe vẫn còn chìa khóa. Quan sát thấy xung quanh vắng người, T1 đứng ngoài cảnh giới, T đi bộ đến lén lút mở khóa xe nổ máy rồi chở T1 tẩu thoát. Sau đó, cả hai đón xe khách mang theo xe môtô trộm cắp được vào thành phố Hồ Chí Minh, bán xe cho đối tượng tên Trung, không rõ, nhân thân lại lịch được 5.000.000 đồng, rồi quay trở lại thành phố Huế chia nhau T1 xài cá nhân. Xe môtô nói trên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã định giá qua hồ sơ xác định môtô hiệu Airblade màu đen-bạc biển kiểm soát 75L2-1828 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 25.000.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Minh B yêu cầu Trần Anh T, Lê Văn T1 bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. T, T1 chưa bồi thường.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 19h ngày 07/6/2017, Trần Anh T, Lê Văn T1 đi bộ đến đường NHC, phường AT, thành phố H để trộm cắp xe môtô. Khi đi đến trước số nhà 01/02 đường NHC, cả hai phát hiện thấy xe môtô hiệu Airblade biển số 79S2-0674 của anh Nguyễn Phước Quý N đang để trước nhà. Quan sát xung quanh vắng người, T1 đứng ngoài cảnh giới, T đi vào lén lút, bí mật đi đến dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi nổ máy chở T1 tẩu thoát đến đường tránh thành phố Huế đón xe khách chở xe môtô trộm cắp được vào thành phố Hồ Chí Minh bán xe cho đối tượng tên Tr, không rõ, nhân thân lại lịch được 5.500.000 đồng rồi quay trở lại thành phố Huế chia nhau T1 xài cá nhân. Xe môtô nói trên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã định giá qua hồ sơ xác định môtô hiệu Airblade biển số 79S2-0674 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 26.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Phước Quý N yêu cầu Trần Anh T, Lê Văn T1 bồi thường số tiền 26.000.000 đồng. T, T1 chưa bồi thường.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 15h30’ ngày 16/7/2017, Trần Anh T, Lê Văn T1 đi bộ đến đường TH, phường TA, thành phố H để trộm cắp tài sản. Khi đến trước số nhà 01 đường TH, cả hai phát hiện thấy xe môtô hiệu Airblade biển số 75U1-4554 của chị Nguyễn Thị Quỳnh T đang để trên vỉa hè trước cổng nhà. Quan sát xung quanh vắng người, T1 đứng ngoài cảnh giới, T đi vào lén lút, bí mật đi đến dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi nổ máy chở T1 tẩu thoát. Sau đó, T giao xe môtô trộm cắp được cho T1 đưa đến cầm cố cho chị Trần Thị A được 6.000.000 đồng T1 xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe môtô hiệu Airblade biển số 75U1-4554.

LUẬT SƯ FDVN

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã xác định xe môtô hiệu Airblade biển số 75U1-4554 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 20.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2017 Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe môtô nói trên cho người bị hại. Trả lại giấy chứng minh cho Lê Văn T1. Chị Nguyễn Thị Quỳnh T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Trần Thị A cũng không yêu cầu Trần Anh T, Lê Văn T1 phải bồi thường lại số tiền 6.000.000 đồng cho mình.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 17h ngày 22/7/2017, T1 rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Cả hai đi bộ đến đường ĐHT, phường TA, thành phố H để trộm cắp tài sản. Khi đến trước dãy nhà trọ ở kiệt 100 đường ĐHT, cả hai phát hiện thấy xe môtô hiệu Exitier biển số 75C1-19.301 của anh Châu Văn V đang để ở trước cửa ra vào nhà trọ. Quan sát xung quanh vắng người, T1 đứng ngoài cảnh giới, T đi vào lén lút, bí mật đi đến dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi nổ máy chở T1 tẩu thoát. Sau đó, T giao xe môtô cho T1 sử dụng cho đến ngày 24/7/2017 T1 đón xe khách vào thành phố Hồ Chí Minh đến bến xe An Sương bán xe cho một người, không rõ họ tên địa chỉ được 7.000.000 đồng. Số tiền này Lê Văn T1 T1 xài cá nhân hết. Xe môtô cơ quan điều tra Công an thành phố Huế không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã định giá qua hồ sơ xác định môtô hiệu Exitier biển số 75C1-19.301 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 37.000.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Châu Văn V yêu cầu Trần Anh T, Lê Văn T1 bồi thường số tiền 37.000.000 đồng. T, T1 chưa bồi thường.

Vụ thứ bảy: Vào khoảng 15h ngày 30/7/2017, Trần Anh T, Lê Văn T1 đi bộ đến khu quy hoạch phường XP để trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà của chị Nguyễn Thị Minh T cả hai phát hiện thấy xe môtô hiệu Honda Lead biển số 75K9-1421 của chị T đang để trên vỉa hè ở trước cổng nhà. Quan sát xung quanh vắng người, T1 đứng ngoài cảnh giới, T đi vào lén lút, bí mật đi đến dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi nổ máy chở T1 tẩu thoát đưa xe về phòng trọ của T ở số 38 đường TTM cất giấu. Sau đó, T tháo biển số xe 75K9-1421 vứt xuống sông phi tang và gắn biển số 73H1-074.09 vào để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Honda Lead biển số 75K9-1421 có số khung 099Y-100847, số máy 24E-0122122.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã xác định xe môtô hiệu Honda Lead biển số 75K9-1421 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 25.000.000 đồng.

LUẬT SƯ FDVN

Ngày 25/8/2017 Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe môtô nói trên cho người bị hại. Chị Nguyễn Thị Minh T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tổng giá trị 07 chiếc xe môtô Trần Anh T, Lê Văn T1 đã trộm cắp là 155.000.000 đồng.

Ngoài các vụ nêu trên, trong thời gian từ ngày 23/7/2017 đến ngày 3/8/2017, Trần Anh T còn thực hiện 3 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố Huế như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23h30 ngày 23/7/2017 Trần Anh T một mình đi bộ đến Kiệt 137 đường TC, phường AĐ, thành phố H tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến trước khu nhà trọ ở số 41/137 đường TC, T phát hiện thấy xe môtô hiệu sirius biển số 73H1-074.09 của anh Lê Tiến S đang để ở trong sân. Quan sát xung quanh vắng người, T đi bộ vào lén lút, bí mật dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi dắt xe ra ngoài nổ máy tẩu thoát. Sau đó, T gọi điện thoại cho bạn tên "P" ở Quảng Bình, không rõ nhân thân, lai lịch rồi bán xe cho Phú được 1.000.000 đồng T1 xài cá nhân. Cơ quan điều tra không thu hồi được xe mô tô nói trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã định giá qua hồ sơ xác định môtô hiệu Sirius biển số 73H1-074.09 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Lê Tiến S yêu cầu Trần Anh T bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. T chưa bồi thường.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15h30 ngày 03/8/2017 Trần Anh T một mình đi bộ đến chùa ĐV ở tổ 10, khu vực 5 phường AT, thành phố Huế để trộm cắp tài sản. Phát hiện thấy xe môtô hiệu Airblade biển số 75F1-546.25 của anh Huỳnh Văn H đang dựng ở trước cổng nhà chùa. Quan sát xung quanh vắng người, T đi bộ vào lén lút, bí mật dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi dắt xe ra ngoài nổ máy tẩu thoát đưa xe về phòng trọ cất giấu chờ cơ hội để đưa đi T1 thụ nhưng chưa T1 thụ được thì bị cơ quan điều tra Công an thành phố Huế điều tra truy xét bắt giữ, thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe môtô hiệu Airblade biển số 75F1-546.25

Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã xác định xe môtô hiệu hiệu Airblade biển số 75F-546.25 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 34.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2017 Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe môtô nói trên cho người bị hại. Anh Huỳnh Văn H đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 23h00' ngày 03/8/2017 Trần Anh T một mình đi bộ đến khu nhà trọ ở địa chỉ 31/16 đường DT, phường AC, thành phố H để trộm

LUẬT SƯ FDVN

cắp tài sản. T phát hiện thấy cổng nhà trọ không khóa, bên trong sân có xe môtô hiệu Airblade biển số 75G1-201.91 của chị Nguyễn Thị Song H để ở gần cầu thang. Quan sát xung quanh vắng người, T đi bộ vào lén lút, bí mật dùng chìa khóa tự chế, tuốc nơ vít phá khóa xe rồi dắt xe ra ngoài nổ máy tẩu thoát đưa xe về phòng trọ cất giấu chờ cơ hội để đưa đi T1 thụ nhưng chưa T1 thụ được thì bị cơ quan điều tra Công an thành phố Huế điều tra truy xét bắt giữ, thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe môtô hiệu Airblade biển số 75G1-201.91 Tại bản kết luận định giá tài sản số 265/KLĐG ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế đã xác định xe môtô hiệu Airblade biển số 75G1-201.91 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 32.000.000 đồng

Ngày 25/8/2017 Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe môtô nói trên cho người bị hại, chị Nguyễn Thị Song H đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tổng giá trị 03 xe môtô T trộm cắp là 78.000.000 đồng

Vật chứng thu giữ:

-Một bộ "Vam" phá khóa gồm: thân "Vam" hình trụ tròn hình chữ L dài 12cm, đoạn cong chữ L dài 3cm, hai đầu lỗ hình lục giác, trên thân "Vam" có chữ CENTYRY và USA STANDARD; hai mũi "Vam" bằng kim loại màu đen, một đầu mũi "Vam" hình lục giác, dài 3cm; đầu mũi "Vam" dẹp, dài 5cm; một mũi "Vam" có đầu hình lục giác, dài 3,5cm; đầu mũi "Vam" dẹp dài 4,5cm bằng kim loại màu đen.

-Một chìa khóa bằng kim loại màu trắng dài 6,3cm; đầu rộng phía tay cầm có chiều dài 2,4cm; đầu nhỏ có chiều dài 0,9cm. trên chìa khóa có chữ OKATA, tay cầm có lỗ xuyên qua.

-Một cây kéo bằng kim loại màu trắng chiều dài 10 cm.

-Một chìa khóa bằng kim loại màu trắng dài 05cm bọc nhựa màu đen, phần chìa khóa bằng kim loại dài 3,2 cm.

-Một chiếc tuốc nơ vít dài 25 cm cán bọc nhựa màu vàng đỏ dài 12 cm; có chữ CENTURY, trong đó, thanh kim loại dài 16cm, một đầu dẹp, một đầu có 4 chấu; thanh sắt có thể rút ra khỏi cán nhựa.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HSST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 8 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 6/8/2017.

Căn cứ vào điểm b, e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

LUẬT SƯ FDVN

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T1 4 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 6/8/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/3/2018, các bị cáo Trần Anh T và Lê Văn T1 đều có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T1 rút toàn bộ kháng cáo của mình. Bị cáo Trần Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Anh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo Lê Văn T1, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T1; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T1 rút toàn bộ kháng cáo của mình. Xét việc rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo Lê Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận để đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 342 và Điều 348 Bộ Luật tố tụng hình sự.

[2] Đã có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2017 đến ngày 3/8/2017, tại địa bàn thành phố Huế, Trần Anh T và Lê Văn T1 đã lén lút thực hiện 7 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 7 chiếc xe mô tô, cụ thể: chiếm đoạt xe môtô hiệu Sirius biển kiểm soát 94C1-036.63 của chị Nguyễn Thị D có giá trị là 13.000.000 đồng; chiếm đoạt xe Honda Wave biển số 75L2-6243 của chị Cao Thị Ngọc H có giá trị là 9.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade màu đen-bạc biển kiểm soát 75L2-1828 của anh Nguyễn Minh B có giá trị là 25.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade biển số 79S2-0674 của anh Nguyễn Phước Q có giá trị là 26.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade biển số 75U1-4554 của chị Nguyễn Thị Quỳnh T có giá trị là 20.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Exitier biển số 75C1-19.301 của anh Châu Văn V có giá trị là 37.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Honda Lead biển số 75K9-1421 của chị Nguyễn Thị Minh T có giá trị là 25.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản hai bị cáo đã chiếm đoạt là 155.000.000đồng.

Ngoài ra, bị cáo Trần Anh T còn tự mình thực hiện 3 vụ trộm, chiếm đoạt 3 chiếc xe mô tô có giá trị 78.000.000đồng, cụ thể: chiếm đoạt xe môtô hiệu Sirius biển số 73H1-074.09 của anh Lê Tiến S có giá trị là 12.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade biển số 75F-546.25 của anh Huỳnh Văn

LUẬT SƯ FDVN

H có giá trị là 34.000.000 đồng; chiếm đoạt xe môtô hiệu Airblade biển số 75G1-201.91 của chị Nguyễn Thị Song H có giá trị là 32.000.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Trần Anh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Anh T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Trần Anh T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam, lười lao động muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền T1 xài nên dẫn đến việc phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo liên tục thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản, tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị 233.000.000 đồng nên đã phạm vào điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự; lấy đó làm nguồn sống chính nên phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Anh T 08 năm tù là đúng mức, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Anh T phải chịu theo luật định. Bị cáo Lê Văn T1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342 và Điều 348 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo Lê Văn T1, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T1. Phần hình phạt tù đối với bị cáo Lê Văn T1 của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HSST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm 29/5/2018.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 08 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam 6/8/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000đ. Bị cáo Lê Văn T1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

LUẬT SƯ FDVN

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THANH LỘC

*** Nơi nhận:**
- Vụ GĐKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Trại tạm giam CAT;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THS; THCTP.

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT, TP HÀ NỘI
Bản án số: 31/2021/HSST
Ngày: 14/4/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Nguyễn Văn Chiến
2- Bà Nguyễn Thị Mai
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên toà:
Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Cấn Xuân Th, sinh năm 1975, nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Cấn Minh T1 và bà Trương Thị T2; vợ: Đỗ Thị T3; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 06/11/2020, tạm giam từ ngày 24/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an Thành phố Hà Nội. Danh chỉ bản số 263 do Công an huyện Thạch Thất lập ngày 07/11/2020. Có mặt.

-Bị hại:
+ Ông **Tạ Quốc D**- sinh năm 1962. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
+ Bà **Nguyễn Thị H**- sinh năm 1968. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 2, xã Th, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
+ Ông **Đỗ Như S**, sinh năm 1960. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

LUẬT SƯ FDVN

+ Ông **Nguyễn Tiến L**- sinh năm 1962.
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
+ Ông **Nguyễn Xuân Th1**- sinh năm 1959. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.
+ Ông **Nguyễn Văn Q**- sinh năm 1959. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
+ Ông **Nguyễn Mạnh H**- sinh năm 1958. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
+ Ông **Hoàng Duy K**, sinh năm 1970. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông **Vũ Văn D1**, sinh năm 1972. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
+ Anh **Phí Đăng Ng**, sinh năm 1985. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn H, xã Ng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
+ Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1965. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
+ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1960. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Ph, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
+ Ông **Lê Ngọc Tr**, sinh năm 1965. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
+ Ông **Nguyễn Văn D2**, sinh năm 1962. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 14, xã S, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
+ Ông **Đỗ Danh T**, sinh năm 1960. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Ch, huyện Thường Tín, Hà Nội.
- Người làm chứng:
+ Ông **Nguyễn Xuân Ch**- sinh năm 1979. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 14, xã S, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.
+ Bà **Nguyễn Thị Á**- sinh năm 1953. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Th, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
+ Ông **Đỗ Nhân Th2**- sinh năm 1970. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Cấn Xuân Th có chuồng trại và có nghề chăn nuôi, buôn bán trâu bò nhưng là đối tượng lười lao động, vì vụ lợi cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của người dân trong quá trình chăn nuôi

LUẬT SƯ FDVN

động vật để trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2020 Cấn Xuân Th đã thực hiện 09 vụ trộm cắp trâu, bò, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 9 giờ ngày 15/10/2020, Cấn Xuân Th đi bộ đến khu vực xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tìm xem gia đình nào chăn thả trâu, bò không có người trông giữ để trộm cắp. Khi đi qua khu vực trục đường 5 tại khu Công nghệ cao Hoà Lạc thuộc thôn 2, xã Thạch Hoà, thấy 03 (ba) con bò gồm 01(một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, nặng 320 kg, chiều dài 2,1m, chiều cao 1,25m; 01 (một) con bò con, dài 1,1m, cao 0,7m, nặng 100kg; 01 (một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, chiều dài 1,95m, chiều cao 1,28m, nặng 320kg, đang mang thai khoảng 06 tháng của gia đình ông Tạ Quốc D- sinh năm 1962, trú tại: thôn 3, xã H, huyện Thạch Thất đang chăn thả. Thấy không có người trông giữ, Th liền dùng tay xua đuổi 03 con bò đi theo hướng dọc đường gom Đại lộ Thăng Long qua khu vực xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai về trang trại của nhà Th thuộc thôn Đ, xã B, huyện Thạch Thất. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Th liên hệ với ông Vũ Văn D1- sinh năm 1972, trú tại: thôn L, xã A, huyện Hoài Đức để bán 03 con bò cho ông D1. Khoảng 01 giờ sau, ông D1 đến trang trại của Th để xem bò. Sau khi xem bò xong, ông D1 trả giá 60.800.000 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Th đồng ý. Ông D1 trả cho Th 60.800.000 đồng rồi mang 03 con bò về.

Tang vật thu giữ:

01(một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, khoảng 04 năm tuổi, nặng 320 kg, dài 2,1m, cao 1,25m; 01 (một) con bò con khoảng 02 tháng tuổi, dài 1,1m, cao 0,7m, nặng 100kg; 01 (một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, khoảng 04 năm tuổi, dài 1,95m, cao 1,28m, nặng 320kg, đang mang thai khoảng 06 tháng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 91/KL- HĐĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01(một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, khoảng 04 năm tuổi, nặng 320 kg, dài 2,1m, cao 1,25m có giá trị 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 (một) con bò con khoảng 02 tháng tuổi, dài 1,1m, cao 0,7m, nặng 100kg có giá trị 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); 01 (một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, khoảng 04 năm tuổi, dài 1,95m, cao 1,28m, nặng 320kg, đang mang thai khoảng 06 tháng có giá trị 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là: **64.000.000 đồng** (Sáu mươi tư triệu đồng).

Vụ thứ hai:

Khoảng 10 giờ ngày 17/10/2020, Cấn Xuân Th đi bộ đến khu vực Khu công nghệ cao Hoà Lạc thuộc thôn 2, xã Thạch Hoà, cùng vị trí Th đã trộm 03 (ba) con bò của nhà ông Tạ Quốc D ngày 15/10/2020 thì thấy 04 (bốn) con bò của ông Tạ Quốc D gồm 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò Lai Sinb, cao 1,3m, dài 2,3m, nặng 300kg, đang mang thai khoảng 05 tháng; 01 (một) con bò cái Lai Sinb, nặng 360kg, dài 1,95m, cao 1,2m, đang mang thai khoảng 06 tháng; 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, cao 1,2m, dài

LUẬT SƯ FDVN

2m, nặng 340kg, đang mang thai 06 tháng; 01 (một) con bò cái màu vàng, loại bò lai Sinb, dài 2,1m, cao 1,25m, nặng 340kg, đang mang thai 07 tháng đang chăn thả không có người trông giữ. Th liền dùng tay xua đuổi 04 con bò đi theo hướng đường gom Đại lộ Thăng Long qua xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai rồi về trang trại của Th thuộc thôn Đ, xã B. Sau đó, Th bán 04 (bốn) con bò cho anh Phí Đăng Ng- sinh năm 1985, trú tại: thôn H, xã Ng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội. Ngày 17/10/2020, Th bán 01 (một) con bò cho anh Ng với giá 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Cùng ngày, anh Ng đã bán con bò này cho ông Nguyễn Văn H1- sinh năm 1965, trú tại: thôn Ph, xã Ng, huyện Phúc Thọ với giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 19/10/2020, Th bán 01 (một) con bò cho anh Ng với giá 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Khoảng 10 giờ ngày 21/10/2020, anh Ng đã bán lại con bò này cho ông Nguyễn Văn C- sinh năm 1960, trú tại: thôn 1, xã Ph, huyện Phúc Thọ với giá 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 23/10/2020, Th bán 02 (hai) con bò còn lại cho anh Ng với giá 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày hôm sau, anh Ng đã bán lại 02 (hai) con bò này cho ông Lê Ngọc Tr- sinh năm 1965, trú tại: thôn Tr, xã T, huyện Phúc Thọ) với giá 55.500.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tang vật thu giữ:

01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, cao 1,3m, dài 2,3m, nặng 300kg, đang chửa khoảng 05 tháng; 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, nặng 360kg, dài 1,95m, cao 1,2m, bò đang chửa khoảng 06 tháng; 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, cao 1,2m, dài khoảng 2m, nặng 340kg, đang chửa 06 tháng; 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, dài khoảng 2,1m, cao khoảng 1,25m, nặng 340kg, đang chửa 07 tháng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 91/KL – HĐĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, cao 1,3m, dài 2,3m, nặng 300kg, đang mang thai khoảng 5 tháng có giá trị là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, nặng 360kg, dài 1,95m, cao 1,2m, đang mang thai khoảng 06 tháng có giá trị là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, cao 1,2m, dài 2m, nặng 340kg, đang mang thai 06 tháng có giá trị là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng); 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, dài 2,1m, cao 1,25m, nặng 340kg, đang mang thai 07 tháng có giá trị là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Tổng trị giá là ***111.000.000 đồng*** (Một trăm mười một triệu đồng).

Vụ thứ ba:

Khoảng 10 giờ ngày 23/10/2020, Th đi xe Bus đến khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc xã Thạch Hòa để tìm xem gia đình nào chăn nuôi gia súc sơ hở trong việc trông giữ để trộm cắp. Khi đi qua bãi đất trống trong khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc thôn 2, xã Thạch Hòa thì Th nhìn thấy 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò Lai Sinb, dài 2,1m, cao 1,3m, nặng 430 kg của bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1968, trú tại: thôn 2, xã Th

LUẬT SƯ FDVN

đang chăn thả không có người trông giữ. Th tiến gần con bò cởi dây buộc nối bò rồi dắt bò về cất giấu tại trang trại nhà Th ở thôn Đ, xã B để tiếp tục nuôi. Ngày 26/10/2020, Th liên hệ với anh Phí Đăng Ng để bán bò. Khi xem xong bò, anh Ng trả giá 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Th đồng ý bán, anh Ng trả cho Th số tiền 28.000.000 đồng rồi dắt bò về. Ngày 01/11/2020, anh Ng bán con bò trên cho ông Lê Ngọc Tr- sinh năm 1965, trú tại: Tr, xã T, huyện Phúc Thọ với giá 33.500.000 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tang vật thu giữ:

- 01(một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 07 năm tuổi, dài 2,1m, cao 1,3m, nặng 430kg, đang mang thai 06 tháng.

- 01 áo dài khoác màu đen, 01 quần vải bò màu xanh, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 mũ cối màu xanh lá cây.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL - HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01(một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 07 năm tuổi, chiều dài 2,1m, chiều cao 1,3m, nặng 430kg, đang mang thai 06 tháng, có giá trị **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

Vụ thứ tư:

Khoảng 11 giờ ngày 27/10/2020, Th đi chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng, không có biển kiểm soát của con gái Th là Cấn Thị H2- sinh năm 2002, trú tại: thôn C, xã B để đi giao hàng tại xã Hiệp Thuận, huyện Phúc thọ, Hà Nội. Khi đi qua cánh đồng thuộc thôn Hiệp thuận 2, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Th nhìn thấy 01 (một) con trâu đực dài 2,23m. cao 1,25m, nặng 400 kg của ông Đỗ Như S- sinh năm 1960, trú tại: thôn 3, xã H đang chăn thả không có người trông giữ. Quan sát không có người, Th đến cởi dây buộc trâu sau đó dắt trâu về trại chăn nuôi của Th thuộc thôn Đ, xã B.

***Tang vật thu giữ*:**

+ 01 (một) con trâu đực khoảng 03 năm tuổi, dài 2,23m, cao 1,25m, nặng 400 kg.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng – đen, không có biển kiểm soát, số khung RLHJF5831LY091039, số máy JF86E – 2369792, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con trâu đực khoảng 03 năm tuổi, dài 2,23m, cao 1,25m, nặng 400 kg có giá trị là **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

Vụ thứ năm:

Khoảng 10 giờ ngày 30/10/2020, Th đi đến khu vực ngã tư đường 419 thuộc xã Kim Quan, huyện Thạch Thất rồi đi theo hướng xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất tìm trâu bò chăn thả của người dân không có người trông giữ để trộm cắp. Khi đi cách đèn tín hiệu

LUẬT SƯ FDVN

giao thông khoảng 300 mét, Th thấy trên cánh đồng thuộc thôn 4, xã Hương Ngải có 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò lai Sinb, dài 2,1m, cao 1,3 m, nặng 390 kg của nhà ông Nguyễn Tiến L- sinh năm 1962, trú tại: thôn 2, xã H đang chăn thả ngoài đồng. Quan sát không có người xung quanh, Th đến gần con bò, cởi dây buộc và dắt bò về nhốt trong trang trại thuộc thôn Đ, xã Bình Phú.

***Tang vật thu giữ*:**

01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò lai Sinb, khoảng 03 năm tuổi, dài 2,1m, cao 1,3 m, nặng 390 kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò lai Sinb, khoảng 03 năm tuổi, đã đẻ 01 lứa, dài 2,1m, cao 1,3m, nặng 390 kg có giá trị là **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

Vụ thứ sáu:

Khoảng 08 giờ ngày 01/11/2020, Th đi bộ đến khu vực cánh đồng xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai tìm xem có trâu bò thả rông không có người trông giữ để trộm cắp. Khi đi qua khu vực cánh đồng thuộc thôn Đại Phu, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai, Thuỷ nhìn thấy 01 (một) con bò cái đang mang thai, dài 2,35m, cao 1,35m, nặng 370kg của ông Nguyễn Xuân Th- sinh năm 1959, trú tại: thôn Đ, xã L đang chăn thả. Quan sát không có người, Th tiến gần bò rồi cầm dây buộc dắt về cất giấu tại trang trại nhà Th ở thôn Đ, xã B. Ngày 03/11/2020, Th liên hệ với Phí Đăng Ng để bán bò với giá 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Ngày 02/11/2020, anh Ng bán con bò trên cho ông Nguyễn Văn D2- sinh năm 1962, trú tại: thôn 14, xã S, huyện Phúc Thọ với giá 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

***Tang vật thu giữ*:**

01 (một) con bò cái, giống bò Lai Sinb, khoảng 06 năm tuổi, dài 2,35m, cao 1,35m, nặng 370kg, đang mang thai 06 tháng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 06 năm tuổi, đã đẻ 02 lứa, dài 2,35m, cao 1,35m, nặng 370kg, đang mang thai 06 tháng có giá trị **32.500.000 đồng** (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ bảy:

Khoảng 08 giờ ngày 02/11/2020, Th đi bộ đến khu vực cánh đồng thuộc xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất tìm trâu bò chăn thả không có người trông giữ để trộm cắp tài sản. Khi Thủy đi qua khu vực cánh đồng thuộc thôn Đồng Sống, xã Thạch Xá thấy 02 (hai) con bò mẹ con, gồm 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, dài 2.07m, cao 1,25m, nặng 330 kg và 01 con bò con, giống đực, loại lai 3B, dài 1,37m, cao 1m, nặng 115kg của nhà ông Nguyễn Văn Q- sinh năm 1959, trú tại: thôn Đ, xã Th. Quan sát thấy không có người trông giữ, Th tiến lại gần cởi dây buộc bò rồi dắt 02 con bò về cất giấu tại trang trại của Th thuộc

LUẬT SƯ FDVN

thôn Đ, xã B. Sau đó, Th liên hệ với anh Phí Đăng Ng để bán 02 con bò trộm được với giá 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Ngày 02/11/2020, anh Ng bán lại 02 con bò trên cho ông Đỗ Danh T- sinh năm 1960, trú tại: thôn 3, xã Ch, huyện Thường Tín, Hà Nội với giá 46.200.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 03 năm tuổi, dài 2.07m, cao 1,25m, nặng 330 kg.

- 01 (một) con bò con, giống đực, loại lai 3B, khoảng 04 tháng tuổi, dài 1,37m, cao 1m, nặng 115kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 03 năm tuổi, đã đẻ 01 lứa, dài 2.07m, cao 1,25m, nặng 330 kg có giá trị là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 (một) con bò con, giống đực, loại lai 3B, khoảng 04 tháng tuổi, dài 1,37m, cao 1m, nặng 115kg có giá trị là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là **42.000.000 đồng** (Bốn mươi hai triệu đồng).

Vụ thứ tám:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 04/11/2020, Th đi bộ đến khu vực cánh đồng của xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất tìm trâu bò chăn thả không có người trông để trộm cắp. Khi đi qua khu vực cánh đồng thuộc thôn 5, xã Hương Ngải thì Thủy thấy 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống Brahman, dài 2,4m, cao 1,4m, nặng 495kg của ông Nguyễn Mạnh H- sinh năm 1958, trú tại: thôn 5, xã H đang chăn thả ngoài đồng không có người trông giữ. Th tiến lại gần cởi dây buộc và dắt bò về cất giấu tại trang trại của Th thuộc thôn Đ, xã B để chuẩn bị bán.

Tang vật thu giữ:

01 (một) con bò cái đang mang thai khoảng 07 tháng, giống Brahman, khoảng 2,5 năm tuổi, dài 2,4m, cao 1,4m, nặng 495kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con bò cái đang mang thai khoảng 07 tháng, giống Brahman, khoảng 2,5 năm tuổi, dài 2,4m, cao 1,4m, nặng 495kg có giá trị là **25.000.000 đồng** (Hai mươi lăm triệu đồng).

Vụ thứ chín:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/11/2020, Th đi bộ đến khu vực cánh đồng của xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Hà Nội tìm trâu bò chăn thả không có người trông giữ để trộm cắp. Khi đi đến khu vực cánh đồng của thôn Hiệp Thuận 1, xã Hiệp Thuận thì Thuỷ thấy 03 con bò, gồm 01 (một) con bò cái, loại bò lai Sinb, dài 2,1m, cao 1,34m, nặng 395kg; 01 (một) con bò giống đực, dài 1,5m, cao 1,05m, nặng 125kg và 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò 3B, dài 2,26m, cao 1,35m, nặng 430kg đang chăn thả ngoài đồng của ông Hoàng Duy K- sinh năm 1970, trú tại: Thôn 1, xã H không có người trông giữ. Th

LUẬT SƯ FDVN

quan sát không có ai để ý liền tiến gần 03 con bò rồi cởi dây dắt về. Khi Th dắt bò về đến khu vực cánh đồng hướng từ xã Canh Nậu, huyện Thạch Thất đến xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất thì gặp anh Đỗ Nhân Th2- sinh năm 1970, trú tại: thôn H, xã H, huyện Phúc Thọ, anh Th2 hỏi Th: "Em mua bò à", Ty không nói gì rồi dắt bò về cất giấu tại trang trại của Th thuộc thôn Đ, xã B để bán.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) con bò cái, loại bò Lai Sinb, khoảng 4,5 năm tuổi, đã đẻ 03 lứa, dài khoảng 2,1m, cao 1,34m, nặng 395kg.
- 01 (một) con bò giống đực, khoảng 04 tháng tuổi, dài 1,5m, cao 1,05m, nặng 125kg.
- 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò 3B, khoảng 4,5 năm tuổi, đã đẻ 02 lứa, dài 2,26m, cao 1,35m, nặng 430kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất, kết luận: 01 (một) con bò cái, loại bò lai Sinb, khoảng 4,5 năm tuổi, đã đẻ 03 lứa, dài 2,1m, cao 1,34m, nặng 395kg có giá trị 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 (một) con bò giống đực, khoảng 04 tháng tuổi, dài 1,5m, cao 1,05m, nặng 125kg có giá trị là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò 3B, khoảng 4,5 năm tuổi, đã đẻ 02 lứa, dài 2,26m, cao 1,35m, nặng 430kg có giá trị là 47.300.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị 03 con bò là **88.300.000 đồng** (tám mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Ngày 14/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quốc Oai có Công văn số 558 ngày 14/12/2020 về việc uỷ thác cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Thạch Thất điều tra vụ án "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 01/11/2020 tại thôn Đại Phu, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ có Công văn số 08 ngày 18/12/2020 về việc uỷ thác cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Thạch Thất điều tra vụ án "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 27/10/2020 và ngày 05/11/2020 tại xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ. Thành phố Hà Nội.

Đối với Phí Đăng Ng làm nghề buôn bán trâu, bò và đã mua 08 (tám) con bò là tài sản bị cáo Th phạm tội mà có. Bản thân Cấn Xuân Th là người chăn nuôi trâu, bò nhiều năm và có trang trại riêng. Quá trình mua bò, anh Ng không biết đây là tài sản do Th phạm tội mà có và anh Ng mua bò theo giá thị trường. Khi biết số bò anh Ng mua từ bị cáo Th là tài sản phạm tội mà có, anh Ng đã tích cực phối hợp với cơ quan Công an thu giữ số bò đã bán cho các hộ gia đình. Do đó, không đủ căn cứ xử lý Ng về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Vũ Văn D1 làm nghề chăn nuôi gia súc và đã mua 03 (ba) con bò của bị cáo Th. Quá trình mua bò, anh D1 không biết đây là tài sản do Th phạm tội mà có và anh D1 mua bò theo giá thị trường để về nuôi tại trang trại của gia đình. Khi biết 03 con bò mua

LUẬT SƯ FDVN

của bị cáo Th là tài sản phạm tội mà có, anh D1 đã tự nguyện giao nộp 03 con bò phục vụ quá trình điều tra. Do đó, không đủ căn cứ xử lý Vũ Văn D1 về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Lê Ngọc Tr, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn C, ông Đỗ Danh T, ông Nguyễn Văn D2 là những người đã mua lại bò từ anh Phí Đăng Ng để chăn nuôi. Tuy nhiên quá trình mua bò, những người này không biết đây là tài sản phạm tội mà có. Do đó không đủ căn cứ xử lý họ về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng – đen, không có BKS, số khung RLHJF5831LY091039, số máy JF86E – 2369792 mà bị cáo Th sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 27/10/2020 là xe của chị Cấn Thị H2 (con gái của bị cáo Th. Khi mượn xe, bị cáo Th nói với chị H2 là đi giao hàng cho mẹ (Vợ bị cáo Th) nên chị H2 không biết việc bị cáo Th sử dụng xe máy của chị H2 đi trộm cắp tài sản.

*** Về dân sự:**

+ Các bị hại Nguyễn Thị H, Đỗ Như S, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Xuân Th1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Duy K, Tạ Quốc D đã thu hồi được tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì về dân sự.

+ Gia đình bị cáo Cấn Xuân Th đã đền bù khắc phục hậu quả cho anh Phí Đăng Ng số tiền 191.500.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) và đền bù cho anh Vũ Văn D1 số tiền 60.800.000 đồng. Anh Ng và anh D1 không yêu cầu bị cáo Th đền bù gì thêm.

+ Anh Phí Đăng Ng đã đền bù cho ông Lê Ngọc Tr số tiền 91.000.000 đồng là số tiền ông Tr bỏ ra mua 03 (ba) con bò từ anh Ng. Ông Tr không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

+ Anh Phí Đăng Ng đã đền bù cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 25.000.000 đồng là số tiền ông H1 bỏ ra mua 01 con bò từ anh Ng. Ông H1 không có yêu cầu đề nghị gì vầ dân sự.

+ Anh Phí Đăng Ng đã đền bù cho ông Nguyễn Văn C số tiền 25.000.000 đồng là số tiền ông H1 bỏ ra mua 01 con bò từ anh Ng. Ông H1 không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

+ Anh Phí Đăng Ng đã đền bù cho ông Đỗ Danh T số tiền 46.200.000 đồng là số tiền ông T bỏ ra mua 02 con bò từ anh Ng. Ông T không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

+ Anh Phí Đăng Ng đã đền bù cho ông Nguyễn Văn D2 số tiền 29.000.000 đồng là số tiền ông D2 bỏ ra mua 01 con bò từ anh Ng. Ông D2 không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

*** Xử lý vật chứng:** Cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho các bị hại như sau:

+ Trao trả 01 (một) con bò cái giống bò lai Sinb, khoảng 07 năm tuổi, dài 2,1m, cao 1,3m, nặng 430kg (đang mang thai 06 tháng) cho bà Nguyễn Thị H.

LUẬT SƯ FDVN

+ Trao trả 01 (một) con trâu đực khoảng 03 năm tuổi, dài 2,23m, cao 1,25m, nặng 400 kg cho ông Đỗ Như S.

+ Trao trả 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò lai Sinb, khoảng 03 năm tuổi, dài 2,1m, cao 1,3 m, nặng 390 kg cho ông Nguyễn Tiến L.

+ Trao trả 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 06 năm tuổi, dài 2,35m, cao 1,35m, nặng 370kg (đang mang thai 06 tháng) cho ông Nguyễn Xuân Th1.

+ Trao trả 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 03 năm tuổi, dài khoảng 2.07m, cao 1,25m, nặng 330 kg; 01 (một) con bò con, giống đực, loại lai 3B, khoảng 04 tháng tuổi, dài 1,37m, cao 1m, nặng 115kg cho ông Nguyễn Văn Q.

+ Trao trả 01 (một) con bò cái đang mang thai khoảng 07 tháng, giống Brahman, khoảng 2,5 năm tuổi, dài 2,4m, cao 1,4m, nặng 495kg cho ông Nguyễn Mạnh H.

+ Trao trả 01 (một) con bò cái, loại bò lai Sinb, khoảng 4,5 năm tuổi, dài 2,1m, cao 1,34m, nặng 395kg; 01 (một) con bò giống đực, khoảng 04 tháng tuổi, dài khoảng 1,5m, cao 1,05m, nặng 125kg; 01 (một) con bò cái đang mang thai, giống bò 3B, khoảng 4,5 năm tuổi, dài 2,26m, cao 1,35m, nặng 430kg cho ông Hoàng Duy K.

+ Trao trả 01 (một) con bò màu vàng giống bò lai Sinb, khoảng 06 năm tuổi, cao 1,3m, dài 2,3m, nặng 300kg, bò cái đang mang thai khoảng 05 tháng, đẻ 4 lứa; 01 (một) con bò cái lai Sinb, khoảng 05 năm tuổi, nặng 360kg, dài 1,95m, cao 1,2m, bò đang mang thai khoảng 06 tháng, đã đẻ 03 lứa; 01 (một) con bò cái màu vàng, giống bò lai Sinb, khoảng 06 năm tuổi, cao 1,2m, dài 2m, nặng 340kg, đang mang thai 06 tháng, đã đẻ 4 lứa; 01 (một) con bò cái màu vàng, loại bò lai Sinb, khoảng 07 năm tuổi, dài 2,1m, cao 1,25m, nặng 340kg, đang mang thai 07 tháng, đã đẻ 05 lứa; 01 (một) con bò cái, giống bò lai Sinb, khoảng 04 năm tuổi, màu đỏ, cao 1,25m, dài 2,1m, nặng 320kg, đã đẻ 03 lứa; 01 (một) con bò đực khoảng 02 tháng tuổi, loại bò lai Sinb, màu đỏ, cao 70cm, dài 1,1m, nặng 100kg chưa có sừng; 01 (một) con bò cái, loại bò lai Sinb, khoảng 04 năm tuổi màu vàng, cao 1,28m, dài 1,95m, nặng 320kg, đang mang thai 06 tháng, đã đẻ 02 lứa cho ông Tạ Quốc D.

Thu giữ 01 áo dài khoác màu đen, 01 quần vải bò màu xanh, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 mũ cối màu xanh lá cây chuyển chi cục THADS huyện Thạch Thất, Hà Nội để chờ xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Cấn Xuân Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố bị cáo Cấn Xuân Th về tội " Trộm cắp tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51;

LUẬT SƯ FDVN

Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cấn Xuân Th từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: 01 áo dài khoác màu đen, 01 quần vải bò màu xanh, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 mũ cối màu xanh lá cây. Đây là các đồ trang phục bị cáo Th mặc trên người khi đi trộm cắp tài sản, các tài sản này đã cũ không còn giá trị sử dụng nên được tiêu hủy.

Về dân sự: Các Bị hại và những người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu bồi thường về tài sản nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Cấn Xuân Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án, lời khai bị hại, người liên quan, người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Cấn Xuân Th là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do lười lao động, vì vụ lợi cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của người dân trong việc chăn thả gia súc, Cấn Xuân Th đã lén lút thực hiện 09 (chín) vụ trộm cắp tài sản là trâu, bò vào các ngày 15/10/2020, 17/10/2020; 23/10/2020, 27/10/2020, 30/10/2020, 01/11/2020, 02/11/2020, 04/11/2020, 05/11/2020 tại các xã Thạch Hòa, xã Thạch Xá, xã Hương Ngải thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội; xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Th đã chiếm đoạt là **452.800.000 đồng** (Bốn trăm năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) để bán lấy tiền thanh toán các khoản nợ sinh hoạt hàng ngày và tiêu sài cá nhân, sau đó đã bị người dân phát hiện và Công an huyện Thạch Thất bắt giữ.

Hành vi trên của bị cáo Cấn Xuân Th đã phạm tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tổng số tài sản trong 09 lần bị cáo Th trộm cắp có giá trị **452.800.000 đồng** đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo Th theo Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

LUẬT SƯ FDVN

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố bị cáo Cấn Xuân Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[3]. Về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo Th là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn liên huyện Thạch Thất- Phúc Thọ- Quốc Oai. Đối với người nông dân thì trâu, bò là tài sản lớn trong gia đình để phát triển kinh tế, nên phải có hình phạt nghiêm cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng, chống tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng: Trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 05 tháng 11 năm 2020 bị cáo Th đã thực hiện trộm cắp tài sản chín lần, giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo Th phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuy bị cáo có đi thuê chuồng trại để chăn nuôi trâu bò, nhưng bị cáo lại lợi dụng việc mình có chuồng trại để đi trộm trâu, bò mang về chuồng trại nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan pháp luật và người dân, làm cho nhưng người mua trâu, bò trộm cắp của bị cáo không nghi ngờ về nguồn gốc tài sản khi mua của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo Th khai nhận do việc ăn chơi nợ nần không có tiền trả nợ nên bị cáo đã thực hiện 09 lần trộm cắp tài sản để có tiền thanh toán các khoản nợ sinh hoạt cá nhân hàng ngày và tiêu sài cho bản thân. Như vậy việc bị cáo Th trộm cắp tài sản là để làm nguồn sống chính cho bản thân, nên bị cáo Thủy phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" theo Điểm b Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo Th đã tự nguyện giao nộp số trâu, bò còn lại trong trại chăn nuôi của bị cáo, đồng thời tác động để vợ bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền cho những người mua bò của bị cáo Th, nhằm khắc phục hậu quả. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]. Đối với anh Phí Văn Ng và anh Vũ Văn D1 là những người mua bò của bị cáo Th. Bản thân Cấn Xuân Th là người chăn nuôi trâu, bò nhiều năm và có trang trại riêng. Quá trình mua bò, anh Ng và anh D1 không biết đây là tài sản do Th phạm tội mà có. Anh Ng, anh D1 mua bò của Th theo giá thị trường. Khi biết số bò này do bị cáo Th phạm tội mà có, anh Ng và anh D1 đã tích cực phối hợp với cơ quan Công an thu giữ số bò đã bán cho các hộ gia đình; Đối với ông Lê Ngọc Tr, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn C, ông Đỗ Danh T, ông Nguyễn Văn D2 là những người đã mua lại bò từ anh Phí Đăng Ng để chăn nuôi. Tuy nhiên quá trình mua bò, những người này không biết đây là tài sản phạm tội mà có. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người trên là đúng pháp luật.

LUẬT SƯ FDVN

[5]. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số trâu, bò là vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng – đen của chị Cấn Thị H2. Do chị H2 không biết bị cáo Th mượn xe để sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị H2 là đúng pháp luật.

Đối với các vật chứng gồm: 01 áo dài khoác màu đen, 01 quần vải bò màu xanh, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 mũ cối màu xanh lá cây. Đây là các đồ trang phục cá nhân bị cáo Th sử dụng trên người khi đi trộm cắp tài sản, các tài sản này đã cũ không còn giá trị sử dụng nên được tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và những người có quyền lợi liên quan đã nhận lại tài sản đầy đủ và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Cấn Xuân Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 173; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; các điểm b, g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cấn Xuân Th** 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

Về xử lý vật chứng: Tiêu hủy 01 áo dài khoác màu đen, 01 quần vải bò màu xanh, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 mũ cối màu xanh lá cây do Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Th. Các vật chứng trên theo Biên bản giao nhận tài sản, tang vật số 37 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Cấn Xuân Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

LUẬT SƯ FDVN

Nơi nhận:
- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn

LUẬT SƯ FDVN

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2022/HS-PT
Ngày 17 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Bà Nguyễn Thị Sang

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 220/2022/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Trần Mạnh H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Mạnh H sinh năm 1984 tại tỉnh V; nơi đăng ký thường trú: thôn 1 P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký tạm trú: khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Phan Thị T; có vợ và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 16/4/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 54/2021/HS-ST. Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Bản án phúc thẩm số 20/2022/HS-PT ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện T.

- Ngày 25/5/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 63/2021/HS-ST. Bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Bản án phúc thẩm số 262/2021/HS-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện X.

LUẬT SƯ FDVN

Từ tháng 6/2020 đến ngày 13/9/2020 có hành vi "Trộm cắp tài sản", ngày 05/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X, tỉnh Đồng Nai bắt giữ người trong T hợp khẩn cấp và tạm giam từ ngày 11/9/2020.

Bị cáo đang chấp hành các bản án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5) đến ngày 21/6/2022 Cơ quan quản lý tạm giữ tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 553/QĐ-CAT-CQQLTG,TG điều chuyển bị cáo đến Nhà tạm giữ Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo; 06 bị hại; 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H làm nghề lái xe thuê từ đầu năm 2000. Trong quá trình lái xe thuê, Nguyễn Văn H thường xuyên đi ngang các tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương và nhìn thấy bò của người dân chăn thả ở các bãi đất trống không có người trông coi nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định trộm cắp bò mang bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Nguyễn Văn H rủ Trần Như T (là con riêng của bà Nguyễn Ngọc D, sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn H) cùng tham gia thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H gặp Trần Mạnh H là người chuyên mua trâu, bò sống để làm thịt rồi dùng xe ba gác bán dạo ở địa bàn thị xã T, Nguyễn Văn H hỏi Trần Mạnh H có mua bò sống rồi làm thịt bán không thì Trần Mạnh H đồng ý mua.

Tổng cộng Nguyễn Văn H và Trần Như T đã thực hiện 06 vụ trộm bò trên địa bàn thị xã T, Bình Dương và mang bán cho Trần Mạnh H, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng 11 giờ ngày 11/6/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô sirius biển số 93C1 – 341.79 đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, Bình Dương với mục đích tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến khu vực bãi đất trống gần cầu K thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, Nguyễn Văn H nhìn thấy đàn bò của ông Nguyễn Thanh H (H1) đang chăn thả không người trông coi. Lúc này, Nguyễn Văn H nhìn thấy tờ giấy ghi số điện thoại xe chở thuê của ông Trần Thế T dán trên cột điện nên Nguyễn Văn H gọi điện cho ông T1 kêu đến địa điểm thuộc khu phố K, phường T để chở bò về địa bàn thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì ông T1 đồng ý. Sau đó ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 đến địa điểm gần khu vực cầu K. Lúc này Nguyễn Văn H đi đến dắt trộm con bò giống cái, lông màu đỏ vàng, khoảng 02 năm tuổi, có 2 sừng dài 04cm, cao khoảng 1,3 mét, nặng khoảng 150 kg của ông H1 dẫn đến vị trí xe ô tô của ông T1 đang đậu cách đó khoảng 61 mét. Sau đó, Nguyễn Văn H cùng ông T1 đưa con bò lên xe ô tô rồi dẫn đường cho ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chở bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán bò cho Trần Mạnh H. Sau đó, Nguyễn Văn H trả tiền công vận chuyển cho ông T1 với số tiền 1.500.000 đồng rồi ông T1 điều khiển đi đâu thì Nguyễn Văn H không rõ. Sau đó, Nguyễn Văn H bán con bò vừa lấy trộm được của ông H1 cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng.

LUẬT SƯ FDVN

Ngày 11/6/2021, ông H1 đến công an phường Khánh Bình, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường Khánh Bình, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 341/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu đỏ vàng, khoảng 02 năm tuổi, có 2 sừng dài 04cm, cao khoảng 1,3 mét, nặng khoảng 150 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 34.340.000 đồng.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 10 giờ ngày 13/8/2020, Nguyễn Văn H rủ T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô sirius biển số 93C1 – 341.79 chở T đi từ phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương đến khu vực gần vườn tràm trên đường T 36 thuộc khu phố K, phường T, thị xã T thì Nguyễn Văn H nhìn thấy có đàn bò của ông Tống Văn S đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này Nguyễn Văn H gọi điện thoại cho ông T1 kêu ông T1 điều khiển xe tải chở bò về B thì ông T1 đồng ý. Sau đó theo sự chỉ dẫn của Nguyễn Văn H, ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chạy đến đường T 36 thuộc khu phố S, phường T. Khi xe của ông T1 đến nơi, bị cáo T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến khu vực đàn bò của ông S đang ăn cỏ dắt 01 con bò giống đực, lông màu vàng, khoảng 05 năm tuổi, có 2 sừng dài 20cm, cao khoảng 1,75 mét, nặng khoảng 500 kg lên xe của ông T1. Sau đó Nguyễn Văn H dẫn đường cho ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chở bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán bò cho Trần Mạnh H còn T điều khiển xe mô tô biển số 93C1 – 341.79 đi về nhà. Sau đó, Nguyễn Văn H trả tiền công vận chuyển cho ông T1 với số tiền 1.500.000 đồng rồi ông T1 điều khiển đi đâu thì Nguyễn Văn H không rõ. Sau đó Nguyễn Văn H bán con bò vừa lấy trộm được của ông S cho Trần Mạnh H với giá 15.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại thì Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/8/2021, ông S đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 342/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống đực, lông màu vàng, khoảng 05 năm tuổi, có 02 sừng dài 20cm, cao khoảng 1,75 mét, nặng khoảng 500 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 66.900.000 đồng.

3. Vụ thứ ba:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/8/2020, Nguyễn Văn H rủ T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm thì T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô sirius biển số 93C1 - 341.79 chở T đi từ khu phố P đến khu phố B thuộc phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy 01 con bò giống cái, lông màu đỏ, 03 con bò khoảng năm tuổi, có 02 sừng dài 15cm, cao khoảng 1,5 mét, nặng khoảng 200kg của ông Đỗ Văn Q đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi.

LUẬT SƯ FDVN

Lúc này Nguyễn Văn H gọi điện thoại cho ông T1 kêu ông T1 điều khiển xe tải chở bò về B thì ông T1 đồng ý. Sau đó theo sự chỉ dẫn của Nguyễn Văn H, ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chạy đến khu phố B thuộc phường T. Khi xe của ông T1 đến nơi, bị cáo T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, lông màu đỏ, 03 khoảng năm tuổi, có 2 sừng dài 15cm, cao khoảng 1,5 mét, nặng khoảng 200kg lên xe của ông T1. Sau đó Nguyễn Văn H dẫn đường cho ông T1 điều khiển xe ôtô biển số 60C - 281.22 chở bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán bò cho Trần Mạnh H còn T điều khiển xe mô tô biển số 93C1 - 341.79 đi về nhà. Sau đó, Nguyễn Văn H trả tiền công vận chuyển cho ông T1 với số tiền 1.500.000 đồng rồi ông T1 điều khiển đi đâu thì Nguyễn Văn H không rõ. Sau đó Nguyễn Văn H bán con bò vừa lấy trộm được của ông Quí cho Trần Mạnh H với giá 11.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 23/8/2021, ông Quí đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 346/KLTS-TTHS ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu đỏ, 03 khoảng năm tuổi, có 2 sừng dài 15cm, cao khoảng 1,5 mét, nặng khoảng 200kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 41.100.000 đồng.

4. Vụ thứ tư:

Khoảng 10 giờ ngày 25/8/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô tải biển số 62C - 028.97 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến bãi đất trống thuộc khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy đàn bò của ông Phan H1 An đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này, T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, lông màu vàng đậm, khoảng 4 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,4 mét, cân nặng khoảng 250kg lên xe ôtô biển số 62C - 028.97. Sau đó Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô biển số 62C - 028.97chở T và con bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu H, tỉnh Đồng Nai để bán cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại thì Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/9/2021, ông An đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 340/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu vàng đậm, khoảng 4 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,4 mét, cân nặng khoảng 250kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 47.900.000 đồng.

5. Vụ thứ năm:

LUẬT SƯ FDVN

Khoảng 10 giờ ngày 03/9/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô tải biển số 62C - 028.97 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến bãi đất trống thuộc khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy đàn bò của ông Nguyễn Phạm Thái H2 đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này, T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, lông màu vàng trắng (bò đạm), khoảng 03 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,2 mét, cân nặng khoảng 300 kg lên xe ôtô biển số 62C - 028.97. Sau đó Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô biển số 62C - 028.97chở T và con bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu Hóa An thành B, tỉnh Đồng Nai để bán cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/9/2021, ông H2 đến Công an phường T, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường T, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 340/KLTS-TTHS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, lông màu vàng trắng (bò đạm), khoảng 03 năm tuổi, có 2 sừng dài 15 cm, cao khoảng 1,2 mét, cân nặng khoảng 300 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 54.680.000 đồng.

6. Vụ thứ sáu:

Khoảng 10 giờ ngày 05/9/2020, Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô tải biển số 62C - 028.97 chở T đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương tìm bò của người dân chăn thả không người trông coi để bắt trộm. Khi đi đến bãi đất trống thuộc khu phố 2, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy đàn bò của ông Nguyễn Văn T2 đang ăn cỏ tại đây nhưng không có người trông coi. Lúc này, T đứng cảnh giới còn Nguyễn Văn H đi đến dắt 01 con bò giống cái, giống cái, lông màu vàng sậm, khoảng 06 năm tuổi, có 2 sừng dài 05cm, cao khoảng 1,2 mét, nặng khoảng 300 kg lên xe ôtô biển số 62C - 028.97. Sau đó Nguyễn Văn H điều khiển xe ôtô biển số 62C - 028.97chở T và con bò trộm cắp được chạy đến khu vực cầu H, tỉnh Đồng Nai để bán cho Trần Mạnh H với giá 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H chia cho T 500.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn H giữ lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 05/9/2021, ông T2 đến Công an phường V, thị xã T trình báo sự việc. Công an phường V, thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 345/KLTS-TTHS ngày 13/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 con bò giống cái, giống cái, lông màu vàng sậm, khoảng 06 năm tuổi, có 2 sừng dài 05cm, cao khoảng 1,2 mét, nặng khoảng 300 kg, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 54.680.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn H cùng đồng phạm đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tổng cộng 06 con bò của các bị hại là ông H1, S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 299.600.000 đồng. Bị cáo Trần Như T cùng đồng phạm đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tổng cộng 05 con bò của các ông S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 265.260.000 đồng. Bị cáo Trần Mạnh H biết rõ 06

LUẬT SƯ FDVN

con bò của bị cáo Nguyễn Văn H mang đến bán cho bị cáo là tài sản trộm cắp nhưng đã hứa hẹn và đồng ý mua tổng cộng 06 con bò mà bị cáo Nguyễn Văn H trộm cắp của ông H1, S, Q, A, H1, T2 với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 299.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 152/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Mạnh H và Trần Như T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù; tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 262/2021/HS-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/2021/HS-PT ngày 12/1/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo Trần Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù; tổng hợp với hình phạt 08 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 63/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai; 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 54/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai; 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 22 (Hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020; xử phạt bị cáo Trần Như T 05 (năm) năm tù; tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 63/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai; 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 54/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai; 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; buộc bị cáo Trần Như T phải chấp hành hình phạt chung là 12 (Mười hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, bị cáo Trần Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nhưng trong hồ sơ vụ án không chứng minh được tính chuyên nghiệp nên việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự của cấp sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

LUẬT SƯ FDVN

Bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2020 đến ngày 05/9/2020 trên địa bàn thuộc các phường T, T, T, V, thị xã T, tỉnh Bình Dương các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Như T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản là những con bò của các bị hại để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài; bị cáo Trần Mạnh H biết rõ các con bò do bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Như T trộm cắp nhưng vẫn giúp sức tích cực trong việc mua, giết mổ để bán nhằm mục đích tư lợi bất chính.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương; bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện; 06 vụ trộm bò mà các bị cáo thực hiện có tổng giá trị là 299.600.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, trong toàn bộ hồ sơ vụ án, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa chứng minh được bị cáo lấy nguồn thu lợi bất chính từ việc trộm cắp làm nguồn sống chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không đúng với quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Mạnh H quanh co không thừa nhận hành vi đồng phạm trong việc mua 01 con bò đực của bị hại Tống Văn S bị trộm cắp ngày 13/8/2020. Tuy nhiên, căn cứ các chứng cứ tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và việc đối chất trực tiếp đã chứng minh được hành vi này của bị cáo Trần Mạnh H; xét thấy mức hình phạt 08 (tám) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

LUẬT SƯ FDVN

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Mạnh H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Trần Mạnh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù; tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 262/2021/HS-PT ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; 11 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/2022/HS-PT ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo Trần Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Mạnh H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (1),
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NMT, 19.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Lộc

LUẬT SƯ FDVN